

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin - 03 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT120205_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Thị Thủy Phương (6414)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX842001	Võ Tuấn Anh	02/01/2003					25TXLC42SP2L
2	25TX642002	Phan Quốc Bảo	07/11/2002					25TXLC42SP2C
3	25TX642003	Nguyễn Thành Công	05/01/1995					25TXLC42SP2C
4	25TX642009	Đoàn Nguyễn Đức Duy	20/08/2000					25TXLC42SP2C
5	25TX642008	Lê Nguyễn Phương Duy	07/02/1996					25TXLC42SP2C
6	25TX842007	Lê Nhật Duy	07/05/2005					25TXLC42SP2L
7	25TX642007	Lê Thanh Duy	02/02/1999					25TXLC42SP2C
8	25TX842004	Nguyễn Văn Dũng	01/11/1998					25TXLC42SP2L
9	25TX842005	Võ Hữu Dương	05/06/2000					25TXLC42SP2L
10	25TX642004	Nguyễn Thành Đạt	05/08/2000					25TXLC42SP2C
11	25TX642006	Cao Nguyễn Thành Đức	15/02/2001					25TXLC42SP2C
12	25TX642005	Phạm Việt Đức	09/02/2000					25TXLC42SP2C
13	25TX642010	Phạm Thanh Hải	30/07/2000					25TXLC42SP2C
14	25TX842008	Trần Mạnh Hào	08/11/2000					25TXLC42SP2L
15	25TX642013	Vũ Công Hậu	13/07/2002					25TXLC42SP2C
16	25TX642014	Trần Văn Hiến	21/07/1993					25TXLC42SP2C

Số S/V Trong Danh Sách: 16 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT120205_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Hồ Ngọc Khương (5023)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX542030	Nguyễn Quyền Anh	30/10/1996					24TXLT42SP3
2	24TX825033	Nguyễn Thị Minh Anh	02/10/2003					24TXLC25SP3
3	25TXA42001	Lê Trường Bình	24/05/1995					25TXLD42SP2
4	25TXA42002	Trần Viết Cường	04/10/1997					25TXLD42SP2
5	25TXA42005	Lê Dương Nhật Duy	05/04/1996					25TXLD42SP2
6	24TX542031	Nguyễn Văn Đạt	06/03/1995					24TXLT42SP3
7	25TXA42003	Đặng Thanh Điền	22/11/1981					25TXLD42SP2
8	25TXA42004	Phạm Trung Đức	05/01/2000					25TXLD42SP2
9	24TX542032	Nguyễn Văn Hải	10/02/1994					24TXLT42SP3
10	24TX825036	Võ Phước Hiền	15/05/1996					24TXLC25SP3
11	24TX542033	Nguyễn Thanh Hiếu	06/02/1988					24TXLT42SP3
12	24TX542034	Đoàn Nguyễn Duy Hòa	12/08/1990					24TXLT42SP3
13	25TXA42006	Đặng Minh Huy	14/04/2001					25TXLD42SP2
14	24TX825031	Nguyễn Thị Tuyết Kha	22/05/2001					24TXLC25SP3
15	25TXA42007	Nguyễn Ngọc Đồng Khánh	31/07/1997					25TXLD42SP2
16	24TX542035	Vũ Đức Khánh	14/09/1995					24TXLT42SP3
17	25TXA42008	Nguyễn Phần Khởi	06/03/1992					25TXLD42SP2
18	25TXA42009	Trần Trung Kiên	29/08/1994					25TXLD42SP2
19	24TX825035	Lê Thị Lan	16/07/2001					24TXLC25SP3
20	24TX825034	Võ Thị Lại	08/11/1993					24TXLC25SP3
21	24TX825030	Lê Thị Thanh Lành	06/12/1992					24TXLC25SP3
22	25TXA42011	Nguyễn Hữu Mẫn	03/01/1997					25TXLD42SP2
23	25TXA42012	Nguyễn Nhật Minh	17/07/1996					25TXLD42SP2
24	25TXA42013	Trịnh Công Anh Minh	10/09/1991					25TXLD42SP2
25	24TX825029	Phạm Thị Mỹ Nham	17/07/2003					24TXLC25SP3
26	25TXA42016	Trần Văn Phương	01/07/1985					25TXLD42SP2
27	24TX542036	Võ Cao Quốc	20/10/1986					24TXLT42SP3
28	24TX542037	Phạm Đức Sơn	12/10/1981					24TXLT42SP3
29	25TXA42018	Ôn Thanh Thông	03/06/1978					25TXLD42SP2
30	25TXA42019	Đỗ Cao Trí	06/06/1994					25TXLD42SP2
31	25TXA42021	Đỗ Trương Trọng Tuấn	04/04/1996					25TXLD42SP2
32	24TX542038	Đỗ Văn Tú	01/01/1997					24TXLT42SP3
33	25TXA42020	Nguyễn Thanh Tú	08/08/1998					25TXLD42SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT120205_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Hồ Ngọc Khương (5023)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TXA42022	Hồ Phương Vũ	14/05/1987					25TXLD42SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 34 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Cơ lưu chất ứng dụng - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **CFDY330624_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Sơn Minh (3925)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX643001	Trần Kim Anh	02/06/1997					24TXLC43SP2C
2	24TX643002	Cao Văn Cui	25/09/1992					24TXLC43SP2C
3	24TX643003	Trịnh Văn Cường	13/11/1997					24TXLC43SP2C
4	24TX643026	Nguyễn Quang Đăng	19/10/1997					24TXLC43SP2C
5	24TX643004	Nguyễn Văn Đạo	07/04/1994					24TXLC43SP2C
6	24TX843002	Nguyễn Hải Đăng	27/12/2001					24TXLC43SP2L
7	24TX843006	Nguyễn Bá Giang	22/07/2002					24TXLC43SP2L
8	24TX843005	Phan Trường Giang	30/03/2000					24TXLC43SP2L
9	24TX643006	Nguyễn Tấn Hiếu	15/10/1994					24TXLC43SP2C
10	24TX843026	Mai Chân Hoàng	22/06/2000					24TXLC43SP2L
11	24TX843007	Nguyễn Quốc Hoàng	05/09/2001					24TXLC43SP2L
12	24TX843008	Phan Hùng Huy Hoàng	08/11/1999					24TXLC43SP2L
13	24TX643007	Phạm Minh Hòa	09/05/1993					24TXLC43SP2C
14	24TX643018	Trương Diệp Huyền	05/10/1997					24TXLC43SP2C
15	24TX843027	Mai Văn Hùng	18/03/2000					24TXLC43SP2L
16	24TX843009	Nguyễn Trung Phước Hưng	11/06/1997					24TXLC43SP2L
17	24TX843010	Trần Duy Khang	04/03/2001					24TXLC43SP2L
18	24TX643011	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/08/1998					24TXLC43SP2C
19	24TX843011	Nguyễn Vũ Hoàng Long	25/02/2001					24TXLC43SP2L
20	24TX643012	Đỗ Lê Minh	11/04/2000					24TXLC43SP2C
21	24TX643013	Nguyễn Đức Minh	01/05/2001					24TXLC43SP2C
22	24TX843012	Tăng Hoàng Minh	10/01/2000					24TXLC43SP2L
23	24TX643014	Trần Văn Nam	12/09/1996					24TXLC43SP2C
24	24TX843014	Bùi Thị Kim Ngân	04/05/2001					24TXLC43SP2L
25	24TX843015	Lý Trọng Nghĩa	16/08/2003					24TXLC43SP2L
26	24TX843016	Phạm Văn Nguyên	20/02/1999					24TXLC43SP2L
27	24TX843017	Trần Minh Phi	06/03/1999					24TXLC43SP2L
28	24TX643016	Nguyễn Vinh Sang	25/07/1992					24TXLC43SP2C
29	24TX843019	Đoàn Nguyễn Bá Sơn	15/09/1999					24TXLC43SP2L
30	24TX643019	Đào Duy Thái	16/07/2002					24TXLC43SP2C
31	24TX643020	Trần Văn Tiền	28/07/1999					24TXLC43SP2C
32	24TX643021	Nguyễn Hoàng Thanh Toàn	20/02/1987					24TXLC43SP2C
33	24TX843028	Nguyễn Chí Trung	26/10/1999					24TXLC43SP2L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Cơ lưu chất ứng dụng - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **CFDY330624_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Sơn Minh (3925)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX643023	Đỗ Lam Trường	14/06/1998					24TXLC43SP2C
35	24TX843022	Lý Văn Quốc Tuấn	01/12/2001					24TXLC43SP2L
36	24TX643025	Bùi Thanh Tuyền	27/02/1995					24TXLC43SP2C
37	24TX643024	Phan Thanh Tú	15/10/2000					24TXLC43SP2C
38	24TX843023	Nguyễn Quốc Việt	22/05/2003					24TXLC43SP2L
39	24TX843024	Lê Công Vũ	09/02/2003					24TXLC43SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 39 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Cơ sở công nghệ chế tạo máy - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **FMMT330825_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Thanh Vũ (4037)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX643053	Phạm Thế By	26/09/2002					24TXLC43SP3
2	24TX643054	Huỳnh Thành Công	24/11/2003					24TXLC43SP3
3	24TX643055	Lê Đặng Mạnh Cường	01/01/1990					24TXLC43SP3
4	24TX843068	Dương Hoàng Duy	17/09/2003					24TXLC43SP3
5	24TX843079	Đoàn Đức Duy	07/09/2005					24TXLC43SP3
6	24TX643056	Ngô Thành Đạt	19/09/2003					24TXLC43SP3
7	24TX643057	Phan Tiến Đạt	13/02/1998					24TXLC43SP3
8	24TX843069	Phạm Tiến Đạt	12/08/2005					24TXLC43SP3
9	24TX843044	Hoàng Mạnh Đức	02/06/2002					24TXLC43COT3
10	24TX843070	Nguyễn Thanh Hải	27/07/1993					24TXLC43SP3
11	24TX643037	Nguyễn Trần Trọng Hiếu	13/04/2003					24TXLC43SP3
12	24TX843071	Nguyễn Trọng Hiếu	15/01/1996					24TXLC43SP3
13	24TX843080	Vũ Ngọc Xuân Hồng	25/04/2000					24TXLC43SP3
14	24TX643039	Phạm Nhật Huy	14/04/2003					24TXLC43SP3
15	24TX643038	Trần Quốc Huy	29/10/2003					24TXLC43SP3
16	24TX643047	Đình Vĩnh Hùng	16/07/2001					24TXLC43SP3
17	24TX843045	Nguyễn Văn Hưng	07/04/2001					24TXLC43COT3
18	24TX843046	Võ Thành Hưng	20/03/1999					24TXLC43COT3
19	24TX643040	Nguyễn Thành Hữu	01/02/1989					24TXLC43SP3
20	24TX643041	Nguyễn Thành Khải	09/12/1987					24TXLC43SP3
21	24TX843047	Lê Nguyễn Anh Khoa	11/03/2002					24TXLC43COT3
22	24TX643042	Phan Nguyễn Minh Khởi	12/02/2003					24TXLC43SP3
23	24TX843072	Bùi Tất Kiên	08/02/1993					24TXLC43SP3
24	24TX643034	Huỳnh Bá Liệp	06/10/1993					24TXLC43COT3
25	24TX843073	Lê Minh	20/11/2003					24TXLC43SP3
26	24TX643049	Đình Tuấn Nguyên	30/09/1990					24TXLC43SP3
27	24TX843049	Thái Quang Phúc	23/07/2003					24TXLC43COT3
28	24TX843048	Trần Hoàng Phúc	19/01/2002					24TXLC43COT3
29	24TX843082	Tạ Hoàng Quang	14/09/1997					24TXLC43SP3
30	24TX643050	Huỳnh Thanh Quá	24/06/2003					24TXLC43SP3
31	24TX843075	Huỳnh Lâm Sung	18/12/2002					24TXLC43SP3
32	24TX643045	Mai Duy Tâm	14/04/1999					24TXLC43SP3
33	24TX643052	Tô Chung Thắng	18/09/1996					24TXLC43SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Cơ sở công nghệ chế tạo máy - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **FMMT330825_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Thanh Vũ (4037)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX843050	Trần Quốc Toàn	24/02/2002					24TXLC43COT3
35	24TX643046	Phan Văn Tú	27/07/1993					24TXLC43SP3
36	24TX843077	Thạch Vuông	05/10/2003					24TXLC43SP3
37	24TX843078	Huỳnh Văn Vương	18/10/2001					24TXLC43SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 37 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Tài chính doanh nghiệp 2 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ADCF430307_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Vương Quốc Duy (6197)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX825002	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	02/05/1992					24TXLC25SP2
2	24TX825003	Ngô Lê Thanh Duy	23/03/1991					24TXLC25SP2
3	24TX825006	Phạm Thị Hồng Liên	24/07/1998					24TXLC25SP2
4	24TX825008	Nguyễn Ngọc Trúc Ngân	18/11/2002					24TXLC25SP2
5	24TX825011	Nguyễn Hoàng Phong	21/05/2002					24TXLC25SP2
6	24TX825014	Phan Thị Thuận	25/04/1984					24TXLC25SP2
7	24TX825015	Nguyễn Thị Nhật Thường	09/08/2000					24TXLC25SP2
8	24TX825016	Đinh Thị Trang	10/09/2002					24TXLC25SP2
9	24TX825018	Hoàng Thị Thùy Trang	01/09/2002					24TXLC25SP2
10	24TX825017	Trần Thị Phương Trang	28/08/1991					24TXLC25SP2
11	24TX825013	Đào Thị Tuyết	12/09/2003					24TXLC25SP2
12	24TX825019	Trần Thị Ngọc Yến	17/09/2001					24TXLC25SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 12 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: Nguyên lý - Chi tiết máy - 01 - Số TC: 3

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: MMCD230323_01TX

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: Phan Công Bình (0780)

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX645006	Nguyễn Thị Thúy An	23/02/2003					24TXLC45SP3
2	24TX845097	Đỗ Nguyễn Hoàng Hải	17/01/1996					24TXLC45SP3
3	24TX645014	Nguyễn Minh Hiếu	05/12/1998					24TXLC45SP3
4	24TX845078	Lê Đăng Khoa	24/09/2000					24TXLC45SP3
5	24TX845096	Ngô Thanh Trúc Lâm	04/02/2001					24TXLC45SP3
6	24TX845079	Võ Duy Lộc	21/06/1999					24TXLC45SP3
7	24TX845080	Lê Nguyễn Minh	21/11/2003					24TXLC45SP3
8	24TX845082	Hồ Bảo Nghĩa	05/10/2003					24TXLC45SP3
9	24TX845081	Nguyễn Trọng Nghĩa	22/08/2000					24TXLC45SP3
10	24TX845083	Lê Hoài Ngọc	06/11/2003					24TXLC45SP3
11	24TX845085	Võ Quang Long Phát	10/05/2001					24TXLC45SP3
12	24TX845087	Lê Nguyễn Hoàng Phong	24/11/2000					24TXLC45SP3
13	24TX845088	Ngô Hồng Phong	20/03/2001					24TXLC45SP3
14	24TX845089	Nguyễn Văn Phước	06/06/1998					24TXLC45SP3
15	24TX845067	Đỗ Thanh Sang	18/05/2001					24TXLC45COT3
16	24TX645007	Nguyễn Quang Sang	11/05/1983					24TXLC45SP3
17	24TX845090	Ngô Vòng Hồ Phú Sinh	02/08/2003					24TXLC45SP3
18	24TX845091	Nguyễn Ngọc Sơn	24/03/2002					24TXLC45SP3
19	24TX845093	Nguyễn Duy Thành	06/07/2004					24TXLC45SP3
20	24TX645010	Nguyễn Chí Thái	27/01/1998					24TXLC45SP3
21	24TX645011	Hồ Đức Thuận	20/03/2003					24TXLC45SP3
22	24TX645008	Nguyễn Võ Quốc Toàn	15/10/2003					24TXLC45SP3
23	24TX845094	Phạm Thanh Triêm	12/10/2003					24TXLC45SP3
24	24TX645012	Trần Đức Trí	25/12/2003					24TXLC45SP3
25	24TX845092	Phạm Anh Tuấn	22/08/2001					24TXLC45SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: Nguyên lý - Chi tiết máy - 01 - Số TC: 3

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: MMCD230323_01TX

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: Phan Công Bình (0780)

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
26	24TX645013	Nguyễn Hoàng Ý	01/01/1994					24TXLC45SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 26 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin - 03 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT120205_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Thị Thủy Phương (6414)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX842013	Nguyễn Lê Huy	16/06/1997					25TXLC42SP2L
2	25TX642017	Nguyễn Phước Huynh	09/12/1994					25TXLC42SP2C
3	25TX842011	Lê Anh Hùng	03/05/1998					25TXLC42SP2L
4	25TX642015	Phan Việt Hùng	12/10/1994					25TXLC42SP2C
5	25TX842012	Phùng Cẩm Hùng	01/02/1998					25TXLC42SP2L
6	25TX642016	Lê Thành Hưng	29/07/1998					25TXLC42SP2C
7	25TX842014	Nguyễn Chí Khang	23/09/1999					25TXLC42SP2L
8	25TX642019	Trần Lê Viễn Khang	08/10/2003					25TXLC42SP2C
9	25TX842015	Ngô Hồng Khanh	02/10/1997					25TXLC42SP2L
10	25TX842016	Lương Trung Khánh	30/03/1991					25TXLC42SP2L
11	25TX642020	Nguyễn Minh Khánh	16/05/1996					25TXLC42SP2C
12	25TX842017	Nguyễn Đình Kung	07/10/2004					25TXLC42SP2L
13	25TX642022	Trần Mạnh Long	02/08/2001					25TXLC42SP2C
14	25TX642023	Võ Thành Thái Luân	04/12/2001					25TXLC42SP2C
15	25TX642025	Đặng Công Ngôn	20/07/1993					25TXLC42SP2C
16	25TX842018	Thuận Khánh Nguyên	27/11/1996					25TXLC42SP2L
17	25TX642026	Doãn Thành Nhân	20/12/1990					25TXLC42SP2C
18	25TX842019	Nguyễn Thế Nhân	15/06/1978					25TXLC42SP2L
19	25TX642027	Lê Xuân Phúc	12/01/1997					25TXLC42SP2C
20	25TX842023	Nguyễn Thế Quý	11/08/1999					25TXLC42SP2L
21	25TX642028	Châu Minh Tâm	01/03/1997					25TXLC42SP2C
22	25TX642029	Lê Nguyễn Nhật Thanh	26/12/2003					25TXLC42SP2C
23	25TX842025	Thạch Minh Thái	06/11/1995					25TXLC42SP2L
24	25TX642030	Đặng Bùi Hoàng Thiện	23/11/1996					25TXLC42SP2C
25	25TX642031	Nguyễn Văn Thương	20/10/1992					25TXLC42SP2C
26	25TX842027	Đỗ Trung Tín	02/12/2000					25TXLC42SP2L
27	25TX642035	Dương Nhật Toàn	24/07/1996					25TXLC42SP2C
28	25TX642033	Lưu Văn Toàn	16/06/1984					25TXLC42SP2C
29	25TX642034	Nguyễn Hữu Toàn	23/11/1997					25TXLC42SP2C
30	25TX642032	Vũ Đình Song Toàn	16/07/2000					25TXLC42SP2C
31	25TX642036	Trương Minh Trí	09/02/1998					25TXLC42SP2C
32	25TX642037	Nguyễn Nam Trung	17/10/2000					25TXLC42SP2C
33	25TX842028	Phạm Duy Trung	12/10/2003					25TXLC42SP2L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin - 03 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT120205_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Thị Thủy Phương (6414)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX642038	Trần Hữu Trung	17/12/1997					25TXLC42SP2C
35	25TX642040	Nguyễn Ngọc Vũ Truyền	19/01/1998					25TXLC42SP2C
36	25TX642039	Phan Lâm Trường	06/05/2000					25TXLC42SP2C
37	25TX842029	Lê Anh Tuấn	07/12/1999					25TXLC42SP2L
38	25TX842030	Dương Thanh Tùng	16/07/1996					25TXLC42SP2L
39	25TX642041	Phạm Tấn Vinh	12/09/1995					25TXLC42SP2C
40	25TX642042	Lê Hoàng Vĩnh	01/01/2000					25TXLC42SP2C

Số S/V Trong Danh Sách: 40 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin - 02 - SỐ TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT120205_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Thị Phương (6094)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX643001	Trần Hoàng An	27/12/2003					25TXLC43SP2
2	25TX610001	Phạm Văn Bình	20/10/1988					25TXLC10SP2
3	25TX610002	Nguyễn Anh Duy	09/09/1994					25TXLC10SP2
4	25TX810002	Trần Khánh Duy	01/01/2004					25TXLC10SP2
5	25TX810001	Trần Quốc Dương	18/04/2004					25TXLC10SP2
6	25TX643003	Nguyễn Văn Đồng	21/08/1981					25TXLC43SP2
7	25TX810003	Trương Văn Giáp	05/03/2004					25TXLC10SP2
8	25TX810004	Trần Văn Hậu	09/07/1999					25TXLC10SP2
9	25TX810005	Nguyễn Bảo Hiền	14/08/2004					25TXLC10SP2
10	25TX810006	Lê Trung Hiếu	02/02/1999					25TXLC10SP2
11	25TX810008	Hồ Sỹ Huy	14/11/1999					25TXLC10SP2
12	25TX610004	Nguyễn Chí Khang	19/06/2002					25TXLC10SP2
13	25TX810009	Nguyễn Minh Khang	21/01/2003					25TXLC10SP2
14	25TX843005	Trần Thanh Khang	30/03/2004					25TXLC43SP2
15	25TX810010	Đào Trần Tuấn Khanh	12/11/2001					25TXLC10SP2
16	25TX843007	Nguyễn Lê Anh Khoa	17/01/1999					25TXLC43SP2
17	25TX843006	Nguyễn Minh Khoa	19/07/1989					25TXLC43SP2
18	25TX643006	Lê Văn Linh	24/06/1996					25TXLC43SP2
19	25TX610005	Nguyễn Hải Long	24/08/1997					25TXLC10SP2
20	25TX643007	Lê Tấn Lộc	05/11/2001					25TXLC43SP2
21	25TX643008	Nguyễn Hữu Lộc	27/04/1997					25TXLC43SP2
22	25TX643017	Lê Thanh Mai	01/01/1996					25TXLC43SP2
23	25TX810012	Trần Minh Mẫn	19/10/2001					25TXLC10SP2
24	25TX643009	Bùi Công Minh	01/10/2003					25TXLC43SP2
25	25TX810013	Trần Công Minh	26/10/2002					25TXLC10SP2
26	25TX810014	Phạm Trương Minh Ngọc	15/08/1997					25TXLC10SP2
27	25TX810015	Hồ Nhật Nguyên	12/04/2004					25TXLC10SP2
28	25TX810016	Lê Ngọc Nhân	02/01/1998					25TXLC10SP2
29	25TX810017	Lê Gia Nhật	12/11/2003					25TXLC10SP2
30	25TX643010	Trần Minh Nhật	12/01/2003					25TXLC43SP2
31	25TX643011	Phan Minh Nhật	08/01/1999					25TXLC43SP2
32	25TX810018	Lê Thanh Phát	02/02/2004					25TXLC10SP2
33	25TX610007	Nguyễn Hoàng Phú	03/08/1997					25TXLC10SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin - 02 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT120205_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Thị Phương (6094)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX643012	Nguyễn Phạm Duy Phú	15/11/2003					25TXLC43SP2
35	25TX643013	Ma Đăng Quang	05/12/1980					25TXLC43SP2
36	25TX610008	Lý Anh Quyển	20/09/2000					25TXLC10SP2
37	25TX810019	Nguyễn Xuân Quỳnh	13/08/1993					25TXLC10SP2
38	25TX810020	Nguyễn Đức Sỹ	08/11/2001					25TXLC10SP2
39	25TX810021	Đặng Thành Tâm	25/07/2004					25TXLC10SP2
40	25TX810022	Đỗ Minh Tâm	28/07/2004					25TXLC10SP2
41	25TX843010	Phạm Hồng Thắng	06/05/1997					25TXLC43SP2
42	25TX810023	Đoàn Thị Mỹ Thiện	26/08/2001					25TXLC10SP2
43	25TX843013	Nguyễn Hữu Thiện	24/02/2003					25TXLC43SP2
44	25TX643014	Nguyễn Hồng Thìn	26/06/1988					25TXLC43SP2
45	25TX810024	Lê Nguyễn Chí Thuận	30/07/2006					25TXLC10SP2
46	25TX810025	Nguyễn Duy Thuận	21/01/1997					25TXLC10SP2
47	25TX810026	Ngô Hoài Thương	05/10/2004					25TXLC10SP2
48	25TX643015	Nguyễn Đăng Tiến	22/01/2001					25TXLC43SP2
49	25TX810027	Nguyễn Huy Toàn	09/02/2001					25TXLC10SP2
50	25TX810028	Phan Đăng Ngọc Trân	23/08/2003					25TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 50 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin - 04 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT120205_04TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Thị Phương (6094)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX825015	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/10/1999					25TXLC25SP2
2	25TX804028	Nguyễn Đỗ Việt Thắng	13/10/2003					25TXLC04SP2
3	25TX804031	Võ Nguyễn Bảo Thy	03/09/2003					25TXLC04SP2
4	25TX825017	Hoàng Thị Thu Trân	15/01/1991					25TXLC25SP2
5	25TX804032	Nguyễn Trọng Trí	31/12/1996					25TXLC04SP2
6	25TX804034	Đặng Văn Trung	02/09/1994					25TXLC04SP2
7	25TX804033	Lương Nguyễn Minh Trung	27/12/2003					25TXLC04SP2
8	25TX804035	Phạm Trọng Trường	10/06/1999					25TXLC04SP2
9	25TX804036	Trần Văn Tuấn	25/05/2001					25TXLC04SP2
10	25TX804037	Chu Thị Tuyền	28/12/1991					25TXLC04SP2
11	25TX804041	Khương Duy Tùng	21/03/1994					25TXLC04SP2
12	25TX804038	Nguyễn Thị Linh Vi	28/11/2003					25TXLC04SP2
13	25TX604008	Huỳnh Quốc Vương	30/03/1999					25TXLC04SP2
14	25TX804039	Nguyễn Thùy Thanh Vy	27/12/2003					25TXLC04SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 14 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin - 02 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT120205_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Thị Phương (6094)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX843014	Nguyễn Hữu Trí	24/02/2003					25TXLC43SP2
2	25TX810029	Nguyễn Mạnh Trường	22/08/2004					25TXLC10SP2
3	25TX643016	Hồ Khắc Tuấn	22/07/1991					25TXLC43SP2
4	25TX843011	Phan Anh Tuấn	29/01/2003					25TXLC43SP2
5	25TX810030	Võ Hoàng Tùng	03/11/1997					25TXLC10SP2
6	25TX843012	Đào Xuân Win	30/10/1998					25TXLC43SP2
7	25TX810031	Hồ Minh Yên	20/04/2001					25TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 7 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin - 05 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT120205_05TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Thị Thủy Phương (6414)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX845018	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	13/10/2003					25TXLC45SP2
2	25TX845001	Phan Huy Cường	09/05/1985					25TXLC45SP2
3	25TX845019	Nguyễn Ngọc Đà	15/04/2003					25TXLC45SP2
4	25TX845002	Nguyễn Trung Hậu	05/09/1999					25TXLC45SP2
5	25TX845003	Trần Minh Hiếu	12/06/2004					25TXLC45SP2
6	25TX845005	Huỳnh Nhật Khánh	01/12/2001					25TXLC45SP2
7	25TX845006	Trần Duy Khánh	12/10/2002					25TXLC45SP2
8	25TX845007	Lê Văn Lâm	22/08/2001					25TXLC45SP2
9	25TX845008	Nguyễn Văn Lộc	05/02/2004					25TXLC45SP2
10	25TX845009	Phan Chí Phương	22/07/2003					25TXLC45SP2
11	25TX845010	Nguyễn Văn Quân	10/01/2002					25TXLC45SP2
12	25TX845011	Huỳnh Đức Sơn	24/09/2002					25TXLC45SP2
13	25TX645001	Trần Võ Nhật Thăng	09/01/2003					25TXLC45SP2
14	25TX645002	Lê Trần Trí Tín	01/11/1996					25TXLC45SP2
15	25TX845021	Trần Văn Toàn	25/02/2002					25TXLC45SP2
16	25TX845014	Nguyễn Hữu Trọng	18/09/2002					25TXLC45SP2
17	25TX845016	Đình Minh Tuấn	19/07/2003					25TXLC45SP2
18	25TX845022	Nguyễn Thanh Tú	16/11/2002					25TXLC45SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 18 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin - 04 - SỐ TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT120205_04TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Thị Phương (6094)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX804001	Nguyễn Hoàng Ân	24/01/2003					25TXLC04SP2
2	25TX804002	Trần Nhật Bảo	24/06/2000					25TXLC04SP2
3	25TX804042	Đặng Chung	19/02/2003					25TXLC04SP2
4	25TX604001	Bùi Kiên Cường	02/10/1993					25TXLC04SP2
5	25TX825001	Nguyễn Thị Diễm	02/10/1991					25TXLC25SP2
6	25TX804004	Đặng Thanh Duy	17/08/1998					25TXLC04SP2
7	25TX804005	Trần Hoàng Duy	21/07/1999					25TXLC04SP2
8	25TX804006	Trần Quốc Duy	20/08/1986					25TXLC04SP2
9	25TX825002	Lê Mỹ Duyên	04/07/1998					25TXLC25SP2
10	25TX604002	Phạm Tiến Dũng	20/05/1997					25TXLC04SP2
11	25TX804040	Nguyễn Tú Đình	12/08/1994					25TXLC04SP2
12	25TX804007	Hầu Ngọc Hải	01/03/2003					25TXLC04SP2
13	25TX804008	Trần Thiện Hải	01/11/1986					25TXLC04SP2
14	25TX804010	Lê Thị Thu Hằng	22/02/2003					25TXLC04SP2
15	25TX804009	Nguyễn Thái Hân	01/01/2001					25TXLC04SP2
16	25TX604003	Phạm Văn Hân	06/06/1990					25TXLC04SP2
17	25TX825003	Trương Diệp Thúy Hồng	10/01/2001					25TXLC25SP2
18	25TX804011	Nguyễn Duy Khang	17/02/2002					25TXLC04SP2
19	25TX825004	Nguyễn Duy Khang	26/07/1998					25TXLC25SP2
20	25TX804012	Phạm Hoàng Linh	28/03/2003					25TXLC04SP2
21	25TX825006	Mai Thị Loan	11/06/1999					25TXLC25SP2
22	25TX825005	Nguyễn Thị Thanh Loan	30/05/2003					25TXLC25SP2
23	25TX804013	Đặng Quốc Long	25/09/2003					25TXLC04SP2
24	25TX804014	Huỳnh Vũ Luân	02/09/2000					25TXLC04SP2
25	25TX825007	Lê Thị Cẩm Ly	06/04/2004					25TXLC25SP2
26	25TX804015	Danh Thị Hồng Mai	17/05/2002					25TXLC04SP2
27	25TX825008	Bùi Đình Mạnh	26/08/2000					25TXLC25SP2
28	25TX804016	Lê Vũ Minh	11/01/1999					25TXLC04SP2
29	25TX604004	Lê Văn Mười	02/02/1979					25TXLC04SP2
30	25TX804017	Hoàng Thành Nam	17/11/2004					25TXLC04SP2
31	25TX804018	Võ Phạm Ngọc Ngân	23/08/2002					25TXLC04SP2
32	25TX804019	Lê Trọng Nghĩa	21/02/1996					25TXLC04SP2
33	25TX825010	Trần Nguyễn Kim Ngọc	30/09/2003					25TXLC25SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin - 04 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT120205_04TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Thị Phương (6094)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX825011	Đặng Thị Thu Nguyệt	01/04/2002					25TXLC25SP2
35	25TX804020	Nguyễn Trọng Nhân	20/01/2001					25TXLC04SP2
36	25TX825012	Phạm Tú Nhi	04/11/1991					25TXLC25SP2
37	25TX804021	Trần Thị Trúc Nhi	04/02/2003					25TXLC04SP2
38	25TX804022	Nguyễn Thị Yên Như	01/06/2003					25TXLC04SP2
39	25TX804023	Lê Hoàng Phát	16/12/2001					25TXLC04SP2
40	25TX604005	Trần Đăng Phú	10/04/1994					25TXLC04SP2
41	25TX804024	Đào Thị Phúc	12/02/2003					25TXLC04SP2
42	25TX604006	Nguyễn Đoàn Hoàng Phúc	03/05/2003					25TXLC04SP2
43	25TX804025	Nguyễn Lê Hồng Phượng	02/06/2002					25TXLC04SP2
44	25TX804026	Trần Quốc Quý	02/02/1998					25TXLC04SP2
45	25TX825013	Hoàng Thị Hương Sen	16/11/1996					25TXLC25SP2
46	25TX825014	Huỳnh Thị Thu Thanh	24/02/1994					25TXLC25SP2
47	25TX604007	Trần Minh Thành	17/02/1995					25TXLC04SP2
48	25TX804029	Trịnh Việt Thành	02/07/2005					25TXLC04SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 48 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **An toàn mạng không dây & di động - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **WISE432380_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đinh Công Đoàn (9979)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A5-203

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX610001	Nguyễn Thị Huệ Diễm	15/11/1995					24TXLC10SP2
2	24TX610002	Võ Văn Ngọc	02/05/1998					24TXLC10SP2
3	24TX610003	Cao Nguyễn Minh Sang	04/01/2000					24TXLC10SP2
4	24TX610005	Trần Quốc Huy	24/07/1992					24TXLC10SP2
5	24TX610006	Trần Thị Lâm	24/05/1986					24TXLC10SP2
6	24TX810001	Ngô Võ Tuấn An	12/10/2001					24TXLC10SP2
7	24TX810002	Phạm Lê Hoàng Anh	26/10/1999					24TXLC10SP2
8	24TX810003	Vũ Thế Bảo	02/02/2002					24TXLC10SP2
9	24TX810007	Trần Trung Hiếu	10/04/2003					24TXLC10SP2
10	24TX810010	Nguyễn Trọng Linh	25/04/2001					24TXLC10SP2
11	24TX810011	Nguyễn Khôi Nguyên	13/10/2001					24TXLC10SP2
12	24TX810013	Đinh Hồng Phong	26/02/2000					24TXLC10SP2
13	24TX810014	Nguyễn Trần Hoàng Phúc	21/12/2002					24TXLC10SP2
14	24TX810015	Lê Tam Quyền	10/08/2000					24TXLC10SP2
15	24TX810019	Nguyễn Đoàn Trung Trục	08/11/2002					24TXLC10SP2
16	24TX810020	Lê Quang Vinh	21/08/1996					24TXLC10SP2
17	24TX810021	Trương Thanh Vui	24/04/2001					24TXLC10SP2
18	24TX810023	Nguyễn Thanh Phước	13/01/2003					24TXLC10SP2
19	24TX810024	Trần Ngô Bảo Quân	02/01/2003					24TXLC10SP2
20	24TX810025	Trần Trọng Tân	16/11/2001					24TXLC10SP2
21	24TX810026	Trần Đức Tùng	12/01/2003					24TXLC10SP2
22	24TX810027	Nguyễn Thanh Tùng	30/10/2000					24TXLC10SP2
23	24TX810029	Nguyễn Tấn Thịnh	01/05/2003					24TXLC10SP2
24	24TX810031	Phạm Đức Trung	29/06/2004					24TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 24 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Công nghệ kim loại - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **METE230130_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Võ Xuân Tiên (9804)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A108

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX643053	Phạm Thế By	26/09/2002					24TXLC43SP3
2	24TX643054	Huỳnh Thành Công	24/11/2003					24TXLC43SP3
3	24TX643055	Lê Đặng Mạnh Cường	01/01/1990					24TXLC43SP3
4	24TX843068	Dương Hoàng Duy	17/09/2003					24TXLC43SP3
5	24TX843079	Đoàn Đức Duy	07/09/2005					24TXLC43SP3
6	24TX643056	Ngô Thành Đạt	19/09/2003					24TXLC43SP3
7	24TX643057	Phan Tiến Đạt	13/02/1998					24TXLC43SP3
8	24TX843069	Phạm Tiến Đạt	12/08/2005					24TXLC43SP3
9	24TX843044	Hoàng Mạnh Đức	02/06/2002					24TXLC43COT3
10	24TX843070	Nguyễn Thanh Hải	27/07/1993					24TXLC43SP3
11	24TX643037	Nguyễn Trần Trọng Hiếu	13/04/2003					24TXLC43SP3
12	24TX843071	Nguyễn Trọng Hiếu	15/01/1996					24TXLC43SP3
13	24TX843080	Vũ Ngọc Xuân Hồng	25/04/2000					24TXLC43SP3
14	24TX643039	Phạm Nhật Huy	14/04/2003					24TXLC43SP3
15	24TX643038	Trần Quốc Huy	29/10/2003					24TXLC43SP3
16	24TX643047	Đình Vĩnh Hùng	16/07/2001					24TXLC43SP3
17	24TX843045	Nguyễn Văn Hưng	07/04/2001					24TXLC43COT3
18	24TX843046	Võ Thành Hưng	20/03/1999					24TXLC43COT3
19	24TX643040	Nguyễn Thành Hữu	01/02/1989					24TXLC43SP3
20	24TX643041	Nguyễn Thành Khải	09/12/1987					24TXLC43SP3
21	24TX843047	Lê Nguyễn Anh Khoa	11/03/2002					24TXLC43COT3
22	24TX643042	Phan Nguyễn Minh Khởi	12/02/2003					24TXLC43SP3
23	24TX843072	Bùi Tất Kiên	08/02/1993					24TXLC43SP3
24	24TX643034	Huỳnh Bá Liệp	06/10/1993					24TXLC43COT3
25	24TX843073	Lê Minh	20/11/2003					24TXLC43SP3
26	24TX643049	Đình Tuấn Nguyên	30/09/1990					24TXLC43SP3
27	24TX843049	Thái Quang Phúc	23/07/2003					24TXLC43COT3
28	24TX843048	Trần Hoàng Phúc	19/01/2002					24TXLC43COT3
29	24TX843082	Tạ Hoàng Quang	14/09/1997					24TXLC43SP3
30	24TX643050	Huỳnh Thanh Quá	24/06/2003					24TXLC43SP3
31	24TX843075	Huỳnh Lâm Sung	18/12/2002					24TXLC43SP3
32	24TX643045	Mai Duy Tâm	14/04/1999					24TXLC43SP3
33	24TX643052	Tô Chung Thắng	18/09/1996					24TXLC43SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Công nghệ kim loại - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **METE230130_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Võ Xuân Tiên (9804)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A108

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX843050	Trần Quốc Toàn	24/02/2002					24TXLC43COT3
35	24TX643046	Phan Văn Tú	27/07/1993					24TXLC43SP3
36	24TX843077	Thạch Vuông	05/10/2003					24TXLC43SP3
37	24TX843078	Huỳnh Văn Vương	18/10/2001					24TXLC43SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 37 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Tư tưởng Hồ Chí Minh - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT120314_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đỗ Thị Ngọc Lệ (7072)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX542001	Lê Đức Anh	04/03/2003					24TXLT42SP2
2	24TX542030	Nguyễn Quyền Anh	30/10/1996					24TXLT42SP3
3	24TX542003	Dương Hữu Biên	12/09/1993					24TXLT42SP2
4	24TX542004	Đỗ Thanh Bình	14/12/2002					24TXLT42SP2
5	24TX542005	Trần Thanh Chung	04/11/2000					24TXLT42SP2
6	24TX542006	Bùi Hoàng Dũng	13/02/1994					24TXLT42SP2
7	24TX542031	Nguyễn Văn Đạt	06/03/1995					24TXLT42SP3
8	24TX542007	Nguyễn Hải Đăng	11/12/1996					24TXLT42SP2
9	24TX542032	Nguyễn Văn Hải	10/02/1994					24TXLT42SP3
10	24TX543001	Trần Thanh Hải	12/12/1971					24TXLT43SP3
11	24TX542033	Nguyễn Thanh Hiếu	06/02/1988					24TXLT42SP3
12	24TX542009	Trần Mộng Hoài	08/05/1999					24TXLT42SP2
13	24TX542034	Đoàn Nguyễn Duy Hòa	12/08/1990					24TXLT42SP3
14	24TX543003	Bùi Quốc Huy	06/06/1992					24TXLT43SP3
15	24TX542023	Hoàng Văn Hưng	07/08/1991					24TXLT42SP2
16	24TX542035	Vũ Đức Khánh	14/09/1995					24TXLT42SP3
17	24TX543005	Nguyễn Đăng Khoa	24/02/1984					24TXLT43SP3
18	24TX543007	Trần Văn Long	29/12/1989					24TXLT43SP3
19	24TX542010	Nguyễn Thái Minh	14/09/1979					24TXLT42SP2
20	24TX542011	Đặng Quốc Nhân	22/06/1999					24TXLT42SP2
21	24TX542014	Nguyễn Đình Phú	14/03/1995					24TXLT42SP2
22	24TX542036	Võ Cao Quốc	20/10/1986					24TXLT42SP3
23	24TX542037	Phạm Đức Sơn	12/10/1981					24TXLT42SP3
24	24TX543013	Hồ Hữu Thành	13/10/1990					24TXLT43SP3
25	24TX542016	Nguyễn Văn Thành	30/01/1999					24TXLT42SP2
26	24TX543014	Tạ Hữu Thiện	10/08/1994					24TXLT43SP3
27	24TX543015	Võ Văn Thuận	01/03/1996					24TXLT43SP3
28	24TX542017	Nguyễn Ngọc Tiến	09/01/1994					24TXLT42SP2
29	24TX543011	Phạm Huy Tín	16/07/1991					24TXLT43SP3
30	24TX542020	Nguyễn Quang Trường	17/01/2004					24TXLT42SP2
31	24TX543012	Lê Văn Tuấn	04/11/1994					24TXLT43SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Tư tưởng Hồ Chí Minh - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT120314_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đỗ Thị Ngọc Lệ (7072)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
32	24TX542038	Đỗ Văn Tú	01/01/1997					24TXLT42SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 32 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Điều khiển hệ thống điện công nghiệp - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **IPSC343045_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Vĩnh Thanh (6890)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842001	Dương Việt Bắc	24/09/2001					24TXLC42SP2L
2	24TX842004	Lê Xuân Đức	25/02/2002					24TXLC42SP2L
3	24TX842047	Nguyễn Đình Hào	21/11/1999					24TXLC42SP2L
4	24TX842005	Vũ Văn Hậu	03/10/2000					24TXLC42SP2L
5	24TX842007	Hoàng Trọng Hiếu	19/09/1994					24TXLC42SP2L
6	24TX842006	Lê Đức Hiệp	25/12/2001					24TXLC42SP2L
7	24TX842048	Ninh Đắc Hòa	10/11/2000					24TXLC42SP2L
8	24TX842010	Nguyễn Vinh Hưng	22/09/2003					24TXLC42SP2L
9	24TX842013	Huỳnh Nguyên Khoa	02/07/2005					24TXLC42SP2L
10	24TX842014	Trần Anh Kiệt	18/05/2000					24TXLC42SP2L
11	24TX842016	Nguyễn Thành Luân	06/02/1999					24TXLC42SP2L
12	24TX842017	Trần Văn Luận	02/10/1997					24TXLC42SP2L
13	24TX842018	Phan Văn Mẫn	07/09/2002					24TXLC42SP2L
14	24TX842019	Trần Bình Minh	01/10/2003					24TXLC42SP2L
15	24TX842020	Nguyễn Hải Nam	24/05/2003					24TXLC42SP2L
16	24TX842024	Đặng Tấn Nghĩa	31/01/1999					24TXLC42SP2L
17	24TX842023	Nguyễn Hiếu Nghĩa	03/10/2001					24TXLC42SP2L
18	24TX842027	Nguyễn Đức Nguyên	10/09/1995					24TXLC42SP2L
19	24TX842021	Đình Thiện Nhân	19/04/2001					24TXLC42SP2L
20	24TX842022	Tạ Đức Nhật	17/02/2002					24TXLC42SP2L
21	24TX842028	Võ Hoàng Phong	02/01/1999					24TXLC42SP2L
22	24TX842029	Nguyễn Thanh Quyết	27/01/2003					24TXLC42SP2L
23	24TX842031	Hồ Phước Tài	05/06/1999					24TXLC42SP2L
24	24TX842050	Lê Thiên Viễn Tài	10/08/1996					24TXLC42SP2L
25	24TX842032	Nguyễn Quang Nhật Tân	27/10/1999					24TXLC42SP2L
26	24TX842035	Trịnh Thanh Thiêm	10/12/2002					24TXLC42SP2L
27	24TX842036	Đỗ Huỳnh Trung Tín	04/12/1999					24TXLC42SP2L
28	24TX842037	Đỗ Đức Toàn	11/08/2000					24TXLC42SP2L
29	24TX842038	Nông Văn Toàn	06/09/2001					24TXLC42SP2L
30	24TX842040	Nguyễn Bạch Trọng	10/04/2000					24TXLC42SP2L
31	24TX842052	Nguyễn Lê Khánh Trọng	05/12/2002					24TXLC42SP2L
32	24TX842041	Nguyễn Nhật Trung	22/02/2003					24TXLC42SP2L
33	24TX842044	Nguyễn Đức Anh Tú	10/05/2000					24TXLC42SP2L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Điều khiển hệ thống điện công nghiệp - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **IPSC343045_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Vĩnh Thanh (6890)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX842043	Phan Văn Tú	13/01/1999					24TXLC42SP2L
35	24TX842046	Phạm Như Ý	27/02/2001					24TXLC42SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 35 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Triết học Mác - Lênin - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT130105_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Quyết (9843)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX810006	Lê Trung Hiếu	02/02/1999					25TXLC10SP2
2	25TX810008	Hồ Sỹ Huy	14/11/1999					25TXLC10SP2
3	25TX610004	Nguyễn Chí Khang	19/06/2002					25TXLC10SP2
4	25TX810009	Nguyễn Minh Khang	21/01/2003					25TXLC10SP2
5	25TX843005	Trần Thanh Khang	30/03/2004					25TXLC43SP2
6	25TX810010	Đào Trần Tuấn Khanh	12/11/2001					25TXLC10SP2
7	25TX843007	Nguyễn Lê Anh Khoa	17/01/1999					25TXLC43SP2
8	25TX843006	Nguyễn Minh Khoa	19/07/1989					25TXLC43SP2
9	25TX643006	Lê Văn Linh	24/06/1996					25TXLC43SP2
10	25TX610005	Nguyễn Hải Long	24/08/1997					25TXLC10SP2
11	25TX643007	Lê Tấn Lộc	05/11/2001					25TXLC43SP2
12	25TX643008	Nguyễn Hữu Lộc	27/04/1997					25TXLC43SP2
13	25TX643017	Lê Thanh Mai	01/01/1996					25TXLC43SP2
14	25TX810012	Trần Minh Mẫn	19/10/2001					25TXLC10SP2
15	25TX643009	Bùi Công Minh	01/10/2003					25TXLC43SP2
16	25TX810013	Trần Công Minh	26/10/2002					25TXLC10SP2
17	25TX810014	Phạm Trương Minh Ngọc	15/08/1997					25TXLC10SP2
18	25TX810015	Hồ Nhật Nguyên	12/04/2004					25TXLC10SP2
19	25TX810016	Lê Ngọc Nhân	02/01/1998					25TXLC10SP2
20	25TX810017	Lê Gia Nhật	12/11/2003					25TXLC10SP2
21	25TX643010	Trần Minh Nhật	12/01/2003					25TXLC43SP2
22	25TX643011	Phan Minh Nhật	08/01/1999					25TXLC43SP2
23	25TX810018	Lê Thanh Phát	02/02/2004					25TXLC10SP2
24	25TX610007	Nguyễn Hoàng Phú	03/08/1997					25TXLC10SP2
25	25TX643012	Nguyễn Phạm Duy Phú	15/11/2003					25TXLC43SP2
26	25TX643013	Ma Đăng Quang	05/12/1980					25TXLC43SP2
27	25TX610008	Lý Anh Quyển	20/09/2000					25TXLC10SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Triết học Mác - Lênin - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT130105_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Quyết (9843)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
28	25TX810027	Nguyễn Huy Toàn	09/02/2001					25TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 28 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Trí tuệ nhân tạo - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ARIN330585_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Nhật Quang (0623)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX810056	Lê Sỹ Tuấn Anh	10/02/1999					24TXLC10SP3
2	24TX810057	Nguyễn Quốc Bảo	26/07/2001					24TXLC10SP3
3	24TX810068	Tạ Đặng Anh Dương	11/01/2001					24TXLC10SP3
4	24TX610008	Đặng Tấn Đạt	06/02/1994					24TXLC10SP3
5	24TX610009	Trịnh Hận	15/09/1991					24TXLC10SP3
6	24TX810060	Bùi Chí Hiếu	12/10/1999					24TXLC10SP3
7	24TX810059	Nguyễn Trung Hiếu	30/12/1996					24TXLC10SP3
8	24TX610010	Nguyễn Thanh Huy	17/04/2002					24TXLC10SP3
9	24TX810061	Nguyễn Phát Khang	11/07/2000					24TXLC10SP3
10	24TX810062	Vũ Khanh	08/08/2004					24TXLC10SP3
11	24TX810063	Vương Hoàng Khôi	15/12/2005					24TXLC10SP3
12	24TX810069	Nguyễn Quang Minh	28/02/2002					24TXLC10SP3
13	24TX810064	Nguyễn Thị Diễm My	03/12/2001					24TXLC10SP3
14	24TX610012	Lê Nguyễn Minh Quân	03/03/1993					24TXLC10SP3
15	24TX610013	Bá Hoài Sơn	20/11/1997					24TXLC10SP3
16	24TX610014	Lê Minh Tài	23/11/2003					24TXLC10SP3
17	24TX810065	Bùi Thu Thanh	19/03/2003					24TXLC10SP3
18	24TX810070	Nguyễn Tiến Thành	22/07/2002					24TXLC10SP3
19	24TX810071	Nguyễn Ngọc Thiện	26/01/2001					24TXLC10SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 19 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Phân tích dữ liệu - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **DANA230706_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Thị Tuyết Thanh (1631)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX825033	Nguyễn Thị Minh Anh	02/10/2003					24TXLC25SP3
2	24TXA24005	Vũ Thế Đức	03/05/1992					24TXLD24SP3
3	24TXA24006	Trần Trung Hậu	19/09/1998					24TXLD24SP3
4	24TX825036	Võ Phước Hiên	15/05/1996					24TXLC25SP3
5	24TXA24007	Nguyễn Văn Huân	28/02/1997					24TXLD24SP3
6	24TX825031	Nguyễn Thị Tuyết Kha	22/05/2001					24TXLC25SP3
7	24TX825035	Lê Thị Lan	16/07/2001					24TXLC25SP3
8	24TX825034	Võ Thị Lại	08/11/1993					24TXLC25SP3
9	24TX825030	Lê Thị Thanh Lành	06/12/1992					24TXLC25SP3
10	24TXA24008	Nguyễn Thanh Minh	24/07/1993					24TXLD24SP3
11	24TXA24009	Đặng Lê Nam	16/09/1993					24TXLD24SP3
12	24TXA24010	Huỳnh Thảo Ngân	07/12/1996					24TXLD24SP3
13	24TXA24011	Nguyễn Trần Hữu Nguyên	20/10/2001					24TXLD24SP3
14	24TX825029	Phạm Thị Mỹ Nhạn	17/07/2003					24TXLC25SP3
15	24TXA24012	Lê Văn Phúc	21/02/1986					24TXLD24SP3
16	24TXA24013	Trần Anh Quốc	05/07/1989					24TXLD24SP3
17	24TXA24014	Huỳnh Công Tân	10/08/2000					24TXLD24SP3
18	24TXA24016	Nguyễn Đức Thuận	27/05/1984					24TXLD24SP3
19	24TXA24017	Chế Quang Triều	05/11/1994					24TXLD24SP3
20	24TXA24019	Nguyễn Phi Vương	19/01/1997					24TXLD24SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 20 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Triết học Mác - Lênin - 04 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT130105_04TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đỗ Thị Thanh Huyền (6154)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX845018	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	13/10/2003					25TXLC45SP2
2	25TX845001	Phan Huy Cường	09/05/1985					25TXLC45SP2
3	25TX845019	Nguyễn Ngọc Đà	15/04/2003					25TXLC45SP2
4	25TX845002	Nguyễn Trung Hậu	05/09/1999					25TXLC45SP2
5	25TX845003	Trần Minh Hiếu	12/06/2004					25TXLC45SP2
6	25TX845005	Huỳnh Nhật Khánh	01/12/2001					25TXLC45SP2
7	25TX845006	Trần Duy Khánh	12/10/2002					25TXLC45SP2
8	25TX845007	Lê Văn Lâm	22/08/2001					25TXLC45SP2
9	25TX845008	Nguyễn Văn Lộc	05/02/2004					25TXLC45SP2
10	25TX845009	Phan Chí Phương	22/07/2003					25TXLC45SP2
11	25TX845010	Nguyễn Văn Quân	10/01/2002					25TXLC45SP2
12	25TX810019	Nguyễn Xuân Quỳnh	13/08/1993					25TXLC10SP2
13	25TX845011	Huỳnh Đức Sơn	24/09/2002					25TXLC45SP2
14	25TX810020	Nguyễn Đức Sỹ	08/11/2001					25TXLC10SP2
15	25TX810021	Đặng Thành Tâm	25/07/2004					25TXLC10SP2
16	25TX810022	Đỗ Minh Tâm	28/07/2004					25TXLC10SP2
17	25TX843010	Phạm Hồng Thắng	06/05/1997					25TXLC43SP2
18	25TX645001	Trần Võ Nhật Thắng	09/01/2003					25TXLC45SP2
19	25TX810023	Đoàn Thị Mỹ Thiện	26/08/2001					25TXLC10SP2
20	25TX843013	Nguyễn Hữu Thiện	24/02/2003					25TXLC43SP2
21	25TX643014	Nguyễn Hồng Thìn	26/06/1988					25TXLC43SP2
22	25TX810024	Lê Nguyễn Chí Thuận	30/07/2006					25TXLC10SP2
23	25TX810025	Nguyễn Duy Thuận	21/01/1997					25TXLC10SP2
24	25TX810026	Ngô Hoài Thương	05/10/2004					25TXLC10SP2
25	25TX643015	Nguyễn Đăng Tiến	22/01/2001					25TXLC43SP2
26	25TX645002	Lê Trần Trí Tín	01/11/1996					25TXLC45SP2
27	25TX845021	Trần Văn Toàn	25/02/2002					25TXLC45SP2
28	25TX810028	Phan Đặng Ngọc Trân	23/08/2003					25TXLC10SP2
29	25TX843014	Nguyễn Hữu Trí	24/02/2003					25TXLC43SP2
30	25TX845014	Nguyễn Hữu Trọng	18/09/2002					25TXLC45SP2
31	25TX810029	Nguyễn Mạnh Trường	22/08/2004					25TXLC10SP2
32	25TX845016	Đinh Minh Tuấn	19/07/2003					25TXLC45SP2
33	25TX643016	Hồ Khắc Tuấn	22/07/1991					25TXLC43SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Triết học Mác - Lênin - 04 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT130105_04TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đỗ Thị Thanh Huyền (6154)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX843011	Phan Anh Tuấn	29/01/2003					25TXLC43SP2
35	25TX810030	Võ Hoàng Tùng	03/11/1997					25TXLC10SP2
36	25TX845022	Nguyễn Thanh Tú	16/11/2002					25TXLC45SP2
37	25TX843012	Đào Xuân Win	30/10/1998					25TXLC43SP2
38	25TX810031	Hồ Minh Yên	20/04/2001					25TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 38 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Triết học Mác - Lênin - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT130105_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đỗ Thị Thanh Huyền (6154)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX804001	Nguyễn Hoàng Ân	24/01/2003					25TXLC04SP2
2	25TX804002	Trần Nhật Bảo	24/06/2000					25TXLC04SP2
3	25TX804042	Đặng Chung	19/02/2003					25TXLC04SP2
4	25TX604001	Bùi Kiên Cường	02/10/1993					25TXLC04SP2
5	25TX825001	Nguyễn Thị Diễm	02/10/1991					25TXLC25SP2
6	25TX804004	Đặng Thanh Duy	17/08/1998					25TXLC04SP2
7	25TX804005	Trần Hoàng Duy	21/07/1999					25TXLC04SP2
8	25TX804006	Trần Quốc Duy	20/08/1986					25TXLC04SP2
9	25TX825002	Lê Mỹ Duyên	04/07/1998					25TXLC25SP2
10	25TX604002	Phạm Tiến Dũng	20/05/1997					25TXLC04SP2
11	25TX804040	Nguyễn Tú Đình	12/08/1994					25TXLC04SP2
12	25TX804007	Hầu Ngọc Hải	01/03/2003					25TXLC04SP2
13	25TX804008	Trần Thiện Hải	01/11/1986					25TXLC04SP2
14	25TX804010	Lê Thị Thu Hằng	22/02/2003					25TXLC04SP2
15	25TX804009	Nguyễn Thái Hân	01/01/2001					25TXLC04SP2
16	25TX604003	Phạm Văn Hân	06/06/1990					25TXLC04SP2
17	25TX825003	Trương Diệp Thúy Hồng	10/01/2001					25TXLC25SP2
18	25TX804011	Nguyễn Duy Khang	17/02/2002					25TXLC04SP2
19	25TX825004	Nguyễn Duy Khang	26/07/1998					25TXLC25SP2
20	25TX804012	Phạm Hoàng Linh	28/03/2003					25TXLC04SP2
21	25TX825006	Mai Thị Loan	11/06/1999					25TXLC25SP2
22	25TX825005	Nguyễn Thị Thanh Loan	30/05/2003					25TXLC25SP2
23	25TX804013	Đặng Quốc Long	25/09/2003					25TXLC04SP2
24	25TX804014	Huỳnh Vũ Luân	02/09/2000					25TXLC04SP2
25	25TX825007	Lê Thị Cẩm Ly	06/04/2004					25TXLC25SP2
26	25TX804015	Danh Thị Hồng Mai	17/05/2002					25TXLC04SP2
27	25TX825008	Bùi Đình Mạnh	26/08/2000					25TXLC25SP2
28	25TX804016	Lê Vũ Minh	11/01/1999					25TXLC04SP2
29	25TX604004	Lê Văn Mười	02/02/1979					25TXLC04SP2
30	25TX804017	Hoàng Thành Nam	17/11/2004					25TXLC04SP2
31	25TX804018	Võ Phạm Ngọc Ngân	23/08/2002					25TXLC04SP2
32	25TX804019	Lê Trọng Nghĩa	21/02/1996					25TXLC04SP2
33	25TX825010	Trần Nguyễn Kim Ngọc	30/09/2003					25TXLC25SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Triết học Mác - Lênin - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT130105_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đỗ Thị Thanh Huyền (6154)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX825011	Đặng Thị Thu Nguyệt	01/04/2002					25TXLC25SP2
35	25TX804020	Nguyễn Trọng Nhân	20/01/2001					25TXLC04SP2
36	25TX825012	Phạm Tú Nhi	04/11/1991					25TXLC25SP2
37	25TX804021	Trần Thị Trúc Nhi	04/02/2003					25TXLC04SP2
38	25TX804022	Nguyễn Thị Yên Như	01/06/2003					25TXLC04SP2
39	25TX804023	Lê Hoàng Phát	16/12/2001					25TXLC04SP2
40	25TX604005	Trần Đăng Phú	10/04/1994					25TXLC04SP2
41	25TX804024	Đào Thị Phúc	12/02/2003					25TXLC04SP2
42	25TX604006	Nguyễn Đoàn Hoàng Phúc	03/05/2003					25TXLC04SP2
43	25TX804025	Nguyễn Lê Hồng Phượng	02/06/2002					25TXLC04SP2
44	25TX804026	Trần Quốc Quý	02/02/1998					25TXLC04SP2
45	25TX825013	Hoàng Thị Hương Sen	16/11/1996					25TXLC25SP2
46	25TX825014	Huỳnh Thị Thu Thanh	24/02/1994					25TXLC25SP2
47	25TX604007	Trần Minh Thành	17/02/1995					25TXLC04SP2
48	25TX804029	Trịnh Việt Thành	02/07/2005					25TXLC04SP2
49	25TX825015	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/10/1999					25TXLC25SP2
50	25TX804028	Nguyễn Đỗ Việt Thắng	13/10/2003					25TXLC04SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 50 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Triết học Mác - Lênin - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT130105_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Quyết (9843)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX842001	Võ Tuấn Anh	02/01/2003					25TXLC42SP2L
2	25TX642002	Phan Quốc Bảo	07/11/2002					25TXLC42SP2C
3	25TX642003	Nguyễn Thành Công	05/01/1995					25TXLC42SP2C
4	25TX642009	Đoàn Nguyễn Đức Duy	20/08/2000					25TXLC42SP2C
5	25TX642008	Lê Nguyễn Phương Duy	07/02/1996					25TXLC42SP2C
6	25TX842007	Lê Nhật Duy	07/05/2005					25TXLC42SP2L
7	25TX642007	Lê Thanh Duy	02/02/1999					25TXLC42SP2C
8	25TX842004	Nguyễn Văn Dũng	01/11/1998					25TXLC42SP2L
9	25TX842005	Võ Hữu Dương	05/06/2000					25TXLC42SP2L
10	25TX642004	Nguyễn Thành Đạt	05/08/2000					25TXLC42SP2C
11	25TX642006	Cao Nguyễn Thành Đức	15/02/2001					25TXLC42SP2C
12	25TX642005	Phạm Việt Đức	09/02/2000					25TXLC42SP2C
13	25TX642010	Phạm Thanh Hải	30/07/2000					25TXLC42SP2C
14	25TX842008	Trần Mạnh Hào	08/11/2000					25TXLC42SP2L
15	25TX642013	Vũ Công Hậu	13/07/2002					25TXLC42SP2C
16	25TX642014	Trần Văn Hiến	21/07/1993					25TXLC42SP2C
17	25TX842013	Nguyễn Lê Huy	16/06/1997					25TXLC42SP2L
18	25TX642017	Nguyễn Phước Huynh	09/12/1994					25TXLC42SP2C
19	25TX842011	Lê Anh Hùng	03/05/1998					25TXLC42SP2L
20	25TX642015	Phan Việt Hùng	12/10/1994					25TXLC42SP2C
21	25TX842012	Phùng Cẩm Hùng	01/02/1998					25TXLC42SP2L
22	25TX642016	Lê Thành Hưng	29/07/1998					25TXLC42SP2C
23	25TX842014	Nguyễn Chí Khang	23/09/1999					25TXLC42SP2L
24	25TX642019	Trần Lê Viễn Khang	08/10/2003					25TXLC42SP2C
25	25TX842015	Ngô Hồng Khanh	02/10/1997					25TXLC42SP2L
26	25TX842016	Lương Trung Khánh	30/03/1991					25TXLC42SP2L
27	25TX642020	Nguyễn Minh Khánh	16/05/1996					25TXLC42SP2C
28	25TX842017	Nguyễn Đình Kung	07/10/2004					25TXLC42SP2L
29	25TX642022	Trần Mạnh Long	02/08/2001					25TXLC42SP2C
30	25TX642023	Võ Thành Thái Luân	04/12/2001					25TXLC42SP2C
31	25TX642025	Đặng Công Ngôn	20/07/1993					25TXLC42SP2C
32	25TX842018	Thuận Khánh Nguyên	27/11/1996					25TXLC42SP2L
33	25TX642026	Doãn Thành Nhân	20/12/1990					25TXLC42SP2C

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Triết học Mác - Lênin - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT130105_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Quyết (9843)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX842019	Nguyễn Thế Nhân	15/06/1978					25TXLC42SP2L
35	25TX642027	Lê Xuân Phúc	12/01/1997					25TXLC42SP2C
36	25TX842023	Nguyễn Thế Quý	11/08/1999					25TXLC42SP2L
37	25TX642028	Châu Minh Tâm	01/03/1997					25TXLC42SP2C
38	25TX642029	Lê Nguyễn Nhật Thanh	26/12/2003					25TXLC42SP2C
39	25TX842025	Thạch Minh Thái	06/11/1995					25TXLC42SP2L
40	25TX642030	Đặng Bùi Hoàng Thiện	23/11/1996					25TXLC42SP2C
41	25TX642031	Nguyễn Văn Thương	20/10/1992					25TXLC42SP2C
42	25TX842027	Đỗ Trung Tín	02/12/2000					25TXLC42SP2L
43	25TX642035	Dương Nhật Toàn	24/07/1996					25TXLC42SP2C
44	25TX642033	Lưu Văn Toàn	16/06/1984					25TXLC42SP2C
45	25TX642034	Nguyễn Hữu Toàn	23/11/1997					25TXLC42SP2C
46	25TX642032	Vũ Đình Song Toàn	16/07/2000					25TXLC42SP2C
47	25TX642036	Trương Minh Trí	09/02/1998					25TXLC42SP2C
48	25TX642037	Nguyễn Nam Trung	17/10/2000					25TXLC42SP2C
49	25TX842028	Phạm Duy Trung	12/10/2003					25TXLC42SP2L
50	25TX642038	Trần Hữu Trung	17/12/1997					25TXLC42SP2C
51	25TX642040	Nguyễn Ngọc Vũ Truyền	19/01/1998					25TXLC42SP2C
52	25TX642039	Phan Lâm Trường	06/05/2000					25TXLC42SP2C
53	25TX842029	Lê Anh Tuấn	07/12/1999					25TXLC42SP2L
54	25TX842030	Dương Thanh Tùng	16/07/1996					25TXLC42SP2L
55	25TX642041	Phạm Tấn Vinh	12/09/1995					25TXLC42SP2C
56	25TX642042	Lê Hoàng Vĩnh	01/01/2000					25TXLC42SP2C

Số S/V Trong Danh Sách: 56 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Ứng dụng CAE trong kỹ thuật cơ khí - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **CAEM335925_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đào Thanh Phong (0946)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A306

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX643001	Trần Kim Anh	02/06/1997					24TXLC43SP2C
2	24TX643002	Cao Văn Cui	25/09/1992					24TXLC43SP2C
3	24TX643003	Trịnh Văn Cường	13/11/1997					24TXLC43SP2C
4	24TX643026	Nguyễn Quang Đăng	19/10/1997					24TXLC43SP2C
5	24TX643004	Nguyễn Văn Đạo	07/04/1994					24TXLC43SP2C
6	24TX843002	Nguyễn Hải Đăng	27/12/2001					24TXLC43SP2L
7	24TX843006	Nguyễn Bá Giang	22/07/2002					24TXLC43SP2L
8	24TX843005	Phan Trường Giang	30/03/2000					24TXLC43SP2L
9	24TX643006	Nguyễn Tấn Hiếu	15/10/1994					24TXLC43SP2C
10	24TX843026	Mai Chân Hoàng	22/06/2000					24TXLC43SP2L
11	24TX843007	Nguyễn Quốc Hoàng	05/09/2001					24TXLC43SP2L
12	24TX843008	Phan Hùng Huy Hoàng	08/11/1999					24TXLC43SP2L
13	24TX643007	Phạm Minh Hòa	09/05/1993					24TXLC43SP2C
14	24TX643018	Trương Diệp Huyền	05/10/1997					24TXLC43SP2C
15	24TX843027	Mai Văn Hùng	18/03/2000					24TXLC43SP2L
16	24TX843009	Nguyễn Trung Phước Hưng	11/06/1997					24TXLC43SP2L
17	24TX843010	Trần Duy Khang	04/03/2001					24TXLC43SP2L
18	24TX643011	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/08/1998					24TXLC43SP2C
19	24TX843011	Nguyễn Vũ Hoàng Long	25/02/2001					24TXLC43SP2L
20	24TX643012	Đỗ Lê Minh	11/04/2000					24TXLC43SP2C
21	24TX643013	Nguyễn Đức Minh	01/05/2001					24TXLC43SP2C
22	24TX843012	Tăng Hoàng Minh	10/01/2000					24TXLC43SP2L
23	24TX643014	Trần Văn Nam	12/09/1996					24TXLC43SP2C
24	24TX843014	Bùi Thị Kim Ngân	04/05/2001					24TXLC43SP2L
25	24TX843015	Lý Trọng Nghĩa	16/08/2003					24TXLC43SP2L
26	24TX843016	Phạm Văn Nguyên	20/02/1999					24TXLC43SP2L
27	24TX843017	Trần Minh Phi	06/03/1999					24TXLC43SP2L
28	24TX643016	Nguyễn Vinh Sang	25/07/1992					24TXLC43SP2C
29	24TX843019	Đoàn Nguyễn Bá Sơn	15/09/1999					24TXLC43SP2L
30	24TX643019	Đào Duy Thái	16/07/2002					24TXLC43SP2C
31	24TX643020	Trần Văn Tiền	28/07/1999					24TXLC43SP2C
32	24TX643021	Nguyễn Hoàng Thanh Toàn	20/02/1987					24TXLC43SP2C
33	24TX843028	Nguyễn Chí Trung	26/10/1999					24TXLC43SP2L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Ứng dụng CAE trong kỹ thuật cơ khí - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **CAEM335925_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đào Thanh Phong (0946)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A306

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX643023	Đỗ Lam Trường	14/06/1998					24TXLC43SP2C
35	24TX843022	Lý Văn Quốc Tuấn	01/12/2001					24TXLC43SP2L
36	24TX643025	Bùi Thanh Tuyền	27/02/1995					24TXLC43SP2C
37	24TX643024	Phan Thanh Tú	15/10/2000					24TXLC43SP2C
38	24TX843023	Nguyễn Quốc Việt	22/05/2003					24TXLC43SP2L
39	24TX843024	Lê Công Vũ	09/02/2003					24TXLC43SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 39 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Triết học Mác - Lênin - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT130105_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đỗ Thị Thanh Huyền (6154)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX804031	Võ Nguyễn Bảo Thy	03/09/2003					25TXLC04SP2
2	25TX825017	Hoàng Thị Thu Trân	15/01/1991					25TXLC25SP2
3	25TX804032	Nguyễn Trọng Trí	31/12/1996					25TXLC04SP2
4	25TX804034	Đặng Văn Trung	02/09/1994					25TXLC04SP2
5	25TX804033	Lương Nguyễn Minh Trung	27/12/2003					25TXLC04SP2
6	25TX804035	Phạm Trọng Trường	10/06/1999					25TXLC04SP2
7	25TX804036	Trần Văn Tuấn	25/05/2001					25TXLC04SP2
8	25TX804037	Chu Thị Tuyền	28/12/1991					25TXLC04SP2
9	25TX804041	Khương Duy Tùng	21/03/1994					25TXLC04SP2
10	25TX804038	Nguyễn Thị Linh Vi	28/11/2003					25TXLC04SP2
11	25TX604008	Huỳnh Quốc Vương	30/03/1999					25TXLC04SP2
12	25TX804039	Nguyễn Thùy Thanh Vy	27/12/2003					25TXLC04SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 12 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Triết học Mác - Lênin - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT130105_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Quyết (9843)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX643001	Trần Hoàng An	27/12/2003					25TXLC43SP2
2	25TX610001	Phạm Văn Bình	20/10/1988					25TXLC10SP2
3	25TX610002	Nguyễn Anh Duy	09/09/1994					25TXLC10SP2
4	25TX810002	Trần Khánh Duy	01/01/2004					25TXLC10SP2
5	25TX810001	Trần Quốc Dương	18/04/2004					25TXLC10SP2
6	25TX643003	Nguyễn Văn Đồng	21/08/1981					25TXLC43SP2
7	25TX810003	Trương Văn Giáp	05/03/2004					25TXLC10SP2
8	25TX810004	Trần Văn Hậu	09/07/1999					25TXLC10SP2
9	25TX810005	Nguyễn Bảo Hiền	14/08/2004					25TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 9 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Cung cấp điện - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELPS246545_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Trọng Nghĩa (2091)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842135	Nguyễn Thành An	31/08/2000					24TXLC42SP3L
2	24TX842136	Trần Hoài Ân	17/04/2003					24TXLC42SP3L
3	24TX842126	Bùi Thái Bảo	12/01/2002					24TXLC42SP3L
4	24TX642079	Hồ Năng Bảo	24/06/2000					24TXLC42SP3C
5	24TX842127	Trần Văn Cảnh	15/01/1995					24TXLC42SP3L
6	24TX642070	Nguyễn Mạnh Cường	05/12/1995					24TXLC42SP3C
7	24TX642072	Nguyễn Bảo Duy	04/12/2000					24TXLC42SP3C
8	24TX642081	Đinh Hoài Dương	12/07/2001					24TXLC42SP3C
9	24TX642080	Phạm Minh Dương	11/06/2000					24TXLC42SP3C
10	24TX842138	Đỗ Đại Đồng	18/09/2003					24TXLC42SP3L
11	24TX842155	Hoàng Minh Đức	20/12/2003					24TXLC42SP3L
12	24TX642082	Hoàng Trường Giang	04/04/2003					24TXLC42SP3C
13	24TX842139	Nguyễn Văn Giáp	08/07/1998					24TXLC42SP3L
14	24TX842141	Nguyễn Châu Đình Hiếu	10/02/1998					24TXLC42SP3L
15	24TX842140	Vũ Minh Hiếu	22/02/2004					24TXLC42SP3L
16	24TX642092	Nguyễn Thái Hoàng	21/06/1996					24TXLC42SP3C
17	24TX642083	Nguyễn Việt Hòa	15/09/1995					24TXLC42SP3C
18	24TX642091	Nguyễn Anh Huy	28/11/1993					24TXLC42SP3C
19	24TX842142	Phan Gia Huy	12/12/2001					24TXLC42SP3L
20	24TX842156	Trần Lữ Gia Huy	05/03/2005					24TXLC42SP3L
21	24TX842143	Võ Quốc Huy	05/12/2000					24TXLC42SP3L
22	24TX842158	Hà Nguyễn Minh Hùng	16/04/2002					24TXLC42SP3L

Số S/V Trong Danh Sách: 22 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Cung cấp điện - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELPS246545_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Trọng Nghĩa (2091)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX642074	Trần Hoàng Kha	05/02/1996					24TXLC42SP3C
2	24TX642075	Nguyễn Tuấn Khang	25/03/1996					24TXLC42SP3C
3	24TX842160	Trịnh Đức Khanh	27/11/1987					24TXLC42SP3L
4	24TX842161	Lê Văn Khánh	03/05/1987					24TXLC42SP3L
5	24TX642076	Nguyễn Trần Đăng Khoa	03/12/1999					24TXLC42SP3C
6	24TX842128	Đào Trung Kiên	18/06/1992					24TXLC42SP3L
7	24TX842159	Dương Tuấn Kiệt	10/05/2003					24TXLC42SP3L
8	24TX842129	Quách Văn Kỳ	24/10/2002					24TXLC42SP3L
9	24TX642094	Thái Hoàng Lộc	18/03/2003					24TXLC42SP3C
10	24TX842146	Trương Văn Lợi	15/10/1999					24TXLC42SP3L
11	24TX842147	Đỗ Văn Luận	28/12/1997					24TXLC42SP3L
12	24TX642095	Đỗ Ngọc Lý	06/02/1985					24TXLC42SP3C
13	24TX842148	Phạm Công Lý	06/06/2002					24TXLC42SP3L
14	24TX842149	Trần Kiều Minh	11/03/2003					24TXLC42SP3L
15	24TX642086	Trương Đình Phi	25/05/1981					24TXLC42SP3C
16	24TX642087	Trịnh Tuấn Phương	06/07/1997					24TXLC42SP3C
17	24TX842150	Lộ Phú Việt Quang	15/04/2003					24TXLC42SP3L
18	24TX842130	Vũ Hồng Nhật Quang	17/01/2002					24TXLC42SP3L
19	24TX842131	Nguyễn Minh Quân	01/07/2005					24TXLC42SP3L
20	24TX842132	Võ Anh Quân	30/05/2003					24TXLC42SP3L
21	24TX842162	Vũ Minh Sang	03/05/2000					24TXLC42SP3L
22	24TX642088	Trần Văn Sao	15/05/1998					24TXLC42SP3C
23	24TX842163	Quách Văn Sáu	12/09/1986					24TXLC42SP3L
24	24TX842133	Lại Thanh Sơn	09/01/2000					24TXLC42SP3L
25	24TX842151	Nguyễn Quốc Văn Sơn	17/03/2000					24TXLC42SP3L
26	24TX842166	Đậu Văn Thành	01/05/1999					24TXLC42SP3L
27	24TX642077	Huỳnh Trọng Thảo	16/01/1996					24TXLC42SP3C
28	24TX842152	Lê Lý Hoàng Thái	28/08/2002					24TXLC42SP3L
29	24TX842165	Đào Minh Thạch	17/02/1993					24TXLC42SP3L
30	24TX642078	Nguyễn Tấn Thiện	28/05/2002					24TXLC42SP3C
31	24TX842134	Phan Gia Thịnh	22/12/1999					24TXLC42SP3L
32	24TX642089	Bùi Xuân Toàn	20/10/1987					24TXLC42SP3C
33	24TX842167	Lâm Thanh Ngọc Trường	04/01/1999					24TXLC42SP3L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Cung cấp điện - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELPS246545_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Trọng Nghĩa (2091)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX642090	Lê Quang Ty	25/11/2001					24TXLC42SP3C
35	24TX842168	Võ Thành Vinh	10/02/1995					24TXLC42SP3L

Số S/V Trong Danh Sách: 35 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Cung cấp điện - 02 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELPS246545_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phùng Triệu Tân (6164)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842079	Phạm Ngọc Chung	16/01/2001					24TXLC42COT3
2	24TXA42038	Lê Thụy Hồng Công	04/06/1990					24TXLD42SP3
3	24TXA42044	Phan Trí Dũng	08/09/1996					24TXLD42SP3
4	24TXA42043	Nguyễn Khánh Dương	05/02/1993					24TXLD42SP3
5	24TXA42025	Nguyễn Hồng Đức	27/11/2000					24TXLD42SP3
6	24TXA42039	Nguyễn Thành Đức	16/01/1972					24TXLD42SP3
7	24TX842081	Nguyễn Công Hải	03/04/2001					24TXLC42COT3
8	24TXA42040	Trần Văn Hạt	17/03/1993					24TXLD42SP3
9	24TXA42026	Phạm Thúy Văn Khanh	06/01/1998					24TXLD42SP3
10	24TX842082	Nguyễn Tuấn Kiệt	23/12/2003					24TXLC42COT3
11	24TXA42027	Nguyễn Chí Linh	11/10/1992					24TXLD42SP3
12	24TX842084	Lê Thanh Nam	14/08/2000					24TXLC42COT3
13	24TXA42031	Lâm Tấn Phát	22/05/1997					24TXLD42SP3
14	24TXA42030	Lê Hồ Tấn Phát	28/02/1993					24TXLD42SP3
15	24TXA42033	Trần Văn Sơn	10/06/1993					24TXLD42SP3
16	24TXA42034	Huỳnh Võ Tuấn Tài	22/04/2002					24TXLD42SP3
17	24TX842086	Ngô Công Thắng	15/12/2001					24TXLC42COT3
18	24TXA42041	Võ Ngọc Thắng	10/02/1999					24TXLD42SP3
19	24TX842169	Nguyễn Tinh	21/08/1998					24TXLC42COT3
20	24TXA42042	Nguyễn Cao Trung	16/09/1995					24TXLD42SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 20 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Lập sổ sách kế toán trên Excel - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **REEX321207_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Hoàng Anh (0499)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A5-203

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX825002	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	02/05/1992					24TXLC25SP2
2	24TX825003	Ngô Lê Thanh Duy	23/03/1991					24TXLC25SP2
3	24TX825006	Phạm Thị Hồng Liên	24/07/1998					24TXLC25SP2
4	24TX825008	Nguyễn Ngọc Trúc Ngân	18/11/2002					24TXLC25SP2
5	24TX825011	Nguyễn Hoàng Phong	21/05/2002					24TXLC25SP2
6	24TX825013	Đào Thị Tuyết	12/09/2003					24TXLC25SP2
7	24TX825014	Phan Thị Thuận	25/04/1984					24TXLC25SP2
8	24TX825015	Nguyễn Thị Nhật Thường	09/08/2000					24TXLC25SP2
9	24TX825016	Đinh Thị Trang	10/09/2002					24TXLC25SP2
10	24TX825017	Trần Thị Phương Trang	28/08/1991					24TXLC25SP2
11	24TX825018	Hoàng Thị Thùy Trang	01/09/2002					24TXLC25SP2
12	24TX825019	Trần Thị Ngọc Yến	17/09/2001					24TXLC25SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 12 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Xác suất thống kê ứng dụng - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132901_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Thu Hà (6488)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A108

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX542001	Lê Đức Anh	04/03/2003					24TXLT42SP2
2	24TX643001	Trần Kim Anh	02/06/1997					24TXLC43SP2C
3	24TX542003	Dương Hữu Biên	12/09/1993					24TXLT42SP2
4	24TX542004	Đỗ Thanh Bình	14/12/2002					24TXLT42SP2
5	24TX542005	Trần Thanh Chung	04/11/2000					24TXLT42SP2
6	24TX643002	Cao Văn Cui	25/09/1992					24TXLC43SP2C
7	24TX643003	Trịnh Văn Cường	13/11/1997					24TXLC43SP2C
8	24TX542006	Bùi Hoàng Dù	13/02/1994					24TXLT42SP2
9	24TX643026	Nguyễn Quang Đáng	19/10/1997					24TXLC43SP2C
10	24TX643004	Nguyễn Văn Đạo	07/04/1994					24TXLC43SP2C
11	24TX542007	Nguyễn Hải Đăng	11/12/1996					24TXLT42SP2
12	24TX843002	Nguyễn Hải Đăng	27/12/2001					24TXLC43SP2L
13	24TX843006	Nguyễn Bá Giang	22/07/2002					24TXLC43SP2L
14	24TX843005	Phan Trường Giang	30/03/2000					24TXLC43SP2L
15	24TX643006	Nguyễn Tấn Hiếu	15/10/1994					24TXLC43SP2C
16	24TX542009	Trần Mộng Hoài	08/05/1999					24TXLT42SP2
17	24TX843026	Mai Chấn Hoàng	22/06/2000					24TXLC43SP2L
18	24TX843007	Nguyễn Quốc Hoàng	05/09/2001					24TXLC43SP2L
19	24TX843008	Phan Hùng Huy Hoàng	08/11/1999					24TXLC43SP2L
20	24TX643007	Phạm Minh Hòa	09/05/1993					24TXLC43SP2C
21	24TX843027	Mai Văn Hùng	18/03/2000					24TXLC43SP2L
22	24TX542023	Hoàng Văn Hưng	07/08/1991					24TXLT42SP2
23	24TX843009	Nguyễn Trung Phước Hưng	11/06/1997					24TXLC43SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 23 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Điều khiển hệ thống điện công nghiệp - 02 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **IPSC343045_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Vĩnh Thanh (6890)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX642032	Nguyễn Huỳnh Thành Tài	15/08/1999					24TXLC42SP2C
2	24TX642034	Đặng Văn Thành	16/09/1993					24TXLC42SP2C
3	24TXA42014	Phan Châu Thành	24/03/2000					24TXLD42SP2
4	24TXA42012	Lâm Hoàng Thạch	06/02/1987					24TXLD42SP2
5	24TX642035	Lê Nguyễn Hữu Thiện	26/04/2002					24TXLC42SP2C
6	24TXA42018	Nguyễn Duy Trinh	04/08/1997					24TXLD42SP2
7	24TX642038	Doãn Triết Trí	24/05/2000					24TXLC42SP2C
8	24TX642039	Nguyễn Đức Trọng	29/09/1997					24TXLC42SP2C
9	24TX642041	Đoàn Thanh Trung	14/04/1995					24TXLC42SP2C
10	24TX642040	Đoàn Thái Trung	16/07/1997					24TXLC42SP2C
11	24TX642050	Phan Thanh Tuấn	08/01/1999					24TXLC42SP2C
12	24TXA42020	Trần Anh Tuyên	27/03/1993					24TXLD42SP2
13	24TX642051	Trần Hoàng Tú	02/02/1994					24TXLC42SP2C
14	24TXA42019	Trịnh Quốc Tường	22/05/1996					24TXLD42SP2
15	24TXA42021	Bùi Thị Nhã Viên	19/03/1999					24TXLD42SP2
16	24TX642044	Nguyễn Văn Xuyên	28/12/1997					24TXLC42SP2C

Số S/V Trong Danh Sách: 16 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kiểm toán 1 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **AUDI430207_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Thu Hồng (0501)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX825002	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	02/05/1992					24TXLC25SP2
2	24TX825003	Ngô Lê Thanh Duy	23/03/1991					24TXLC25SP2
3	24TX825006	Phạm Thị Hồng Liên	24/07/1998					24TXLC25SP2
4	24TX825008	Nguyễn Ngọc Trúc Ngân	18/11/2002					24TXLC25SP2
5	24TX825011	Nguyễn Hoàng Phong	21/05/2002					24TXLC25SP2
6	24TX825014	Phan Thị Thuận	25/04/1984					24TXLC25SP2
7	24TX825015	Nguyễn Thị Nhật Thường	09/08/2000					24TXLC25SP2
8	24TX825016	Đinh Thị Trang	10/09/2002					24TXLC25SP2
9	24TX825018	Hoàng Thị Thùy Trang	01/09/2002					24TXLC25SP2
10	24TX825017	Trần Thị Phương Trang	28/08/1991					24TXLC25SP2
11	24TX825013	Đào Thị Tuyết	12/09/2003					24TXLC25SP2
12	24TX825019	Trần Thị Ngọc Yến	17/09/2001					24TXLC25SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 12 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Xác suất thống kê ứng dụng - 04 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132901_04TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Hồng Nhung (2923)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842079	Phạm Ngọc Chung	16/01/2001					24TXLC42COT3
2	24TX842081	Nguyễn Công Hải	03/04/2001					24TXLC42COT3
3	24TX842082	Nguyễn Tuấn Kiệt	23/12/2003					24TXLC42COT3
4	24TX842084	Lê Thanh Nam	14/08/2000					24TXLC42COT3
5	24TX842086	Ngô Công Thắng	15/12/2001					24TXLC42COT3
6	24TX842169	Nguyễn Tinh	21/08/1998					24TXLC42COT3

Số S/V Trong Danh Sách: 6 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Xác suất thống kê ứng dụng - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132901_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Mai Thị Thanh Huệ (0079)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842133	Lại Thanh Sơn	09/01/2000					24TXLC42SP3L
2	24TX842151	Nguyễn Quốc Văn Sơn	17/03/2000					24TXLC42SP3L
3	24TX842166	Đậu Văn Thành	01/05/1999					24TXLC42SP3L
4	24TX642077	Huỳnh Trọng Thảo	16/01/1996					24TXLC42SP3C
5	24TX842152	Lê Lý Hoàng Thái	28/08/2002					24TXLC42SP3L
6	24TX842165	Đào Minh Thạch	17/02/1993					24TXLC42SP3L
7	24TX642078	Nguyễn Tấn Thiện	28/05/2002					24TXLC42SP3C
8	24TX842134	Phan Gia Thịnh	22/12/1999					24TXLC42SP3L
9	24TX642089	Bùi Xuân Toàn	20/10/1987					24TXLC42SP3C
10	24TX842167	Lâm Thanh Ngọc Trường	04/01/1999					24TXLC42SP3L
11	24TX642090	Lê Quang Ty	25/11/2001					24TXLC42SP3C
12	24TX842168	Võ Thành Vinh	10/02/1995					24TXLC42SP3L

Số S/V Trong Danh Sách: 12 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Luật kinh tế - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **BLAW220308_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Tuyết Nga (0245)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TXA24005	Vũ Thế Đức	03/05/1992					24TXLD24SP3
2	24TXA24006	Trần Trung Hậu	19/09/1998					24TXLD24SP3
3	24TXA24007	Nguyễn Văn Huân	28/02/1997					24TXLD24SP3
4	24TXA24008	Nguyễn Thanh Minh	24/07/1993					24TXLD24SP3
5	24TXA24009	Đặng Lê Nam	16/09/1993					24TXLD24SP3
6	24TXA24010	Huỳnh Thảo Ngân	07/12/1996					24TXLD24SP3
7	24TXA24011	Nguyễn Trần Hữu Nguyên	20/10/2001					24TXLD24SP3
8	24TXA24012	Lê Văn Phúc	21/02/1986					24TXLD24SP3
9	24TXA24013	Trần Anh Quốc	05/07/1989					24TXLD24SP3
10	24TXA24014	Huỳnh Công Tân	10/08/2000					24TXLD24SP3
11	24TXA24016	Nguyễn Đức Thuận	27/05/1984					24TXLD24SP3
12	24TXA24017	Chế Quang Triều	05/11/1994					24TXLD24SP3
13	24TXA24019	Nguyễn Phi Vương	19/01/1997					24TXLD24SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 13 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Luật kinh tế - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **BLAW230308_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Võ Thị Mỹ Hương (9862)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX825001	Nguyễn Thị Diễm	02/10/1991					25TXLC25SP2
2	25TX825002	Lê Mỹ Duyên	04/07/1998					25TXLC25SP2
3	25TX825003	Trương Diệp Thúy	10/01/2001					25TXLC25SP2
4	25TX825004	Nguyễn Duy Khang	26/07/1998					25TXLC25SP2
5	25TX825006	Mai Thị Loan	11/06/1999					25TXLC25SP2
6	25TX825005	Nguyễn Thị Thanh	30/05/2003					25TXLC25SP2
7	25TX825007	Lê Thị Cẩm Ly	06/04/2004					25TXLC25SP2
8	25TX825008	Bùi Đình Mạnh	26/08/2000					25TXLC25SP2
9	25TX825010	Trần Nguyễn Kim Ngọc	30/09/2003					25TXLC25SP2
10	25TX825011	Đặng Thị Thu Nguyệt	01/04/2002					25TXLC25SP2
11	25TX825012	Phạm Tú Nhi	04/11/1991					25TXLC25SP2
12	25TX825013	Hoàng Thị Hương Sen	16/11/1996					25TXLC25SP2
13	25TX825014	Huỳnh Thị Thu Thanh	24/02/1994					25TXLC25SP2
14	25TX825015	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/10/1999					25TXLC25SP2
15	25TX825017	Hoàng Thị Thu Trân	15/01/1991					25TXLC25SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 15 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Điện tử căn bản (CTT) - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **EEEN234162_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phù Thị Ngọc Hiếu (9318)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX610001	Phạm Văn Bình	20/10/1988					25TXLC10SP2
2	25TX610002	Nguyễn Anh Duy	09/09/1994					25TXLC10SP2
3	25TX810002	Trần Khánh Duy	01/01/2004					25TXLC10SP2
4	25TX810001	Trần Quốc Dương	18/04/2004					25TXLC10SP2
5	25TX810003	Trương Văn Giáp	05/03/2004					25TXLC10SP2
6	25TX810004	Trần Văn Hậu	09/07/1999					25TXLC10SP2
7	25TX810005	Nguyễn Bảo Hiền	14/08/2004					25TXLC10SP2
8	25TX810006	Lê Trung Hiếu	02/02/1999					25TXLC10SP2
9	25TX810008	Hồ Sỹ Huy	14/11/1999					25TXLC10SP2
10	25TX610004	Nguyễn Chí Khang	19/06/2002					25TXLC10SP2
11	25TX810009	Nguyễn Minh Khang	21/01/2003					25TXLC10SP2
12	25TX810010	Đào Trần Tuấn Khanh	12/11/2001					25TXLC10SP2
13	25TX610005	Nguyễn Hải Long	24/08/1997					25TXLC10SP2
14	25TX810012	Trần Minh Mẫn	19/10/2001					25TXLC10SP2
15	25TX810013	Trần Công Minh	26/10/2002					25TXLC10SP2
16	25TX810014	Phạm Trương Minh Ngọc	15/08/1997					25TXLC10SP2
17	25TX810015	Hồ Nhật Nguyên	12/04/2004					25TXLC10SP2
18	25TX810016	Lê Ngọc Nhân	02/01/1998					25TXLC10SP2
19	25TX810017	Lê Gia Nhật	12/11/2003					25TXLC10SP2
20	25TX810018	Lê Thanh Phát	02/02/2004					25TXLC10SP2
21	25TX610007	Nguyễn Hoàng Phú	03/08/1997					25TXLC10SP2
22	25TX610008	Lý Anh Quyên	20/09/2000					25TXLC10SP2
23	25TX810019	Nguyễn Xuân Quỳnh	13/08/1993					25TXLC10SP2
24	25TX810020	Nguyễn Đức Sỹ	08/11/2001					25TXLC10SP2
25	25TX810021	Đặng Thành Tâm	25/07/2004					25TXLC10SP2
26	25TX810022	Đỗ Minh Tâm	28/07/2004					25TXLC10SP2
27	25TX810023	Đoàn Thị Mỹ Thiện	26/08/2001					25TXLC10SP2
28	25TX810024	Lê Nguyễn Chí Thuận	30/07/2006					25TXLC10SP2
29	25TX810025	Nguyễn Duy Thuận	21/01/1997					25TXLC10SP2
30	25TX810026	Ngô Hoài Thương	05/10/2004					25TXLC10SP2
31	25TX810027	Nguyễn Huy Toàn	09/02/2001					25TXLC10SP2
32	25TX810028	Phan Đăng Ngọc Trân	23/08/2003					25TXLC10SP2
33	25TX810029	Nguyễn Mạnh Trường	22/08/2004					25TXLC10SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Điện tử căn bản (CTT) - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **EEEN234162_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phù Thị Ngọc Hiếu (9318)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX810030	Võ Hoàng Tùng	03/11/1997					25TXLC10SP2
35	25TX810031	Hồ Minh Yên	20/04/2001					25TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 35 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Điều khiển hệ thống điện công nghiệp - 02 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **IPSC343045_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Vĩnh Thanh (6890)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX642002	Trần Chí Công	22/06/2002					24TXLC42SP2C
2	24TX642003	Phạm Đình Cương	01/01/1991					24TXLC42SP2C
3	24TX642004	Nguyễn Thanh Danh	01/02/1997					24TXLC42SP2C
4	24TX642005	Võ Trần Duy Danh	08/04/2002					24TXLC42SP2C
5	24TXA42022	Ngô Phương Đào	04/04/1985					24TXLD42SP2
6	24TX642006	Lê Quang Đạo	17/02/1998					24TXLC42SP2C
7	24TX642007	Nguyễn Minh Đức	26/05/2001					24TXLC42SP2C
8	24TX642008	Nguyễn Hoàng Hải	08/10/2001					24TXLC42SP2C
9	24TX642010	Đỗ Thanh Hoàng	08/09/2001					24TXLC42SP2C
10	24TXA42003	Trương Thái Hoàng	08/08/1998					24TXLD42SP2
11	24TX642014	Phan Nguyễn Gia Huy	02/12/1998					24TXLC42SP2C
12	24TX642011	Nguyễn Thái Thanh Hùng	03/08/1993					24TXLC42SP2C
13	24TX642012	Nguyễn Trọng Hữu	21/11/2001					24TXLC42SP2C
14	24TX642015	Trần Hữu Khang	21/08/2000					24TXLC42SP2C
15	24TX642016	Lê Sanh Đăng Khoa	18/01/2002					24TXLC42SP2C
16	24TX642017	Đỗ Hoàng Khôi	27/09/2002					24TXLC42SP2C
17	24TX642018	Phạm Văn Khôi	31/08/2001					24TXLC42SP2C
18	24TX642021	Đặng Văn Lanh	06/09/1990					24TXLC42SP2C
19	24TX642019	Dương Trí Tùng Lâm	25/11/1999					24TXLC42SP2C
20	24TX642020	Phan Tường Lân	15/06/1997					24TXLC42SP2C
21	24TXA42005	Nguyễn Văn Linh	22/08/1989					24TXLD42SP2
22	24TXA42006	Nguyễn Đình Long	04/09/1994					24TXLD42SP2
23	24TXA42007	Nguyễn Hữu Long	19/04/1999					24TXLD42SP2
24	24TX642023	Võ Việt Luân	27/06/1992					24TXLC42SP2C
25	24TX642022	Huỳnh Minh Luận	17/10/2001					24TXLC42SP2C
26	24TX642024	Trần Công Minh	25/08/1998					24TXLC42SP2C
27	24TXA42009	Trương Vũ Khôi Nguyên	04/09/1995					24TXLD42SP2
28	24TX642046	Hồ Trọng Nhân	03/10/2002					24TXLC42SP2C
29	24TX642026	Nguyễn Minh Nhật	11/11/1998					24TXLC42SP2C
30	24TX642027	Lương Đại Phát	19/10/2001					24TXLC42SP2C
31	24TX642028	Lâm Quốc Phong	30/08/1998					24TXLC42SP2C
32	24TX642029	Lê Huỳnh Phúc	16/08/2000					24TXLC42SP2C
33	24TXA42011	Võ Minh Quang	17/05/1998					24TXLD42SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Điều khiển hệ thống điện công nghiệp - 02 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **IPSC343045_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Vĩnh Thanh (6890)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX642030	Nguyễn Lê Quý	18/07/1997					24TXLC42SP2C
35	24TX642031	Nguyễn Hoàng Sang	28/08/1999					24TXLC42SP2C

Số S/V Trong Danh Sách: 35 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Xác suất thống kê ứng dụng - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132901_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Thu Hà (6488)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX645006	Nguyễn Thị Thúy An	23/02/2003					24TXLC45SP3
2	24TX810056	Lê Sỹ Tuấn Anh	10/02/1999					24TXLC10SP3
3	24TX810057	Nguyễn Quốc Bảo	26/07/2001					24TXLC10SP3
4	24TX810068	Tạ Đặng Anh Dương	11/01/2001					24TXLC10SP3
5	24TX610008	Đặng Tấn Đạt	06/02/1994					24TXLC10SP3
6	24TX845097	Đỗ Nguyễn Hoàng Hải	17/01/1996					24TXLC45SP3
7	24TX610009	Trịnh Hận	15/09/1991					24TXLC10SP3
8	24TX810060	Bùi Chí Hiếu	12/10/1999					24TXLC10SP3
9	24TX645014	Nguyễn Minh Hiếu	05/12/1998					24TXLC45SP3
10	24TX810059	Nguyễn Trung Hiếu	30/12/1996					24TXLC10SP3
11	24TX610010	Nguyễn Thanh Huy	17/04/2002					24TXLC10SP3
12	24TX810061	Nguyễn Phát Khang	11/07/2000					24TXLC10SP3
13	24TX810062	Vũ Khanh	08/08/2004					24TXLC10SP3
14	24TX845078	Lê Đăng Khoa	24/09/2000					24TXLC45SP3
15	24TX810063	Vương Hoàng Khôi	15/12/2005					24TXLC10SP3
16	24TX845096	Ngô Thanh Trúc Lâm	04/02/2001					24TXLC45SP3
17	24TX845079	Võ Duy Lộc	21/06/1999					24TXLC45SP3
18	24TX845080	Lê Nguyễn Minh	21/11/2003					24TXLC45SP3
19	24TX810069	Nguyễn Quang Minh	28/02/2002					24TXLC10SP3
20	24TX810064	Nguyễn Thị Diễm My	03/12/2001					24TXLC10SP3
21	24TX845082	Hồ Bảo Nghĩa	05/10/2003					24TXLC45SP3
22	24TX845081	Nguyễn Trọng Nghĩa	22/08/2000					24TXLC45SP3
23	24TX845083	Lê Hoài Ngọc	06/11/2003					24TXLC45SP3
24	24TX845085	Võ Quang Long Phát	10/05/2001					24TXLC45SP3
25	24TX845087	Lê Nguyễn Hoàng Phong	24/11/2000					24TXLC45SP3
26	24TX845088	Ngô Hồng Phong	20/03/2001					24TXLC45SP3
27	24TX845089	Nguyễn Văn Phước	06/06/1998					24TXLC45SP3
28	24TX610012	Lê Nguyễn Minh Quân	03/03/1993					24TXLC10SP3
29	24TX845067	Đỗ Thanh Sang	18/05/2001					24TXLC45COT3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Xác suất thống kê ứng dụng - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132901_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Thu Hà (6488)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
30	24TX645007	Nguyễn Quang Sang	11/05/1983					24TXLC45SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 30 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Lý thuyết ô tô - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **THEV330131_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Dương Tuấn Tùng (4109)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX645001	Nguyễn Tuấn Anh	24/02/1997					24TXLC45SP2
2	24TX845001	Phạm Hoàng Anh	31/01/2001					24TXLC45SP2
3	24TX845003	Đoàn Ngọc Bảo	11/05/2003					24TXLC45SP2
4	24TX845004	Lê Hoài Bảo	12/08/1998					24TXLC45SP2
5	24TX845002	Nguyễn Ngọc Bảo	06/05/2003					24TXLC45SP2
6	24TX845005	Phạm Duy Bình	25/08/2003					24TXLC45SP2
7	24TX845006	Đỗ Hồng Đăng	30/05/2001					24TXLC45SP2
8	24TX845059	Nguyễn Văn Trường	17/05/2001					24TXLC45SP2
9	24TX845007	Trương Minh Giàu	09/07/2000					24TXLC45SP2
10	24TX845008	Nguyễn Văn Hiếu	21/04/2001					24TXLC45SP2
11	24TX845060	Võ Tấn Hoài	08/09/2003					24TXLC45SP2
12	24TX845011	Cao Quốc Huy	24/01/2003					24TXLC45SP2
13	24TX845010	Trần Quốc Huy	16/09/1997					24TXLC45SP2
14	24TX845013	Nguyễn An Khang	18/08/2002					24TXLC45SP2
15	24TX645002	Phạm Khang	01/03/2002					24TXLC45SP2
16	24TX845012	Đỗ Đức Khải	29/01/1999					24TXLC45SP2
17	24TX845015	Đoàn Quốc Khánh	21/05/2000					24TXLC45SP2
18	24TX645003	Nguyễn Đăng Khoa	24/11/2001					24TXLC45SP2
19	24TX845017	Nguyễn Trần Đăng Khoa	18/08/2003					24TXLC45SP2
20	24TX845061	Trần Đăng Khoa	25/12/1999					24TXLC45SP2
21	24TX845018	Nguyễn Anh Khôi	05/01/2003					24TXLC45SP2
22	24TX845019	Nguyễn Vũ Khương	11/10/1987					24TXLC45SP2
23	24TX845020	Trần Trung Kiên	07/10/2003					24TXLC45SP2
24	24TX845021	Nguyễn Thanh Liêm	20/10/1997					24TXLC45SP2
25	24TX845023	Trương Quang Linh	21/04/2002					24TXLC45SP2
26	24TX845024	Vũ Hoàng Nam	13/01/2003					24TXLC45SP2
27	24TX845027	Phan Minh Nhật	20/07/2003					24TXLC45SP2
28	24TX845028	Lương Tấn Pháp	24/11/2003					24TXLC45SP2
29	24TX845063	Nguyễn Thành Phát	27/08/2000					24TXLC45SP2
30	24TX845031	Trần Nhật Thanh Phong	27/11/2001					24TXLC45SP2
31	24TX845034	Lê Thành Phước	27/12/2003					24TXLC45SP2
32	24TX845035	Nguyễn Hoài Duy Phước	23/01/1998					24TXLC45SP2
33	24TX845036	Nguyễn Trung Quốc	25/10/1999					24TXLC45SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Lý thuyết ô tô - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **THEV330131_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Dương Tuấn Tùng (4109)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX845038	Nguyễn Minh Sang	08/05/2002					24TXLC45SP2
35	24TX645004	Nguyễn Văn Tài	10/07/2002					24TXLC45SP2
36	24TX845039	Hồ Chí Tâm	13/01/2000					24TXLC45SP2
37	24TX845040	Trần Đức Tâm	25/04/1988					24TXLC45SP2
38	24TX845041	Lê Hoàng Tân	28/02/2004					24TXLC45SP2
39	24TX845043	Nguyễn Hoài Thanh	01/06/2003					24TXLC45SP2
40	24TX845042	Nguyễn Thị Phương Thanh	11/01/2003					24TXLC45SP2
41	24TX845044	Trương Hữu Thảo	22/04/1999					24TXLC45SP2
42	24TX845045	Nguyễn Công Thuận	17/04/2002					24TXLC45SP2
43	24TX845046	Nguyễn Minh Thuận	18/02/2002					24TXLC45SP2
44	24TX845048	Lê Trung Tính	06/11/2003					24TXLC45SP2
45	24TX845049	Lê Phước Toàn	13/07/1990					24TXLC45SP2
46	24TX845051	Hồ Văn Triển	14/01/2001					24TXLC45SP2
47	24TX845050	Lưu Minh Trí	11/03/2003					24TXLC45SP2
48	24TX845053	Nguyễn Đan Trường	23/06/2002					24TXLC45SP2
49	24TX845064	Lưu Việt Tùng	24/06/2001					24TXLC45SP2
50	24TX845057	Trần Hoàng Vũ	15/10/2003					24TXLC45SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 50 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Xác suất thống kê ứng dụng - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132901_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Thu Hà (6488)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A306

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX845090	Ngô Vòng Hồ Phú Sinh	02/08/2003					24TXLC45SP3
2	24TX610013	Bá Hoài Sơn	20/11/1997					24TXLC10SP3
3	24TX845091	Nguyễn Ngọc Sơn	24/03/2002					24TXLC45SP3
4	24TX610014	Lê Minh Tài	23/11/2003					24TXLC10SP3
5	24TX810065	Bùi Thu Thanh	19/03/2003					24TXLC10SP3
6	24TX845093	Nguyễn Duy Thành	06/07/2004					24TXLC45SP3
7	24TX810070	Nguyễn Tiến Thành	22/07/2002					24TXLC10SP3
8	24TX645010	Nguyễn Chí Thái	27/01/1998					24TXLC45SP3
9	24TX810071	Nguyễn Ngọc Thiện	26/01/2001					24TXLC10SP3
10	24TX645011	Hồ Đắc Thuận	20/03/2003					24TXLC45SP3
11	24TX645008	Nguyễn Võ Quốc Toàn	15/10/2003					24TXLC45SP3
12	24TX845094	Phạm Thanh Triêm	12/10/2003					24TXLC45SP3
13	24TX645012	Trần Đức Trí	25/12/2003					24TXLC45SP3
14	24TX842040	Nguyễn Bạch Trọng	10/04/2000					24TXLC42SP2L
15	24TX845092	Phạm Anh Tuấn	22/08/2001					24TXLC45SP3
16	24TX645013	Nguyễn Hoàng Ý	01/01/1994					24TXLC45SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 16 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Xác suất thống kê ứng dụng - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132901_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Mai Thị Thanh Huệ (0079)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842135	Nguyễn Thành An	31/08/2000					24TXLC42SP3L
2	24TX842136	Trần Hoài Ân	17/04/2003					24TXLC42SP3L
3	24TX842126	Bùi Thái Bảo	12/01/2002					24TXLC42SP3L
4	24TX642079	Hồ Năng Bảo	24/06/2000					24TXLC42SP3C
5	24TX842127	Trần Văn Cảnh	15/01/1995					24TXLC42SP3L
6	24TX642070	Nguyễn Mạnh Cường	05/12/1995					24TXLC42SP3C
7	24TX642072	Nguyễn Bảo Duy	04/12/2000					24TXLC42SP3C
8	24TX642081	Đinh Hoài Dương	12/07/2001					24TXLC42SP3C
9	24TX642080	Phạm Minh Dương	11/06/2000					24TXLC42SP3C
10	24TX842138	Đỗ Đại Đồng	18/09/2003					24TXLC42SP3L
11	24TX842155	Hoàng Minh Đức	20/12/2003					24TXLC42SP3L
12	24TX642082	Hoàng Trường Giang	04/04/2003					24TXLC42SP3C
13	24TX842139	Nguyễn Văn Giáp	08/07/1998					24TXLC42SP3L
14	24TX842141	Nguyễn Châu Đình Hiếu	10/02/1998					24TXLC42SP3L
15	24TX842140	Vũ Minh Hiếu	22/02/2004					24TXLC42SP3L
16	24TX642092	Nguyễn Thái Hoàng	21/06/1996					24TXLC42SP3C
17	24TX642083	Nguyễn Việt Hòa	15/09/1995					24TXLC42SP3C
18	24TX642091	Nguyễn Anh Huy	28/11/1993					24TXLC42SP3C
19	24TX842142	Phan Gia Huy	12/12/2001					24TXLC42SP3L
20	24TX842156	Trần Lữ Gia Huy	05/03/2005					24TXLC42SP3L
21	24TX842143	Võ Quốc Huy	05/12/2000					24TXLC42SP3L
22	24TX842158	Hà Nguyễn Minh Hùng	16/04/2002					24TXLC42SP3L
23	24TX642074	Trần Hoàng Kha	05/02/1996					24TXLC42SP3C
24	24TX642075	Nguyễn Tuấn Khang	25/03/1996					24TXLC42SP3C
25	24TX842160	Trịnh Đức Khanh	27/11/1987					24TXLC42SP3L
26	24TX842161	Lê Văn Khánh	03/05/1987					24TXLC42SP3L
27	24TX642076	Nguyễn Trần Đăng Khoa	03/12/1999					24TXLC42SP3C
28	24TX842128	Đào Trung Kiên	18/06/1992					24TXLC42SP3L
29	24TX842159	Dương Tuấn Kiệt	10/05/2003					24TXLC42SP3L
30	24TX842129	Quách Văn Kỳ	24/10/2002					24TXLC42SP3L
31	24TX642094	Thái Hoàng Lộc	18/03/2003					24TXLC42SP3C
32	24TX842146	Trương Văn Lợi	15/10/1999					24TXLC42SP3L
33	24TX842147	Đỗ Văn Luận	28/12/1997					24TXLC42SP3L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Xác suất thống kê ứng dụng - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132901_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Mai Thị Thanh Huệ (0079)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX642095	Đỗ Ngọc Lý	06/02/1985					24TXLC42SP3C
35	24TX842148	Phạm Công Lý	06/06/2002					24TXLC42SP3L
36	24TX842149	Trần Kiều Minh	11/03/2003					24TXLC42SP3L
37	24TX642086	Trương Đình Phi	25/05/1981					24TXLC42SP3C
38	24TX642087	Trịnh Tuấn Phương	06/07/1997					24TXLC42SP3C
39	24TX842150	Lộ Phú Việt Quang	15/04/2003					24TXLC42SP3L
40	24TX842130	Vũ Hồng Nhật Quang	17/01/2002					24TXLC42SP3L
41	24TX842131	Nguyễn Minh Quân	01/07/2005					24TXLC42SP3L
42	24TX842132	Võ Anh Quân	30/05/2003					24TXLC42SP3L
43	24TX842162	Vũ Minh Sang	03/05/2000					24TXLC42SP3L
44	24TX642088	Trần Văn Sao	15/05/1998					24TXLC42SP3C
45	24TX842163	Quách Văn Sáu	12/09/1986					24TXLC42SP3L

Số S/V Trong Danh Sách: 45 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Xác suất thống kê ứng dụng - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132901_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Thu Hà (6488)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX643018	Trương Diệp Huyền	05/10/1997					24TXLC43SP2C
2	24TX843010	Trần Duy Khang	04/03/2001					24TXLC43SP2L
3	24TX643011	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/08/1998					24TXLC43SP2C
4	24TX843011	Nguyễn Vũ Hoàng Long	25/02/2001					24TXLC43SP2L
5	24TX643012	Đỗ Lê Minh	11/04/2000					24TXLC43SP2C
6	24TX643013	Nguyễn Đức Minh	01/05/2001					24TXLC43SP2C
7	24TX542010	Nguyễn Thái Minh	14/09/1979					24TXLT42SP2
8	24TX843012	Tăng Hoàng Minh	10/01/2000					24TXLC43SP2L
9	24TX643014	Trần Văn Nam	12/09/1996					24TXLC43SP2C
10	24TX843014	Bùi Thị Kim Ngân	04/05/2001					24TXLC43SP2L
11	24TX843015	Lý Trọng Nghĩa	16/08/2003					24TXLC43SP2L
12	24TX843016	Phạm Văn Nguyên	20/02/1999					24TXLC43SP2L
13	24TX542011	Đặng Quốc Nhân	22/06/1999					24TXLT42SP2
14	24TX843017	Trần Minh Phi	06/03/1999					24TXLC43SP2L
15	24TX542014	Nguyễn Đình Phú	14/03/1995					24TXLT42SP2
16	24TX643016	Nguyễn Vinh Sang	25/07/1992					24TXLC43SP2C
17	24TX843019	Đoàn Nguyễn Bá Sơn	15/09/1999					24TXLC43SP2L
18	24TX542016	Nguyễn Văn Thành	30/01/1999					24TXLT42SP2
19	24TX643019	Đào Duy Thái	16/07/2002					24TXLC43SP2C
20	24TX643020	Trần Văn Tiền	28/07/1999					24TXLC43SP2C
21	24TX542017	Nguyễn Ngọc Tiến	09/01/1994					24TXLT42SP2
22	24TX643021	Nguyễn Hoàng Thanh Toàn	20/02/1987					24TXLC43SP2C
23	24TX843028	Nguyễn Chí Trung	26/10/1999					24TXLC43SP2L
24	24TX643023	Đỗ Lam Trường	14/06/1998					24TXLC43SP2C
25	24TX542020	Nguyễn Quang Trường	17/01/2004					24TXLT42SP2
26	24TX843022	Lý Văn Quốc Tuấn	01/12/2001					24TXLC43SP2L
27	24TX643025	Bùi Thanh Tuyên	27/02/1995					24TXLC43SP2C
28	24TX643024	Phan Thanh Tú	15/10/2000					24TXLC43SP2C
29	24TX843023	Nguyễn Quốc Việt	22/05/2003					24TXLC43SP2L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Xác suất thống kê ứng dụng - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132901_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Thu Hà (6488)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
30	24TX843024	Lê Công Vũ	09/02/2003					24TXLC43SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 30 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Thiết kế phần mềm hướng đối tượng - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **OOSD330879_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Trần Thi Văn (9153)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A5-204

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX610001	Nguyễn Thị Huệ Diễm	15/11/1995					24TXLC10SP2
2	24TX610002	Võ Văn Ngọc	02/05/1998					24TXLC10SP2
3	24TX610003	Cao Nguyễn Minh Sang	04/01/2000					24TXLC10SP2
4	24TX610005	Trần Quốc Huy	24/07/1992					24TXLC10SP2
5	24TX610006	Trần Thị Lâm	24/05/1986					24TXLC10SP2
6	24TX810001	Ngô Võ Tuấn An	12/10/2001					24TXLC10SP2
7	24TX810002	Phạm Lê Hoàng Anh	26/10/1999					24TXLC10SP2
8	24TX810003	Vũ Thế Bảo	02/02/2002					24TXLC10SP2
9	24TX810007	Trần Trung Hiếu	10/04/2003					24TXLC10SP2
10	24TX810010	Nguyễn Trọng Linh	25/04/2001					24TXLC10SP2
11	24TX810011	Nguyễn Khôi Nguyên	13/10/2001					24TXLC10SP2
12	24TX810013	Đinh Hồng Phong	26/02/2000					24TXLC10SP2
13	24TX810014	Nguyễn Trần Hoàng Phúc	21/12/2002					24TXLC10SP2
14	24TX810015	Lê Tam Quyền	10/08/2000					24TXLC10SP2
15	24TX810019	Nguyễn Đoàn Trung Trục	08/11/2002					24TXLC10SP2
16	24TX810020	Lê Quang Vinh	21/08/1996					24TXLC10SP2
17	24TX810021	Trương Thanh Vui	24/04/2001					24TXLC10SP2
18	24TX810023	Nguyễn Thanh Phước	13/01/2003					24TXLC10SP2
19	24TX810024	Trần Ngô Bảo Quân	02/01/2003					24TXLC10SP2
20	24TX810025	Trần Trọng Tân	16/11/2001					24TXLC10SP2
21	24TX810026	Trần Đức Tùng	12/01/2003					24TXLC10SP2
22	24TX810027	Nguyễn Thanh Tùng	30/10/2000					24TXLC10SP2
23	24TX810029	Nguyễn Tấn Thịnh	01/05/2003					24TXLC10SP2
24	24TX810031	Phạm Đức Trung	29/06/2004					24TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 24 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Phương pháp nghiên cứu - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **RMET220406_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Thị Tuyết Thanh (1631)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A108

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX825001	Nguyễn Thị Diễm	02/10/1991					25TXLC25SP2
2	25TX825002	Lê Mỹ Duyên	04/07/1998					25TXLC25SP2
3	25TX825003	Trương Diệp Thúy	10/01/2001					25TXLC25SP2
4	25TX825004	Nguyễn Duy Khang	26/07/1998					25TXLC25SP2
5	25TX825006	Mai Thị Loan	11/06/1999					25TXLC25SP2
6	25TX825005	Nguyễn Thị Thanh	30/05/2003					25TXLC25SP2
7	25TX825007	Lê Thị Cẩm Ly	06/04/2004					25TXLC25SP2
8	25TX825008	Bùi Đình Mạnh	26/08/2000					25TXLC25SP2
9	25TX825010	Trần Nguyễn Kim Ngọc	30/09/2003					25TXLC25SP2
10	25TX825011	Đặng Thị Thu Nguyệt	01/04/2002					25TXLC25SP2
11	25TX825012	Phạm Tú Nhi	04/11/1991					25TXLC25SP2
12	25TX825013	Hoàng Thị Hương Sen	16/11/1996					25TXLC25SP2
13	25TX825014	Huỳnh Thị Thu Thanh	24/02/1994					25TXLC25SP2
14	25TX825015	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/10/1999					25TXLC25SP2
15	25TX825017	Hoàng Thị Thu Trân	15/01/1991					25TXLC25SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 15 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Năng lượng mới trên ô tô - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **A EVE320830_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Văn Long Giang (1205)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX845034	Lê Thành Phước	27/12/2003					24TXLC45SP2
2	24TX845035	Nguyễn Hoài Duy Phước	23/01/1998					24TXLC45SP2
3	24TX845036	Nguyễn Trung Quốc	25/10/1999					24TXLC45SP2
4	24TX845038	Nguyễn Minh Sang	08/05/2002					24TXLC45SP2
5	24TX645004	Nguyễn Văn Tài	10/07/2002					24TXLC45SP2
6	24TX845039	Hồ Chí Tâm	13/01/2000					24TXLC45SP2
7	24TX845040	Trần Đức Tâm	25/04/1988					24TXLC45SP2
8	24TX845041	Lê Hoàng Tân	28/02/2004					24TXLC45SP2
9	24TX845043	Nguyễn Hoài Thanh	01/06/2003					24TXLC45SP2
10	24TX845042	Nguyễn Thị Phương Thanh	11/01/2003					24TXLC45SP2
11	24TX845044	Trương Hữu Thảo	22/04/1999					24TXLC45SP2
12	24TX845045	Nguyễn Công Thuận	17/04/2002					24TXLC45SP2
13	24TX845046	Nguyễn Minh Thuận	18/02/2002					24TXLC45SP2
14	24TX845048	Lê Trung Tính	06/11/2003					24TXLC45SP2
15	24TX845049	Lê Phước Toàn	13/07/1990					24TXLC45SP2
16	24TX845051	Hồ Văn Triển	14/01/2001					24TXLC45SP2
17	24TX845050	Lưu Minh Trí	11/03/2003					24TXLC45SP2
18	24TX845053	Nguyễn Đan Trường	23/06/2002					24TXLC45SP2
19	24TX845064	Lưu Việt Tùng	24/06/2001					24TXLC45SP2
20	24TX845057	Trần Hoàng Vũ	15/10/2003					24TXLC45SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 20 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Vật lý 2 - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **PHYS131002_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Mã Thúy Quang (0923)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX842001	Võ Tuấn Anh	02/01/2003					25TXLC42SP2L
2	25TX842007	Lê Nhật Duy	07/05/2005					25TXLC42SP2L
3	25TX842004	Nguyễn Văn Dũng	01/11/1998					25TXLC42SP2L
4	25TX842005	Võ Hữu Dương	05/06/2000					25TXLC42SP2L
5	25TX842008	Trần Mạnh Hào	08/11/2000					25TXLC42SP2L
6	25TX842013	Nguyễn Lê Huy	16/06/1997					25TXLC42SP2L
7	25TX842011	Lê Anh Hùng	03/05/1998					25TXLC42SP2L
8	25TX842012	Phùng Cẩm Hùng	01/02/1998					25TXLC42SP2L
9	25TX842014	Nguyễn Chí Khang	23/09/1999					25TXLC42SP2L
10	25TX842015	Ngô Hồng Khanh	02/10/1997					25TXLC42SP2L
11	25TX842016	Lương Trung Khánh	30/03/1991					25TXLC42SP2L
12	25TX842017	Nguyễn Đình Kung	07/10/2004					25TXLC42SP2L
13	25TX842018	Thuận Khánh Nguyên	27/11/1996					25TXLC42SP2L
14	25TX842019	Nguyễn Thế Nhân	15/06/1978					25TXLC42SP2L
15	25TX842023	Nguyễn Thế Quý	11/08/1999					25TXLC42SP2L
16	25TX842025	Thạch Minh Thái	06/11/1995					25TXLC42SP2L
17	25TX842027	Đỗ Trung Tín	02/12/2000					25TXLC42SP2L
18	25TX842028	Phạm Duy Trung	12/10/2003					25TXLC42SP2L
19	25TX842029	Lê Anh Tuấn	07/12/1999					25TXLC42SP2L
20	25TX842030	Dương Thanh Tùng	16/07/1996					25TXLC42SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 20 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Vẽ kỹ thuật cơ khí nâng cao - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **AMDR221223_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Lê Đăng Hải (0346)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX643001	Trần Hoàng An	27/12/2003					25TXLC43SP2
2	25TX643003	Nguyễn Văn Đông	21/08/1981					25TXLC43SP2
3	25TX843005	Trần Thanh Khang	30/03/2004					25TXLC43SP2
4	25TX843007	Nguyễn Lê Anh Khoa	17/01/1999					25TXLC43SP2
5	25TX843006	Nguyễn Minh Khoa	19/07/1989					25TXLC43SP2
6	25TX643006	Lê Văn Linh	24/06/1996					25TXLC43SP2
7	24TX643011	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/08/1998					24TXLC43SP2C
8	25TX643007	Lê Tấn Lộc	05/11/2001					25TXLC43SP2
9	25TX643008	Nguyễn Hữu Lộc	27/04/1997					25TXLC43SP2
10	25TX643017	Lê Thanh Mai	01/01/1996					25TXLC43SP2
11	25TX643009	Bùi Công Minh	01/10/2003					25TXLC43SP2
12	25TX643010	Trần Minh Nhật	12/01/2003					25TXLC43SP2
13	25TX643011	Phan Minh Nhật	08/01/1999					25TXLC43SP2
14	25TX643012	Nguyễn Phạm Duy Phú	15/11/2003					25TXLC43SP2
15	25TX643013	Ma Đăng Quang	05/12/1980					25TXLC43SP2
16	25TX843010	Phạm Hồng Thắng	06/05/1997					25TXLC43SP2
17	25TX843013	Nguyễn Hữu Thiện	24/02/2003					25TXLC43SP2
18	25TX643014	Nguyễn Hồng Thìn	26/06/1988					25TXLC43SP2
19	25TX643015	Nguyễn Đăng Tiến	22/01/2001					25TXLC43SP2
20	25TX843014	Nguyễn Hữu Trí	24/02/2003					25TXLC43SP2
21	25TX643016	Hồ Khắc Tuấn	22/07/1991					25TXLC43SP2
22	25TX843011	Phan Anh Tuấn	29/01/2003					25TXLC43SP2
23	25TX843012	Đào Xuân Win	30/10/1998					25TXLC43SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 23 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Giao tiếp trong kinh doanh - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **BCOM320106_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đinh Hoàng Anh Tuấn (6951)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TXA24005	Vũ Thế Đức	03/05/1992					24TXLD24SP3
2	24TXA24006	Trần Trung Hậu	19/09/1998					24TXLD24SP3
3	24TXA24007	Nguyễn Văn Huấn	28/02/1997					24TXLD24SP3
4	24TXA24008	Nguyễn Thanh Minh	24/07/1993					24TXLD24SP3
5	24TXA24009	Đặng Lê Nam	16/09/1993					24TXLD24SP3
6	24TXA24010	Huỳnh Thảo Ngân	07/12/1996					24TXLD24SP3
7	24TXA24011	Nguyễn Trần Hữu Nguyên	20/10/2001					24TXLD24SP3
8	24TXA24012	Lê Văn Phúc	21/02/1986					24TXLD24SP3
9	24TXA24013	Trần Anh Quốc	05/07/1989					24TXLD24SP3
10	24TXA24014	Huỳnh Công Tân	10/08/2000					24TXLD24SP3
11	24TXA24016	Nguyễn Đức Thuận	27/05/1984					24TXLD24SP3
12	24TXA24017	Chế Quang Triều	05/11/1994					24TXLD24SP3
13	24TXA24019	Nguyễn Phi Vương	19/01/1997					24TXLD24SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 13 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kỹ thuật số - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **DIGI330163_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Trường Duy (9993)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TXA42038	Lê Thụy Hồng Công	04/06/1990					24TXLD42SP3
2	24TXA42044	Phan Trí Dũng	08/09/1996					24TXLD42SP3
3	24TXA42043	Nguyễn Khánh Dương	05/02/1993					24TXLD42SP3
4	24TXA42025	Nguyễn Hồng Đức	27/11/2000					24TXLD42SP3
5	24TXA42039	Nguyễn Thành Đức	16/01/1972					24TXLD42SP3
6	24TXA42040	Trần Văn Hạt	17/03/1993					24TXLD42SP3
7	24TXA42026	Phạm Thúy Văn Khanh	06/01/1998					24TXLD42SP3
8	24TXA42027	Nguyễn Chí Linh	11/10/1992					24TXLD42SP3
9	24TXA42031	Lâm Tấn Phát	22/05/1997					24TXLD42SP3
10	24TXA42030	Lê Hồ Tấn Phát	28/02/1993					24TXLD42SP3
11	24TXA42033	Trần Văn Sơn	10/06/1993					24TXLD42SP3
12	24TXA42034	Huỳnh Võ Tuấn Tài	22/04/2002					24TXLD42SP3
13	24TXA42041	Võ Ngọc Thắng	10/02/1999					24TXLD42SP3
14	24TXA42042	Nguyễn Cao Trung	16/09/1995					24TXLD42SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 14 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Máy điện - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELMA240344_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Quang Thanh Thanh (4710)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX542001	Lê Đức Anh	04/03/2003					24TXLT42SP2
2	24TX542003	Dương Hữu Biên	12/09/1993					24TXLT42SP2
3	24TX542004	Đỗ Thanh Bình	14/12/2002					24TXLT42SP2
4	25TXA42001	Lê Trường Bình	24/05/1995					25TXLD42SP2
5	24TX542005	Trần Thanh Chung	04/11/2000					24TXLT42SP2
6	25TXA42002	Trần Việt Cường	04/10/1997					25TXLD42SP2
7	25TXA42005	Lê Dương Nhật Duy	05/04/1996					25TXLD42SP2
8	24TX542006	Bùi Hoàng Dù	13/02/1994					24TXLT42SP2
9	24TX542007	Nguyễn Hải Đăng	11/12/1996					24TXLT42SP2
10	25TXA42003	Đặng Thanh Điền	22/11/1981					25TXLD42SP2
11	25TXA42004	Phạm Trung Đức	05/01/2000					25TXLD42SP2
12	24TX542009	Trần Mộng Hoài	08/05/1999					24TXLT42SP2
13	25TXA42006	Đặng Minh Huy	14/04/2001					25TXLD42SP2
14	24TX542023	Hoàng Văn Hưng	07/08/1991					24TXLT42SP2
15	25TXA42007	Nguyễn Ngọc Đồng Khánh	31/07/1997					25TXLD42SP2
16	25TXA42008	Nguyễn Phan Khởi	06/03/1992					25TXLD42SP2
17	25TXA42009	Trần Trung Kiên	29/08/1994					25TXLD42SP2
18	25TXA42011	Nguyễn Hữu Mẫn	03/01/1997					25TXLD42SP2
19	25TXA42012	Nguyễn Nhật Minh	17/07/1996					25TXLD42SP2
20	24TX542010	Nguyễn Thái Minh	14/09/1979					24TXLT42SP2
21	25TXA42013	Trịnh Công Anh Minh	10/09/1991					25TXLD42SP2
22	24TX542011	Đặng Quốc Nhân	22/06/1999					24TXLT42SP2
23	24TX542014	Nguyễn Đình Phú	14/03/1995					24TXLT42SP2
24	25TXA42016	Trần Văn Phương	01/07/1985					25TXLD42SP2
25	25TXA42017	Trần Ngọc Quyền	22/06/2001					25TXLD42SP2
26	24TX542016	Nguyễn Văn Thành	30/01/1999					24TXLT42SP2
27	25TXA42018	Ôn Thanh Thông	03/06/1978					25TXLD42SP2
28	24TX542017	Nguyễn Ngọc Tiến	09/01/1994					24TXLT42SP2
29	25TXA42019	Đỗ Cao Trí	06/06/1994					25TXLD42SP2
30	24TX542020	Nguyễn Quang Trường	17/01/2004					24TXLT42SP2
31	25TXA42021	Đỗ Trương Trọng Tuấn	04/04/1996					25TXLD42SP2
32	25TXA42020	Nguyễn Thanh Tú	08/08/1998					25TXLD42SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Máy điện - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELMA240344_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Quang Thanh Thanh (4710)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
33	25TXA42022	Hồ Phương Vũ	14/05/1987					25TXLD42SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 33 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Vật lý 2 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **PHYS131002_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Sơn Hải (9230)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX542030	Nguyễn Quyên Anh	30/10/1996					24TXLT42SP3
2	24TX542031	Nguyễn Văn Đạt	06/03/1995					24TXLT42SP3
3	24TX542032	Nguyễn Văn Hải	10/02/1994					24TXLT42SP3
4	24TX542033	Nguyễn Thanh Hiếu	06/02/1988					24TXLT42SP3
5	24TX542034	Đoàn Nguyễn Duy Hòa	12/08/1990					24TXLT42SP3
6	24TX542035	Vũ Đức Khánh	14/09/1995					24TXLT42SP3
7	24TX542036	Võ Cao Quốc	20/10/1986					24TXLT42SP3
8	24TX542037	Phạm Đức Sơn	12/10/1981					24TXLT42SP3
9	24TX542038	Đỗ Văn Tú	01/01/1997					24TXLT42SP3
10	24TX543001	Trần Thanh Hải	12/12/1971					24TXLT43SP3
11	24TX543003	Bùi Quốc Huy	06/06/1992					24TXLT43SP3
12	24TX543005	Nguyễn Đăng Khoa	24/02/1984					24TXLT43SP3
13	24TX543007	Trần Văn Long	29/12/1989					24TXLT43SP3
14	24TX543011	Phạm Huy Tín	16/07/1991					24TXLT43SP3
15	24TX543012	Lê Văn Tuấn	04/11/1994					24TXLT43SP3
16	24TX543013	Hồ Hữu Thành	13/10/1990					24TXLT43SP3
17	24TX543014	Tạ Hữu Thiện	10/08/1994					24TXLT43SP3
18	24TX543015	Võ Văn Thuận	01/03/1996					24TXLT43SP3
19	24TX843044	Hoàng Mạnh Đức	02/06/2002					24TXLC43COT3
20	24TX843045	Nguyễn Văn Hưng	07/04/2001					24TXLC43COT3
21	24TX843046	Võ Thành Hưng	20/03/1999					24TXLC43COT3
22	24TX843047	Lê Nguyễn Anh Khoa	11/03/2002					24TXLC43COT3
23	24TX843048	Trần Hoàng Phúc	19/01/2002					24TXLC43COT3
24	24TX843049	Thái Quang Phúc	23/07/2003					24TXLC43COT3
25	24TX843050	Trần Quốc Toàn	24/02/2002					24TXLC43COT3

Số S/V Trong Danh Sách: 25 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Vật lý 2 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **PHYS131002_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Sơn Hải (9230)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX843068	Dương Hoàng Duy	17/09/2003					24TXLC43SP3
2	24TX843069	Phạm Tiến Đạt	12/08/2005					24TXLC43SP3
3	24TX843070	Nguyễn Thanh Hải	27/07/1993					24TXLC43SP3
4	24TX843071	Nguyễn Trọng Hiếu	15/01/1996					24TXLC43SP3
5	24TX843072	Bùi Tất Kiên	08/02/1993					24TXLC43SP3
6	24TX843073	Lê Minh	20/11/2003					24TXLC43SP3
7	24TX843075	Huỳnh Lâm Sung	18/12/2002					24TXLC43SP3
8	24TX843077	Thạch Vương	05/10/2003					24TXLC43SP3
9	24TX843078	Huỳnh Văn Vương	18/10/2001					24TXLC43SP3
10	24TX843079	Đoàn Đức Duy	07/09/2005					24TXLC43SP3
11	24TX843080	Vũ Ngọc Xuân Hồng	25/04/2000					24TXLC43SP3
12	24TX843082	Tạ Hoàng Quang	14/09/1997					24TXLC43SP3
13	24TX845067	Đỗ Thanh Sang	18/05/2001					24TXLC45COT3
14	24TX845078	Lê Đăng Khoa	24/09/2000					24TXLC45SP3
15	24TX845079	Võ Duy Lộc	21/06/1999					24TXLC45SP3
16	24TX845080	Lê Nguyễn Minh	21/11/2003					24TXLC45SP3
17	24TX845081	Nguyễn Trọng Nghĩa	22/08/2000					24TXLC45SP3
18	24TX845082	Hồ Bảo Nghĩa	05/10/2003					24TXLC45SP3
19	24TX845083	Lê Hoài Ngọc	06/11/2003					24TXLC45SP3
20	24TX845085	Võ Quang Long Phát	10/05/2001					24TXLC45SP3
21	24TX845087	Lê Nguyễn Hoàng Phong	24/11/2000					24TXLC45SP3
22	24TX845088	Ngô Hồng Phong	20/03/2001					24TXLC45SP3
23	24TX845089	Nguyễn Văn Phước	06/06/1998					24TXLC45SP3
24	24TX845090	Ngô Vòng Hồ Phú Sinh	02/08/2003					24TXLC45SP3
25	24TX845091	Nguyễn Ngọc Sơn	24/03/2002					24TXLC45SP3
26	24TX845092	Phạm Anh Tuấn	22/08/2001					24TXLC45SP3
27	24TX845093	Nguyễn Duy Thành	06/07/2004					24TXLC45SP3
28	24TX845094	Phạm Thanh Triêm	12/10/2003					24TXLC45SP3
29	24TX845096	Ngô Thanh Trúc Lâm	04/02/2001					24TXLC45SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Vật lý 2 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **PHYS131002_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Sơn Hải (9230)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
30	24TX845097	Đỗ Nguyễn Hoàng Hải	17/01/1996					24TXLC45SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 30 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Năng lượng mới trên ô tô - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **AEVE320830_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Văn Long Giang (1205)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX645001	Nguyễn Tuấn Anh	24/02/1997					24TXLC45SP2
2	24TX845001	Phạm Hoàng Anh	31/01/2001					24TXLC45SP2
3	24TX845003	Đoàn Ngọc Bảo	11/05/2003					24TXLC45SP2
4	24TX845004	Lê Hoài Bảo	12/08/1998					24TXLC45SP2
5	24TX845002	Nguyễn Ngọc Bảo	06/05/2003					24TXLC45SP2
6	24TX845005	Phạm Duy Bình	25/08/2003					24TXLC45SP2
7	24TX845006	Đỗ Hồng Đăng	30/05/2001					24TXLC45SP2
8	24TX845059	Nguyễn Văn Trường Giang	17/05/2001					24TXLC45SP2
9	24TX845007	Trương Minh Giàu	09/07/2000					24TXLC45SP2
10	24TX845008	Nguyễn Văn Hiếu	21/04/2001					24TXLC45SP2
11	24TX845060	Võ Tấn Hoài	08/09/2003					24TXLC45SP2
12	24TX845011	Cao Quốc Huy	24/01/2003					24TXLC45SP2
13	24TX845010	Trần Quốc Huy	16/09/1997					24TXLC45SP2
14	24TX845013	Nguyễn An Khang	18/08/2002					24TXLC45SP2
15	24TX645002	Phạm Khang	01/03/2002					24TXLC45SP2
16	24TX845012	Đỗ Đức Khải	29/01/1999					24TXLC45SP2
17	24TX845015	Đoàn Quốc Khánh	21/05/2000					24TXLC45SP2
18	24TX645003	Nguyễn Đăng Khoa	24/11/2001					24TXLC45SP2
19	24TX845017	Nguyễn Trần Đăng Khoa	18/08/2003					24TXLC45SP2
20	24TX845061	Trần Đăng Khoa	25/12/1999					24TXLC45SP2
21	24TX845018	Nguyễn Anh Khôi	05/01/2003					24TXLC45SP2
22	24TX845019	Nguyễn Vũ Khương	11/10/1987					24TXLC45SP2
23	24TX845020	Trần Trung Kiên	07/10/2003					24TXLC45SP2
24	24TX845021	Nguyễn Thanh Liêm	20/10/1997					24TXLC45SP2
25	24TX845023	Trương Quang Linh	21/04/2002					24TXLC45SP2
26	24TX845024	Vũ Hoàng Nam	13/01/2003					24TXLC45SP2
27	24TX845027	Phan Minh Nhật	20/07/2003					24TXLC45SP2
28	24TX845028	Lương Tấn Pháp	24/11/2003					24TXLC45SP2
29	24TX845063	Nguyễn Thành Phát	27/08/2000					24TXLC45SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Năng lượng mới trên ô tô - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **AEVE320830_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Văn Long Giang (1205)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
30	24TX845031	Trần Nhật Thanh Phong	27/11/2001					24TXLC45SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 30 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Lập trình hướng đối tượng - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **OOPR230279_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trương Thị Khánh Dịp (6078)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A5-203

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX610001	Phạm Văn Bình	20/10/1988					25TXLC10SP2
2	25TX610002	Nguyễn Anh Duy	09/09/1994					25TXLC10SP2
3	25TX610004	Nguyễn Chí Khang	19/06/2002					25TXLC10SP2
4	25TX610005	Nguyễn Hải Long	24/08/1997					25TXLC10SP2
5	25TX610007	Nguyễn Hoàng Phú	03/08/1997					25TXLC10SP2
6	25TX610008	Lý Anh Quyên	20/09/2000					25TXLC10SP2
7	25TX810001	Trần Quốc Dương	18/04/2004					25TXLC10SP2
8	25TX810002	Trần Khánh Duy	01/01/2004					25TXLC10SP2
9	25TX810003	Trương Văn Giáp	05/03/2004					25TXLC10SP2
10	25TX810004	Trần Văn Hậu	09/07/1999					25TXLC10SP2
11	25TX810005	Nguyễn Bảo Hiên	14/08/2004					25TXLC10SP2
12	25TX810006	Lê Trung Hiếu	02/02/1999					25TXLC10SP2
13	25TX810008	Hồ Sỹ Huy	14/11/1999					25TXLC10SP2
14	25TX810009	Nguyễn Minh Khang	21/01/2003					25TXLC10SP2
15	25TX810010	Đào Trần Tuấn Khanh	12/11/2001					25TXLC10SP2
16	25TX810012	Trần Minh Mẫn	19/10/2001					25TXLC10SP2
17	25TX810013	Trần Công Minh	26/10/2002					25TXLC10SP2
18	25TX810014	Phạm Trương Minh Ngọc	15/08/1997					25TXLC10SP2
19	25TX810015	Hồ Nhựt Nguyên	12/04/2004					25TXLC10SP2
20	25TX810016	Lê Ngọc Nhân	02/01/1998					25TXLC10SP2
21	25TX810017	Lê Gia Nhật	12/11/2003					25TXLC10SP2
22	25TX810018	Lê Thanh Phát	02/02/2004					25TXLC10SP2
23	25TX810019	Nguyễn Xuân Quỳnh	13/08/1993					25TXLC10SP2
24	25TX810020	Nguyễn Đức Sỹ	08/11/2001					25TXLC10SP2
25	25TX810021	Đặng Thành Tâm	25/07/2004					25TXLC10SP2
26	25TX810022	Đỗ Minh Tâm	28/07/2004					25TXLC10SP2
27	25TX810023	Đoàn Thị Mỹ Thiện	26/08/2001					25TXLC10SP2
28	25TX810024	Lê Nguyễn Chí Thuận	30/07/2006					25TXLC10SP2
29	25TX810025	Nguyễn Duy Thuận	21/01/1997					25TXLC10SP2
30	25TX810026	Ngô Hoài Thương	05/10/2004					25TXLC10SP2
31	25TX810027	Nguyễn Huy Toàn	09/02/2001					25TXLC10SP2
32	25TX810028	Phan Đăng Ngọc Trân	23/08/2003					25TXLC10SP2
33	25TX810029	Nguyễn Mạnh Trường	22/08/2004					25TXLC10SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Lập trình hướng đối tượng - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **OOPR230279_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trương Thị Khánh Dịp (6078)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A5-203

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX810030	Võ Hoàng Tùng	03/11/1997					25TXLC10SP2
35	25TX810031	Hồ Minh Yên	20/04/2001					25TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 35 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Vạn Vật Kết Nối - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **INOT231780_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đình Công Đoàn (9979)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A5-204

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX810001	Ngô Võ Tuấn An	12/10/2001					24TXLC10SP2
2	24TX810002	Phạm Lê Hoàng Anh	26/10/1999					24TXLC10SP2
3	24TX810003	Vũ Thế Bảo	02/02/2002					24TXLC10SP2
4	24TX610001	Nguyễn Thị Huệ	15/11/1995					24TXLC10SP2
5	24TX810007	Trần Trung Hiếu	10/04/2003					24TXLC10SP2
6	24TX610005	Trần Quốc Huy	24/07/1992					24TXLC10SP2
7	24TX610006	Trần Thị Lâm	24/05/1986					24TXLC10SP2
8	24TX810010	Nguyễn Trọng Linh	25/04/2001					24TXLC10SP2
9	24TX610002	Võ Văn Ngọc	02/05/1998					24TXLC10SP2
10	24TX810011	Nguyễn Khôi Nguyên	13/10/2001					24TXLC10SP2
11	24TX810013	Đình Hồng Phong	26/02/2000					24TXLC10SP2
12	24TX810014	Nguyễn Trần Hoàng Phúc	21/12/2002					24TXLC10SP2
13	24TX810023	Nguyễn Thanh Phước	13/01/2003					24TXLC10SP2
14	24TX810024	Trần Ngô Bảo Quân	02/01/2003					24TXLC10SP2
15	24TX810015	Lê Tam Quyền	10/08/2000					24TXLC10SP2
16	24TX610003	Cao Nguyễn Minh Sang	04/01/2000					24TXLC10SP2
17	24TX810025	Trần Trọng Tân	16/11/2001					24TXLC10SP2
18	24TX810029	Nguyễn Tấn Thịnh	01/05/2003					24TXLC10SP2
19	24TX810031	Phạm Đức Trung	29/06/2004					24TXLC10SP2
20	24TX810019	Nguyễn Đoàn Trung Trục	08/11/2002					24TXLC10SP2
21	24TX810027	Nguyễn Thanh Tùng	30/10/2000					24TXLC10SP2
22	24TX810026	Trần Đức Tùng	12/01/2003					24TXLC10SP2
23	24TX810020	Lê Quang Vinh	21/08/1996					24TXLC10SP2
24	24TX810021	Trương Thanh Vui	24/04/2001					24TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 24 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 1 - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132401_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Văn Hòa (6529)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A108

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX804025	Nguyễn Lê Hồng Phụng	02/06/2002					25TXLC04SP2
2	25TX845010	Nguyễn Văn Quân	10/01/2002					25TXLC45SP2
3	25TX804026	Trần Quốc Qui	02/02/1998					25TXLC04SP2
4	25TX845011	Huỳnh Đức Sơn	24/09/2002					25TXLC45SP2
5	25TX804029	Trịnh Việt Thành	02/07/2005					25TXLC04SP2
6	25TX804028	Nguyễn Đỗ Việt Thắng	13/10/2003					25TXLC04SP2
7	25TX804031	Võ Nguyễn Bảo Thy	03/09/2003					25TXLC04SP2
8	25TX845021	Trần Văn Toàn	25/02/2002					25TXLC45SP2
9	25TX804032	Nguyễn Trọng Trí	31/12/1996					25TXLC04SP2
10	25TX845014	Nguyễn Hữu Trọng	18/09/2002					25TXLC45SP2
11	25TX804034	Đặng Văn Trung	02/09/1994					25TXLC04SP2
12	25TX804033	Lương Nguyễn Minh Trung	27/12/2003					25TXLC04SP2
13	25TX804035	Phạm Trọng Trường	10/06/1999					25TXLC04SP2
14	25TX845016	Đinh Minh Tuấn	19/07/2003					25TXLC45SP2
15	25TX804036	Trần Văn Tuấn	25/05/2001					25TXLC04SP2
16	25TX804037	Chu Thị Tuyền	28/12/1991					25TXLC04SP2
17	25TX804041	Khương Duy Tùng	21/03/1994					25TXLC04SP2
18	25TX845022	Nguyễn Thanh Tú	16/11/2002					25TXLC45SP2
19	25TX804038	Nguyễn Thị Linh Vi	28/11/2003					25TXLC04SP2
20	25TX804039	Nguyễn Thùy Thanh Vy	27/12/2003					25TXLC04SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 20 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Trang bị điện-điện tử trong máy công nghiệp - 01 - Số TC: 2** Cán bộ coi thi 1: _____Lớp học phân: **EEEE1321925_01TX** Cán bộ coi thi 2: _____CBGD: **Trần Thanh Lam (9925)** Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX643053	Phạm Thế By	26/09/2002					24TXLC43SP3
2	24TX643054	Huỳnh Thành Công	24/11/2003					24TXLC43SP3
3	24TX643055	Lê Đặng Mạnh Cường	01/01/1990					24TXLC43SP3
4	24TX843068	Dương Hoàng Duy	17/09/2003					24TXLC43SP3
5	24TX843079	Đoàn Đức Duy	07/09/2005					24TXLC43SP3
6	24TX643056	Ngô Thành Đạt	19/09/2003					24TXLC43SP3
7	24TX643057	Phan Tiến Đạt	13/02/1998					24TXLC43SP3
8	24TX843069	Phạm Tiến Đạt	12/08/2005					24TXLC43SP3
9	24TX843044	Hoàng Mạnh Đức	02/06/2002					24TXLC43COT3
10	24TX843070	Nguyễn Thanh Hải	27/07/1993					24TXLC43SP3
11	24TX643037	Nguyễn Trần Trọng Hiếu	13/04/2003					24TXLC43SP3
12	24TX843071	Nguyễn Trọng Hiếu	15/01/1996					24TXLC43SP3
13	24TX843080	Vũ Ngọc Xuân Hồng	25/04/2000					24TXLC43SP3
14	24TX643039	Phạm Nhật Huy	14/04/2003					24TXLC43SP3
15	24TX643038	Trần Quốc Huy	29/10/2003					24TXLC43SP3
16	24TX643047	Đình Vĩnh Hùng	16/07/2001					24TXLC43SP3
17	24TX843045	Nguyễn Văn Hùng	07/04/2001					24TXLC43COT3
18	24TX843046	Võ Thành Hùng	20/03/1999					24TXLC43COT3
19	24TX643040	Nguyễn Thành Hữu	01/02/1989					24TXLC43SP3
20	24TX643041	Nguyễn Thành Khải	09/12/1987					24TXLC43SP3
21	24TX843047	Lê Nguyễn Anh Khoa	11/03/2002					24TXLC43COT3
22	24TX643042	Phan Nguyễn Minh Khởi	12/02/2003					24TXLC43SP3
23	24TX843072	Bùi Tất Kiên	08/02/1993					24TXLC43SP3
24	24TX643034	Huỳnh Bá Liệp	06/10/1993					24TXLC43COT3
25	24TX843073	Lê Minh	20/11/2003					24TXLC43SP3
26	24TX643049	Đình Tuấn Nguyên	30/09/1990					24TXLC43SP3
27	24TX843049	Thái Quang Phúc	23/07/2003					24TXLC43COT3
28	24TX843048	Trần Hoàng Phúc	19/01/2002					24TXLC43COT3
29	24TX843082	Tạ Hoàng Quang	14/09/1997					24TXLC43SP3
30	24TX643050	Huỳnh Thanh Quá	24/06/2003					24TXLC43SP3
31	24TX843075	Huỳnh Lâm Sung	18/12/2002					24TXLC43SP3
32	24TX643045	Mai Duy Tâm	14/04/1999					24TXLC43SP3
33	24TX643052	Tô Chung Thắng	18/09/1996					24TXLC43SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Trang bị điện-điện tử trong máy công nghiệp - 01 - Số TC: 2** Cán bộ coi thi 1: _____Lớp học phần: **EEEE1321925_01TX** Cán bộ coi thi 2: _____CBGD: **Trần Thanh Lam (9925)** Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX843050	Trần Quốc Toàn	24/02/2002					24TXLC43COT3
35	24TX643046	Phan Văn Tú	27/07/1993					24TXLC43SP3
36	24TX843077	Thạch Vuông	05/10/2003					24TXLC43SP3
37	24TX843078	Huỳnh Văn Vương	18/10/2001					24TXLC43SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 37 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán ứng dụng cho kỹ sư cơ khí - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **APME234625_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đặng Nhật Minh (7092)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX643001	Trần Kim Anh	02/06/1997					24TXLC43SP2C
2	24TX643002	Cao Văn Cui	25/09/1992					24TXLC43SP2C
3	24TX643003	Trịnh Văn Cường	13/11/1997					24TXLC43SP2C
4	24TX643026	Nguyễn Quang Đăng	19/10/1997					24TXLC43SP2C
5	24TX643004	Nguyễn Văn Đạo	07/04/1994					24TXLC43SP2C
6	24TX843002	Nguyễn Hải Đăng	27/12/2001					24TXLC43SP2L
7	24TX843006	Nguyễn Bá Giang	22/07/2002					24TXLC43SP2L
8	24TX843005	Phan Trường Giang	30/03/2000					24TXLC43SP2L
9	24TX643006	Nguyễn Tấn Hiếu	15/10/1994					24TXLC43SP2C
10	24TX843026	Mai Chân Hoàng	22/06/2000					24TXLC43SP2L
11	24TX843007	Nguyễn Quốc Hoàng	05/09/2001					24TXLC43SP2L
12	24TX843008	Phan Hùng Huy Hoàng	08/11/1999					24TXLC43SP2L
13	24TX643007	Phạm Minh Hòa	09/05/1993					24TXLC43SP2C
14	24TX643018	Trương Diệp Huyền	05/10/1997					24TXLC43SP2C
15	24TX843027	Mai Văn Hùng	18/03/2000					24TXLC43SP2L
16	24TX843009	Nguyễn Trung Phước Hưng	11/06/1997					24TXLC43SP2L
17	24TX843010	Trần Duy Khang	04/03/2001					24TXLC43SP2L
18	24TX643011	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/08/1998					24TXLC43SP2C
19	24TX843011	Nguyễn Vũ Hoàng Long	25/02/2001					24TXLC43SP2L
20	24TX643012	Đỗ Lê Minh	11/04/2000					24TXLC43SP2C
21	24TX643013	Nguyễn Đức Minh	01/05/2001					24TXLC43SP2C
22	24TX843012	Tăng Hoàng Minh	10/01/2000					24TXLC43SP2L
23	24TX643014	Trần Văn Nam	12/09/1996					24TXLC43SP2C
24	24TX843014	Bùi Thị Kim Ngân	04/05/2001					24TXLC43SP2L
25	24TX843015	Lý Trọng Nghĩa	16/08/2003					24TXLC43SP2L
26	24TX843016	Phạm Văn Nguyên	20/02/1999					24TXLC43SP2L
27	24TX843017	Trần Minh Phi	06/03/1999					24TXLC43SP2L
28	24TX643016	Nguyễn Vinh Sang	25/07/1992					24TXLC43SP2C
29	24TX843019	Đoàn Nguyễn Bá Sơn	15/09/1999					24TXLC43SP2L
30	24TX643019	Đào Duy Thái	16/07/2002					24TXLC43SP2C
31	24TX643020	Trần Văn Tiền	28/07/1999					24TXLC43SP2C
32	24TX643021	Nguyễn Hoàng Thanh Toàn	20/02/1987					24TXLC43SP2C
33	24TX843028	Nguyễn Chí Trung	26/10/1999					24TXLC43SP2L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán ứng dụng cho kỹ sư cơ khí - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **APME234625_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đặng Nhật Minh (7092)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX643023	Đỗ Lam Trường	14/06/1998					24TXLC43SP2C
35	24TX843022	Lý Văn Quốc Tuấn	01/12/2001					24TXLC43SP2L
36	24TX643025	Bùi Thanh Tuyền	27/02/1995					24TXLC43SP2C
37	24TX643024	Phan Thanh Tú	15/10/2000					24TXLC43SP2C
38	24TX843023	Nguyễn Quốc Việt	22/05/2003					24TXLC43SP2L
39	24TX843024	Lê Công Vũ	09/02/2003					24TXLC43SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 39 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 1 - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132401_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Thu Hà (6488)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX842001	Võ Tuấn Anh	02/01/2003					25TXLC42SP2L
2	25TX842007	Lê Nhật Duy	07/05/2005					25TXLC42SP2L
3	25TX842004	Nguyễn Văn Dũng	01/11/1998					25TXLC42SP2L
4	25TX842005	Võ Hữu Dương	05/06/2000					25TXLC42SP2L
5	25TX842008	Trần Mạnh Hào	08/11/2000					25TXLC42SP2L
6	25TX842013	Nguyễn Lê Huy	16/06/1997					25TXLC42SP2L
7	25TX842011	Lê Anh Hùng	03/05/1998					25TXLC42SP2L
8	25TX842012	Phùng Cẩm Hùng	01/02/1998					25TXLC42SP2L
9	25TX842014	Nguyễn Chí Khang	23/09/1999					25TXLC42SP2L
10	25TX842015	Ngô Hồng Khanh	02/10/1997					25TXLC42SP2L
11	25TX842016	Lương Trung Khánh	30/03/1991					25TXLC42SP2L
12	25TX842017	Nguyễn Đình Kung	07/10/2004					25TXLC42SP2L
13	25TX842018	Thuận Khánh Nguyên	27/11/1996					25TXLC42SP2L
14	25TX842019	Nguyễn Thế Nhân	15/06/1978					25TXLC42SP2L
15	25TX842023	Nguyễn Thế Quý	11/08/1999					25TXLC42SP2L
16	25TX842025	Thạch Minh Thái	06/11/1995					25TXLC42SP2L
17	25TX842027	Đỗ Trung Tín	02/12/2000					25TXLC42SP2L
18	25TX810028	Phan Đặng Ngọc Trân	23/08/2003					25TXLC10SP2
19	25TX843014	Nguyễn Hữu Trí	24/02/2003					25TXLC43SP2
20	25TX842028	Phạm Duy Trung	12/10/2003					25TXLC42SP2L
21	25TX810029	Nguyễn Mạnh Trường	22/08/2004					25TXLC10SP2
22	25TX842029	Lê Anh Tuấn	07/12/1999					25TXLC42SP2L
23	25TX843011	Phan Anh Tuấn	29/01/2003					25TXLC43SP2
24	25TX842030	Dương Thanh Tùng	16/07/1996					25TXLC42SP2L
25	25TX810030	Võ Hoàng Tùng	03/11/1997					25TXLC10SP2
26	25TX843012	Đào Xuân Win	30/10/1998					25TXLC43SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 1 - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132401_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Thu Hà (6488)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
27	25TX810031	Hồ Minh Yên	20/04/2001					25TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 27 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Mạch điện tử 1 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELEC230262_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Hoàng Minh (2203)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TXA42001	Lê Trường Bình	24/05/1995					25TXLD42SP2
2	25TXA42002	Trần Viết Cường	04/10/1997					25TXLD42SP2
3	25TXA42005	Lê Dương Nhật Duy	05/04/1996					25TXLD42SP2
4	25TXA42003	Đặng Thanh Điền	22/11/1981					25TXLD42SP2
5	25TXA42004	Phạm Trung Đức	05/01/2000					25TXLD42SP2
6	25TXA42006	Đặng Minh Huy	14/04/2001					25TXLD42SP2
7	25TXA42007	Nguyễn Ngọc Đồng Khánh	31/07/1997					25TXLD42SP2
8	25TXA42008	Nguyễn Phấn Khởi	06/03/1992					25TXLD42SP2
9	25TXA42009	Trần Trung Kiên	29/08/1994					25TXLD42SP2
10	25TXA42011	Nguyễn Hữu Mẫn	03/01/1997					25TXLD42SP2
11	25TXA42012	Nguyễn Nhật Minh	17/07/1996					25TXLD42SP2
12	25TXA42013	Trịnh Công Anh Minh	10/09/1991					25TXLD42SP2
13	25TXA42016	Trần Văn Phương	01/07/1985					25TXLD42SP2
14	25TXA42017	Trần Ngọc Quyền	22/06/2001					25TXLD42SP2
15	25TXA42018	Ôn Thanh Thông	03/06/1978					25TXLD42SP2
16	25TXA42019	Đỗ Cao Trí	06/06/1994					25TXLD42SP2
17	25TXA42021	Đỗ Trương Trọng Tuấn	04/04/1996					25TXLD42SP2
18	25TXA42020	Nguyễn Thanh Tú	08/08/1998					25TXLD42SP2
19	25TXA42022	Hồ Phương Vũ	14/05/1987					25TXLD42SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 19 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Hệ thống điện - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **POSY346645_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Bùi Xuân Lược (6524)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842001	Dương Việt Bắc	24/09/2001					24TXLC42SP2L
2	24TX842004	Lê Xuân Đức	25/02/2002					24TXLC42SP2L
3	24TX842047	Nguyễn Đình Hào	21/11/1999					24TXLC42SP2L
4	24TX842005	Vũ Văn Hậu	03/10/2000					24TXLC42SP2L
5	24TX842007	Hoàng Trọng Hiếu	19/09/1994					24TXLC42SP2L
6	24TX842006	Lê Đức Hiệp	25/12/2001					24TXLC42SP2L
7	24TX842048	Ninh Đắc Hòa	10/11/2000					24TXLC42SP2L
8	24TX842010	Nguyễn Vinh Hưng	22/09/2003					24TXLC42SP2L
9	24TX842013	Huỳnh Nguyên Khoa	02/07/2005					24TXLC42SP2L
10	24TX842014	Trần Anh Kiệt	18/05/2000					24TXLC42SP2L
11	24TX842016	Nguyễn Thành Luân	06/02/1999					24TXLC42SP2L
12	24TX842017	Trần Văn Luận	02/10/1997					24TXLC42SP2L
13	24TX842018	Phan Văn Mẫn	07/09/2002					24TXLC42SP2L
14	24TX842019	Trần Bình Minh	01/10/2003					24TXLC42SP2L
15	24TX842020	Nguyễn Hải Nam	24/05/2003					24TXLC42SP2L
16	24TX842024	Đặng Tấn Nghĩa	31/01/1999					24TXLC42SP2L
17	24TX842023	Nguyễn Hiếu Nghĩa	03/10/2001					24TXLC42SP2L
18	24TX842027	Nguyễn Đức Nguyên	10/09/1995					24TXLC42SP2L
19	24TX842021	Đình Thiện Nhân	19/04/2001					24TXLC42SP2L
20	24TX842022	Tạ Đức Nhật	17/02/2002					24TXLC42SP2L
21	24TX842028	Võ Hoàng Phong	02/01/1999					24TXLC42SP2L
22	24TX842029	Nguyễn Thanh Quyết	27/01/2003					24TXLC42SP2L
23	24TX842031	Hồ Phước Tài	05/06/1999					24TXLC42SP2L
24	24TX842050	Lê Thiên Viễn Tài	10/08/1996					24TXLC42SP2L
25	24TX842032	Nguyễn Quang Nhật Tân	27/10/1999					24TXLC42SP2L
26	24TX842035	Trịnh Thanh Thiêm	10/12/2002					24TXLC42SP2L
27	24TX842036	Đỗ Huỳnh Trung Tín	04/12/1999					24TXLC42SP2L
28	24TX842037	Đỗ Đức Toàn	11/08/2000					24TXLC42SP2L
29	24TX842038	Nông Văn Toàn	06/09/2001					24TXLC42SP2L
30	24TX842040	Nguyễn Bạch Trọng	10/04/2000					24TXLC42SP2L
31	24TX842052	Nguyễn Lê Khánh Trọng	05/12/2002					24TXLC42SP2L
32	24TX842041	Nguyễn Nhật Trung	22/02/2003					24TXLC42SP2L
33	24TX842044	Nguyễn Đức Anh Tú	10/05/2000					24TXLC42SP2L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Hệ thống điện - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **POSY346645_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Bùi Xuân Lược (6524)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX842043	Phan Văn Tú	13/01/1999					24TXLC42SP2L
35	24TX842046	Phạm Như Ý	27/02/2001					24TXLC42SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 35 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 1 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132401_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Thị Thanh (5024)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX810002	Trần Khánh Duy	01/01/2004					25TXLC10SP2
2	24TX542006	Bùi Hoàng Dù	13/02/1994					24TXLT42SP2
3	25TX810001	Trần Quốc Dương	18/04/2004					25TXLC10SP2
4	25TX810003	Trương Văn Giáp	05/03/2004					25TXLC10SP2
5	25TX810004	Trần Văn Hậu	09/07/1999					25TXLC10SP2
6	25TX810005	Nguyễn Bảo Hiền	14/08/2004					25TXLC10SP2
7	25TX810006	Lê Trung Hiếu	02/02/1999					25TXLC10SP2
8	25TX810008	Hồ Sỹ Huy	14/11/1999					25TXLC10SP2
9	25TX810009	Nguyễn Minh Khang	21/01/2003					25TXLC10SP2
10	25TX843005	Trần Thanh Khang	30/03/2004					25TXLC43SP2
11	25TX810010	Đào Trần Tuấn Khanh	12/11/2001					25TXLC10SP2
12	25TX843007	Nguyễn Lê Anh Khoa	17/01/1999					25TXLC43SP2
13	25TX843006	Nguyễn Minh Khoa	19/07/1989					25TXLC43SP2
14	25TX810012	Trần Minh Mẫn	19/10/2001					25TXLC10SP2
15	25TX810013	Trần Công Minh	26/10/2002					25TXLC10SP2
16	25TX810014	Phạm Trương Minh Ngọc	15/08/1997					25TXLC10SP2
17	25TX810015	Hồ Nhật Nguyên	12/04/2004					25TXLC10SP2
18	25TX810016	Lê Ngọc Nhân	02/01/1998					25TXLC10SP2
19	25TX810017	Lê Gia Nhật	12/11/2003					25TXLC10SP2
20	25TX810018	Lê Thanh Phát	02/02/2004					25TXLC10SP2
21	25TX810019	Nguyễn Xuân Quỳnh	13/08/1993					25TXLC10SP2
22	25TX810020	Nguyễn Đức Sỹ	08/11/2001					25TXLC10SP2
23	25TX810021	Đặng Thành Tâm	25/07/2004					25TXLC10SP2
24	25TX810022	Đỗ Minh Tâm	28/07/2004					25TXLC10SP2
25	25TX843010	Phạm Hồng Thắng	06/05/1997					25TXLC43SP2
26	25TX810023	Đoàn Thị Mỹ Thiện	26/08/2001					25TXLC10SP2
27	25TX843013	Nguyễn Hữu Thiện	24/02/2003					25TXLC43SP2
28	25TX810024	Lê Nguyễn Chí Thuận	30/07/2006					25TXLC10SP2
29	25TX810025	Nguyễn Duy Thuận	21/01/1997					25TXLC10SP2
30	25TX810026	Ngô Hoài Thương	05/10/2004					25TXLC10SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 1 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132401_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Thị Thanh (5024)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
31	25TX810027	Nguyễn Huy Toàn	09/02/2001					25TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 31 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 1 - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132401_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Văn Hòa (6529)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX804001	Nguyễn Hoàng Ân	24/01/2003					25TXLC04SP2
2	25TX845018	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	13/10/2003					25TXLC45SP2
3	25TX804002	Trần Nhật Bảo	24/06/2000					25TXLC04SP2
4	25TX804042	Đặng Chung	19/02/2003					25TXLC04SP2
5	25TX845001	Phan Huy Cường	09/05/1985					25TXLC45SP2
6	25TX804004	Đặng Thanh Duy	17/08/1998					25TXLC04SP2
7	25TX804005	Trần Hoàng Duy	21/07/1999					25TXLC04SP2
8	25TX804006	Trần Quốc Duy	20/08/1986					25TXLC04SP2
9	25TX845019	Nguyễn Ngọc Đà	15/04/2003					25TXLC45SP2
10	25TX804040	Nguyễn Tú Đình	12/08/1994					25TXLC04SP2
11	25TX804007	Hầu Ngọc Hải	01/03/2003					25TXLC04SP2
12	25TX804008	Trần Thiện Hải	01/11/1986					25TXLC04SP2
13	25TX804010	Lê Thị Thu Hằng	22/02/2003					25TXLC04SP2
14	25TX804009	Nguyễn Thái Hân	01/01/2001					25TXLC04SP2
15	25TX845002	Nguyễn Trung Hậu	05/09/1999					25TXLC45SP2
16	25TX845003	Trần Minh Hiếu	12/06/2004					25TXLC45SP2
17	25TX804011	Nguyễn Duy Khang	17/02/2002					25TXLC04SP2
18	25TX845005	Huỳnh Nhật Khánh	01/12/2001					25TXLC45SP2
19	25TX845006	Trần Duy Khánh	12/10/2002					25TXLC45SP2
20	25TX845007	Lê Văn Lâm	22/08/2001					25TXLC45SP2
21	25TX804012	Phạm Hoàng Linh	28/03/2003					25TXLC04SP2
22	25TX804013	Đặng Quốc Long	25/09/2003					25TXLC04SP2
23	25TX845008	Nguyễn Văn Lộc	05/02/2004					25TXLC45SP2
24	25TX804014	Huỳnh Vũ Luân	02/09/2000					25TXLC04SP2
25	25TX804015	Danh Thị Hồng Mai	17/05/2002					25TXLC04SP2
26	25TX804016	Lê Vũ Minh	11/01/1999					25TXLC04SP2
27	25TX804017	Hoàng Thành Nam	17/11/2004					25TXLC04SP2
28	25TX804018	Võ Phạm Ngọc Ngân	23/08/2002					25TXLC04SP2
29	25TX804019	Lê Trọng Nghĩa	21/02/1996					25TXLC04SP2
30	25TX804020	Nguyễn Trọng Nhân	20/01/2001					25TXLC04SP2
31	25TX804021	Trần Thị Trúc Nhi	04/02/2003					25TXLC04SP2
32	25TX804022	Nguyễn Thị Yến Như	01/06/2003					25TXLC04SP2
33	25TX804023	Lê Hoàng Phát	16/12/2001					25TXLC04SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 1 - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132401_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Văn Hòa (6529)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX804024	Đào Thị Phúc	12/02/2003					25TXLC04SP2
35	25TX845009	Phan Chí Phương	22/07/2003					25TXLC45SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 35 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Hệ thống điện - 02 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **POSY346645_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Bùi Xuân Lược (6524)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX642002	Trần Chí Công	22/06/2002					24TXLC42SP2C
2	24TX642003	Phạm Đình Cương	01/01/1991					24TXLC42SP2C
3	24TX642004	Nguyễn Thanh Danh	01/02/1997					24TXLC42SP2C
4	24TX642005	Võ Trần Duy Danh	08/04/2002					24TXLC42SP2C
5	24TXA42022	Ngô Phương Đào	04/04/1985					24TXLD42SP2
6	24TX642006	Lê Quang Đạo	17/02/1998					24TXLC42SP2C
7	24TX642007	Nguyễn Minh Đức	26/05/2001					24TXLC42SP2C
8	24TX642008	Nguyễn Hoàng Hải	08/10/2001					24TXLC42SP2C
9	24TX642010	Đỗ Thanh Hoàng	08/09/2001					24TXLC42SP2C
10	24TXA42003	Trương Thái Hoàng	08/08/1998					24TXLD42SP2
11	24TX642014	Phan Nguyễn Gia Huy	02/12/1998					24TXLC42SP2C
12	24TX642011	Nguyễn Thái Thanh Hùng	03/08/1993					24TXLC42SP2C
13	24TX642012	Nguyễn Trọng Hữu	21/11/2001					24TXLC42SP2C
14	24TX642015	Trần Hữu Khang	21/08/2000					24TXLC42SP2C
15	24TX642016	Lê Sanh Đăng Khoa	18/01/2002					24TXLC42SP2C
16	24TX642017	Đỗ Hoàng Khôi	27/09/2002					24TXLC42SP2C
17	24TX642018	Phạm Văn Khôi	31/08/2001					24TXLC42SP2C
18	24TX642021	Đặng Văn Lanh	06/09/1990					24TXLC42SP2C
19	24TX642019	Dương Trí Tùng Lâm	25/11/1999					24TXLC42SP2C
20	24TX642020	Phan Tường Lân	15/06/1997					24TXLC42SP2C
21	24TXA42005	Nguyễn Văn Linh	22/08/1989					24TXLD42SP2
22	24TXA42006	Nguyễn Đình Long	04/09/1994					24TXLD42SP2
23	24TXA42007	Nguyễn Hữu Long	19/04/1999					24TXLD42SP2
24	24TX642023	Võ Việt Luân	27/06/1992					24TXLC42SP2C
25	24TX642022	Huỳnh Minh Luận	17/10/2001					24TXLC42SP2C
26	24TX642024	Trần Công Minh	25/08/1998					24TXLC42SP2C
27	24TXA42009	Trương Vũ Khôi Nguyên	04/09/1995					24TXLD42SP2
28	24TX642046	Hồ Trọng Nhân	03/10/2002					24TXLC42SP2C
29	24TX642026	Nguyễn Minh Nhật	11/11/1998					24TXLC42SP2C
30	24TX642027	Lương Đại Phát	19/10/2001					24TXLC42SP2C
31	24TX642028	Lâm Quốc Phong	30/08/1998					24TXLC42SP2C
32	24TX642029	Lê Huỳnh Phúc	16/08/2000					24TXLC42SP2C
33	24TXA42011	Võ Minh Quang	17/05/1998					24TXLD42SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Hệ thống điện - 02 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **POSY346645_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Bùi Xuân Lược (6524)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX642030	Nguyễn Lê Quý	18/07/1997					24TXLC42SP2C
35	24TX642031	Nguyễn Hoàng Sang	28/08/1999					24TXLC42SP2C
36	24TX642032	Nguyễn Huỳnh Thành Tài	15/08/1999					24TXLC42SP2C
37	24TX642034	Đặng Văn Thành	16/09/1993					24TXLC42SP2C
38	24TXA42014	Phan Châu Thành	24/03/2000					24TXLD42SP2
39	24TXA42012	Lâm Hoàng Thạch	06/02/1987					24TXLD42SP2
40	24TX642035	Lê Nguyễn Hữu Thiện	26/04/2002					24TXLC42SP2C
41	24TXA42018	Nguyễn Duy Trinh	04/08/1997					24TXLD42SP2
42	24TX642038	Doãn Triết Trí	24/05/2000					24TXLC42SP2C
43	24TX642039	Nguyễn Đức Trọng	29/09/1997					24TXLC42SP2C
44	24TX642041	Đoàn Thanh Trung	14/04/1995					24TXLC42SP2C
45	24TX642040	Đoàn Thái Trung	16/07/1997					24TXLC42SP2C
46	24TX642050	Phan Thanh Tuấn	08/01/1999					24TXLC42SP2C
47	24TXA42020	Trần Anh Tuyên	27/03/1993					24TXLD42SP2
48	24TX642051	Trần Hoàng Tú	02/02/1994					24TXLC42SP2C
49	24TXA42019	Trịnh Quốc Tường	22/05/1996					24TXLD42SP2
50	24TXA42021	Bùi Thị Nhã Viên	19/03/1999					24TXLD42SP2
51	24TX642044	Nguyễn Văn Xuyên	28/12/1997					24TXLC42SP2C

Số S/V Trong Danh Sách: 51 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Tính toán động cơ đốt trong - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ICEC320430_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Văn Trọng (9277)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX645001	Nguyễn Tuấn Anh	24/02/1997					24TXLC45SP2
2	24TX845001	Phạm Hoàng Anh	31/01/2001					24TXLC45SP2
3	24TX845003	Đoàn Ngọc Bảo	11/05/2003					24TXLC45SP2
4	24TX845004	Lê Hoài Bảo	12/08/1998					24TXLC45SP2
5	24TX845002	Nguyễn Ngọc Bảo	06/05/2003					24TXLC45SP2
6	24TX845005	Phạm Duy Bình	25/08/2003					24TXLC45SP2
7	24TX845006	Đỗ Hồng Đăng	30/05/2001					24TXLC45SP2
8	24TX845059	Nguyễn Văn Trường Giang	17/05/2001					24TXLC45SP2
9	24TX845007	Trương Minh Giàu	09/07/2000					24TXLC45SP2
10	24TX845008	Nguyễn Văn Hiếu	21/04/2001					24TXLC45SP2
11	24TX845060	Võ Tấn Hoài	08/09/2003					24TXLC45SP2
12	24TX845011	Cao Quốc Huy	24/01/2003					24TXLC45SP2
13	24TX845010	Trần Quốc Huy	16/09/1997					24TXLC45SP2
14	24TX845013	Nguyễn An Khang	18/08/2002					24TXLC45SP2
15	24TX645002	Phạm Khang	01/03/2002					24TXLC45SP2
16	24TX845012	Đỗ Đức Khải	29/01/1999					24TXLC45SP2
17	24TX845015	Đoàn Quốc Khánh	21/05/2000					24TXLC45SP2
18	24TX645003	Nguyễn Đăng Khoa	24/11/2001					24TXLC45SP2
19	24TX845017	Nguyễn Trần Đăng Khoa	18/08/2003					24TXLC45SP2
20	24TX845061	Trần Đăng Khoa	25/12/1999					24TXLC45SP2
21	24TX845018	Nguyễn Anh Khôi	05/01/2003					24TXLC45SP2
22	24TX845019	Nguyễn Vũ Khương	11/10/1987					24TXLC45SP2
23	24TX845020	Trần Trung Kiên	07/10/2003					24TXLC45SP2
24	24TX845021	Nguyễn Thanh Liêm	20/10/1997					24TXLC45SP2
25	24TX845023	Trương Quang Linh	21/04/2002					24TXLC45SP2
26	24TX845024	Vũ Hoàng Nam	13/01/2003					24TXLC45SP2
27	24TX845027	Phan Minh Nhật	20/07/2003					24TXLC45SP2
28	24TX845028	Lương Tấn Pháp	24/11/2003					24TXLC45SP2
29	24TX845063	Nguyễn Thành Phát	27/08/2000					24TXLC45SP2
30	24TX845031	Trần Nhật Thanh Phong	27/11/2001					24TXLC45SP2
31	24TX845034	Lê Thành Phước	27/12/2003					24TXLC45SP2
32	24TX845035	Nguyễn Hoài Duy Phước	23/01/1998					24TXLC45SP2
33	24TX845036	Nguyễn Trung Quốc	25/10/1999					24TXLC45SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Tính toán động cơ đốt trong - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ICEC320430_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Văn Trọng (9277)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX845038	Nguyễn Minh Sang	08/05/2002					24TXLC45SP2
35	24TX645004	Nguyễn Văn Tài	10/07/2002					24TXLC45SP2
36	24TX845039	Hồ Chí Tâm	13/01/2000					24TXLC45SP2
37	24TX845040	Trần Đức Tâm	25/04/1988					24TXLC45SP2
38	24TX845041	Lê Hoàng Tân	28/02/2004					24TXLC45SP2
39	24TX845043	Nguyễn Hoài Thanh	01/06/2003					24TXLC45SP2
40	24TX845042	Nguyễn Thị Phương Thanh	11/01/2003					24TXLC45SP2
41	24TX845044	Trương Hữu Thảo	22/04/1999					24TXLC45SP2
42	24TX845045	Nguyễn Công Thuận	17/04/2002					24TXLC45SP2
43	24TX845046	Nguyễn Minh Thuận	18/02/2002					24TXLC45SP2
44	24TX845048	Lê Trung Tính	06/11/2003					24TXLC45SP2
45	24TX845049	Lê Phước Toàn	13/07/1990					24TXLC45SP2
46	24TX845051	Hồ Văn Triển	14/01/2001					24TXLC45SP2
47	24TX845050	Lưu Minh Trí	11/03/2003					24TXLC45SP2
48	24TX845053	Nguyễn Đan Trường	23/06/2002					24TXLC45SP2
49	24TX845064	Lưu Việt Tùng	24/06/2001					24TXLC45SP2
50	24TX845057	Trần Hoàng Vũ	15/10/2003					24TXLC45SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 50 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **An toàn thông tin - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **INSE330380_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Thanh Vân (1138)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A5-203

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX810056	Lê Sỹ Tuấn Anh	10/02/1999					24TXLC10SP3
2	24TX810057	Nguyễn Quốc Bảo	26/07/2001					24TXLC10SP3
3	24TX810068	Tạ Đặng Anh Dương	11/01/2001					24TXLC10SP3
4	24TX610008	Đặng Tấn Đạt	06/02/1994					24TXLC10SP3
5	24TX610009	Trịnh Hận	15/09/1991					24TXLC10SP3
6	24TX810060	Bùi Chí Hiếu	12/10/1999					24TXLC10SP3
7	24TX810059	Nguyễn Trung Hiếu	30/12/1996					24TXLC10SP3
8	24TX610010	Nguyễn Thanh Huy	17/04/2002					24TXLC10SP3
9	24TX810061	Nguyễn Phát Khang	11/07/2000					24TXLC10SP3
10	24TX810062	Vũ Khanh	08/08/2004					24TXLC10SP3
11	24TX810063	Vương Hoàng Khôi	15/12/2005					24TXLC10SP3
12	24TX810069	Nguyễn Quang Minh	28/02/2002					24TXLC10SP3
13	24TX810064	Nguyễn Thị Diễm My	03/12/2001					24TXLC10SP3
14	24TX610012	Lê Nguyễn Minh Quân	03/03/1993					24TXLC10SP3
15	24TX610013	Bá Hoài Sơn	20/11/1997					24TXLC10SP3
16	24TX610014	Lê Minh Tài	23/11/2003					24TXLC10SP3
17	24TX810065	Bùi Thu Thanh	19/03/2003					24TXLC10SP3
18	24TX810070	Nguyễn Tiến Thành	22/07/2002					24TXLC10SP3
19	24TX810071	Nguyễn Ngọc Thiện	26/01/2001					24TXLC10SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 19 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Lập trình di động - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MOPR331279_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thủy An (5030)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A5-204

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX610001	Nguyễn Thị Huệ Diễm	15/11/1995					24TXLC10SP2
2	24TX610002	Võ Văn Ngọc	02/05/1998					24TXLC10SP2
3	24TX610003	Cao Nguyễn Minh Sang	04/01/2000					24TXLC10SP2
4	24TX610005	Trần Quốc Huy	24/07/1992					24TXLC10SP2
5	24TX610006	Trần Thị Lâm	24/05/1986					24TXLC10SP2
6	24TX810001	Ngô Võ Tuấn An	12/10/2001					24TXLC10SP2
7	24TX810002	Phạm Lê Hoàng Anh	26/10/1999					24TXLC10SP2
8	24TX810003	Vũ Thế Bảo	02/02/2002					24TXLC10SP2
9	24TX810007	Trần Trung Hiếu	10/04/2003					24TXLC10SP2
10	24TX810010	Nguyễn Trọng Linh	25/04/2001					24TXLC10SP2
11	24TX810011	Nguyễn Khôi Nguyên	13/10/2001					24TXLC10SP2
12	24TX810013	Đinh Hồng Phong	26/02/2000					24TXLC10SP2
13	24TX810014	Nguyễn Trần Hoàng Phúc	21/12/2002					24TXLC10SP2
14	24TX810015	Lê Tam Quyền	10/08/2000					24TXLC10SP2
15	24TX810019	Nguyễn Đoàn Trung Trục	08/11/2002					24TXLC10SP2
16	24TX810020	Lê Quang Vinh	21/08/1996					24TXLC10SP2
17	24TX810021	Trương Thanh Vui	24/04/2001					24TXLC10SP2
18	24TX810023	Nguyễn Thanh Phước	13/01/2003					24TXLC10SP2
19	24TX810024	Trần Ngô Bảo Quân	02/01/2003					24TXLC10SP2
20	24TX810025	Trần Trọng Tân	16/11/2001					24TXLC10SP2
21	24TX810026	Trần Đức Tùng	12/01/2003					24TXLC10SP2
22	24TX810027	Nguyễn Thanh Tùng	30/10/2000					24TXLC10SP2
23	24TX810029	Nguyễn Tấn Thịnh	01/05/2003					24TXLC10SP2
24	24TX810031	Phạm Đức Trung	29/06/2004					24TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 24 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 3 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132601_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Tự Vượng (0080)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A108

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX642094	Thái Hoàng Lộc	18/03/2003					24TXLC42SP3C
2	24TX842146	Trương Văn Lợi	15/10/1999					24TXLC42SP3L
3	24TX842147	Đỗ Văn Luận	28/12/1997					24TXLC42SP3L
4	24TX642095	Đỗ Ngọc Lý	06/02/1985					24TXLC42SP3C
5	24TX842148	Phạm Công Lý	06/06/2002					24TXLC42SP3L
6	24TX842149	Trần Kiều Minh	11/03/2003					24TXLC42SP3L
7	24TX642086	Trương Đình Phi	25/05/1981					24TXLC42SP3C
8	24TX642087	Trịnh Tuấn Phương	06/07/1997					24TXLC42SP3C
9	24TX842150	Lộ Phú Việt Quang	15/04/2003					24TXLC42SP3L
10	24TX842130	Vũ Hồng Nhật Quang	17/01/2002					24TXLC42SP3L
11	24TX842131	Nguyễn Minh Quân	01/07/2005					24TXLC42SP3L
12	24TX842132	Võ Anh Quân	30/05/2003					24TXLC42SP3L
13	24TX842162	Vũ Minh Sang	03/05/2000					24TXLC42SP3L
14	24TX642088	Trần Văn Sao	15/05/1998					24TXLC42SP3C
15	24TX842163	Quách Văn Sáu	12/09/1986					24TXLC42SP3L
16	24TX842133	Lại Thanh Sơn	09/01/2000					24TXLC42SP3L
17	24TX842151	Nguyễn Quốc Văn Sơn	17/03/2000					24TXLC42SP3L
18	24TX842166	Đậu Văn Thành	01/05/1999					24TXLC42SP3L
19	24TX642077	Huỳnh Trọng Thảo	16/01/1996					24TXLC42SP3C
20	24TX842152	Lê Lý Hoàng Thái	28/08/2002					24TXLC42SP3L
21	24TX842165	Đào Minh Thạch	17/02/1993					24TXLC42SP3L
22	24TX642078	Nguyễn Tấn Thiện	28/05/2002					24TXLC42SP3C
23	24TX842134	Phan Gia Thịnh	22/12/1999					24TXLC42SP3L
24	24TX642089	Bùi Xuân Toàn	20/10/1987					24TXLC42SP3C
25	24TX842167	Lâm Thanh Ngọc Trường	04/01/1999					24TXLC42SP3L
26	24TX642090	Lê Quang Ty	25/11/2001					24TXLC42SP3C

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 3 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132601_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Tự Vượng (0080)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A108

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
27	24TX842168	Võ Thành Vinh	10/02/1995					24TXLC42SP3L

Số S/V Trong Danh Sách: 27 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Lịch sử Đảng CSVN - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT220514_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Mai Hương (6391)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX542001	Lê Đức Anh	04/03/2003					24TXLT42SP2
2	24TX542030	Nguyễn Quyền Anh	30/10/1996					24TXLT42SP3
3	24TX542003	Dương Hữu Biên	12/09/1993					24TXLT42SP2
4	24TX542004	Đỗ Thanh Bình	14/12/2002					24TXLT42SP2
5	24TX542005	Trần Thanh Chung	04/11/2000					24TXLT42SP2
6	24TX542006	Bùi Hoàng Dũng	13/02/1994					24TXLT42SP2
7	24TX542031	Nguyễn Văn Đạt	06/03/1995					24TXLT42SP3
8	24TX542007	Nguyễn Hải Đăng	11/12/1996					24TXLT42SP2
9	24TX542032	Nguyễn Văn Hải	10/02/1994					24TXLT42SP3
10	24TX543001	Trần Thanh Hải	12/12/1971					24TXLT43SP3
11	24TX542033	Nguyễn Thanh Hiếu	06/02/1988					24TXLT42SP3
12	24TX542009	Trần Mộng Hoài	08/05/1999					24TXLT42SP2
13	24TX542034	Đoàn Nguyễn Duy Hòa	12/08/1990					24TXLT42SP3
14	24TX543003	Bùi Quốc Huy	06/06/1992					24TXLT43SP3
15	24TX542023	Hoàng Văn Hưng	07/08/1991					24TXLT42SP2
16	24TX542035	Vũ Đức Khánh	14/09/1995					24TXLT42SP3
17	24TX543005	Nguyễn Đăng Khoa	24/02/1984					24TXLT43SP3
18	24TX543007	Trần Văn Long	29/12/1989					24TXLT43SP3
19	24TX542010	Nguyễn Thái Minh	14/09/1979					24TXLT42SP2
20	24TX542011	Đặng Quốc Nhân	22/06/1999					24TXLT42SP2
21	24TX542014	Nguyễn Đình Phú	14/03/1995					24TXLT42SP2
22	24TX542036	Võ Cao Quốc	20/10/1986					24TXLT42SP3
23	24TX542037	Phạm Đức Sơn	12/10/1981					24TXLT42SP3
24	24TX543013	Hồ Hữu Thành	13/10/1990					24TXLT43SP3
25	24TX542016	Nguyễn Văn Thành	30/01/1999					24TXLT42SP2
26	24TX543014	Tạ Hữu Thiện	10/08/1994					24TXLT43SP3
27	24TX543015	Võ Văn Thuận	01/03/1996					24TXLT43SP3
28	24TX542017	Nguyễn Ngọc Tiến	09/01/1994					24TXLT42SP2
29	24TX543011	Phạm Huy Tín	16/07/1991					24TXLT43SP3
30	24TX542020	Nguyễn Quang Trường	17/01/2004					24TXLT42SP2
31	24TX543012	Lê Văn Tuấn	04/11/1994					24TXLT43SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Lịch sử Đảng CSVN - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **LLCT220514_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Mai Hương (6391)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
32	24TX542038	Đỗ Văn Tú	01/01/1997					24TXLT42SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 32 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 3 - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132601_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Thị Thanh (5024)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX645006	Nguyễn Thị Thúy An	23/02/2003					24TXLC45SP3
2	24TX643053	Phạm Thế By	26/09/2002					24TXLC43SP3
3	24TX643054	Huỳnh Thành Công	24/11/2003					24TXLC43SP3
4	24TX643055	Lê Đặng Mạnh Cường	01/01/1990					24TXLC43SP3
5	24TX843068	Dương Hoàng Duy	17/09/2003					24TXLC43SP3
6	24TX843079	Đoàn Đức Duy	07/09/2005					24TXLC43SP3
7	24TX643056	Ngô Thành Đạt	19/09/2003					24TXLC43SP3
8	24TX643057	Phan Tiến Đạt	13/02/1998					24TXLC43SP3
9	24TX843069	Phạm Tiến Đạt	12/08/2005					24TXLC43SP3
10	24TX843044	Hoàng Mạnh Đức	02/06/2002					24TXLC43COT3
11	24TX845097	Đỗ Nguyễn Hoàng Hải	17/01/1996					24TXLC45SP3
12	24TX843070	Nguyễn Thanh Hải	27/07/1993					24TXLC43SP3
13	25TX642013	Vũ Công Hậu	13/07/2002					25TXLC42SP2C
14	24TX645014	Nguyễn Minh Hiếu	05/12/1998					24TXLC45SP3
15	24TX643037	Nguyễn Trần Trọng Hiếu	13/04/2003					24TXLC43SP3
16	24TX843071	Nguyễn Trọng Hiếu	15/01/1996					24TXLC43SP3
17	24TX843080	Vũ Ngọc Xuân Hồng	25/04/2000					24TXLC43SP3
18	24TX643039	Phạm Nhật Huy	14/04/2003					24TXLC43SP3
19	24TX643038	Trần Quốc Huy	29/10/2003					24TXLC43SP3
20	24TX643047	Đình Vĩnh Hùng	16/07/2001					24TXLC43SP3
21	24TX843045	Nguyễn Văn Hưng	07/04/2001					24TXLC43COT3
22	24TX843046	Võ Thành Hưng	20/03/1999					24TXLC43COT3
23	24TX643040	Nguyễn Thành Hữu	01/02/1989					24TXLC43SP3
24	24TX643041	Nguyễn Thành Khải	09/12/1987					24TXLC43SP3
25	24TX845078	Lê Đăng Khoa	24/09/2000					24TXLC45SP3
26	24TX843047	Lê Nguyễn Anh Khoa	11/03/2002					24TXLC43COT3
27	24TX643042	Phan Nguyễn Minh Khởi	12/02/2003					24TXLC43SP3
28	24TX843072	Bùi Tất Kiên	08/02/1993					24TXLC43SP3
29	24TX845096	Ngô Thanh Trúc Lâm	04/02/2001					24TXLC45SP3
30	24TX643034	Huỳnh Bá Liệp	06/10/1993					24TXLC43COT3
31	24TX845092	Phạm Anh Tuấn	22/08/2001					24TXLC45SP3
32	24TX643046	Phan Văn Tú	27/07/1993					24TXLC43SP3
33	24TX843077	Thạch Vuông	05/10/2003					24TXLC43SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 3 - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132601_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Thị Thanh (5024)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX843078	Huỳnh Văn Vương	18/10/2001					24TXLC43SP3
35	24TX645013	Nguyễn Hoàng Ý	01/01/1994					24TXLC45SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 35 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 3 - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132601_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Thị Thanh (5024)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX845079	Võ Duy Lộc	21/06/1999					24TXLC45SP3
2	24TX843073	Lê Minh	20/11/2003					24TXLC43SP3
3	24TX845080	Lê Nguyễn Minh	21/11/2003					24TXLC45SP3
4	24TX845082	Hồ Bảo Nghĩa	05/10/2003					24TXLC45SP3
5	24TX845081	Nguyễn Trọng Nghĩa	22/08/2000					24TXLC45SP3
6	24TX845083	Lê Hoài Ngọc	06/11/2003					24TXLC45SP3
7	24TX643049	Đình Tuấn Nguyên	30/09/1990					24TXLC43SP3
8	24TX845085	Võ Quang Long Phát	10/05/2001					24TXLC45SP3
9	24TX845087	Lê Nguyễn Hoàng Phong	24/11/2000					24TXLC45SP3
10	24TX845088	Ngô Hồng Phong	20/03/2001					24TXLC45SP3
11	24TX843049	Thái Quang Phúc	23/07/2003					24TXLC43COT3
12	24TX843048	Trần Hoàng Phúc	19/01/2002					24TXLC43COT3
13	24TX845089	Nguyễn Văn Phước	06/06/1998					24TXLC45SP3
14	24TX843082	Tạ Hoàng Quang	14/09/1997					24TXLC43SP3
15	24TX643050	Huỳnh Thanh Quá	24/06/2003					24TXLC43SP3
16	24TX845067	Đỗ Thanh Sang	18/05/2001					24TXLC45COT3
17	24TX645007	Nguyễn Quang Sang	11/05/1983					24TXLC45SP3
18	24TX845090	Ngô Vòng Hồ Phú Sinh	02/08/2003					24TXLC45SP3
19	24TX845091	Nguyễn Ngọc Sơn	24/03/2002					24TXLC45SP3
20	24TX843075	Huỳnh Lâm Sung	18/12/2002					24TXLC43SP3
21	24TX643045	Mai Duy Tâm	14/04/1999					24TXLC43SP3
22	24TX845093	Nguyễn Duy Thành	06/07/2004					24TXLC45SP3
23	24TX645010	Nguyễn Chí Thái	27/01/1998					24TXLC45SP3
24	24TX643052	Tô Chung Thắng	18/09/1996					24TXLC43SP3
25	24TX645011	Hồ Đắc Thuận	20/03/2003					24TXLC45SP3
26	24TX843050	Trần Quốc Toàn	24/02/2002					24TXLC43COT3
27	24TX645008	Nguyễn Võ Quốc Toàn	15/10/2003					24TXLC45SP3
28	24TX845094	Phạm Thanh Triêm	12/10/2003					24TXLC45SP3
29	24TX645012	Trần Đức Trí	25/12/2003					24TXLC45SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 3 - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132601_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Thị Thanh (5024)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
30	24TX842040	Nguyễn Bạch Trọng	10/04/2000					24TXLC42SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 30 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 3 - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132601_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Tự Vượng (0080)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842079	Phạm Ngọc Chung	16/01/2001					24TXLC42COT3
2	24TX842081	Nguyễn Công Hải	03/04/2001					24TXLC42COT3
3	24TX842082	Nguyễn Tuấn Kiệt	23/12/2003					24TXLC42COT3
4	24TX842084	Lê Thanh Nam	14/08/2000					24TXLC42COT3
5	24TX842086	Ngô Công Thắng	15/12/2001					24TXLC42COT3
6	24TX842169	Nguyễn Tinh	21/08/1998					24TXLC42COT3

Số S/V Trong Danh Sách: 6 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Máy và hệ thống điều khiển số - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MTNC330925_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Thái Văn Phước (0689)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX643001	Trần Kim Anh	02/06/1997					24TXLC43SP2C
2	24TX643002	Cao Văn Cui	25/09/1992					24TXLC43SP2C
3	24TX643003	Trịnh Văn Cường	13/11/1997					24TXLC43SP2C
4	24TX643026	Nguyễn Quang Đăng	19/10/1997					24TXLC43SP2C
5	24TX643004	Nguyễn Văn Đạo	07/04/1994					24TXLC43SP2C
6	24TX843002	Nguyễn Hải Đăng	27/12/2001					24TXLC43SP2L
7	24TX843006	Nguyễn Bá Giang	22/07/2002					24TXLC43SP2L
8	24TX843005	Phan Trường Giang	30/03/2000					24TXLC43SP2L
9	24TX643006	Nguyễn Tấn Hiếu	15/10/1994					24TXLC43SP2C
10	24TX843026	Mai Chân Hoàng	22/06/2000					24TXLC43SP2L
11	24TX843007	Nguyễn Quốc Hoàng	05/09/2001					24TXLC43SP2L
12	24TX843008	Phan Hùng Huy Hoàng	08/11/1999					24TXLC43SP2L
13	24TX643007	Phạm Minh Hòa	09/05/1993					24TXLC43SP2C
14	24TX643018	Trương Diệp Huyền	05/10/1997					24TXLC43SP2C
15	24TX843027	Mai Văn Hùng	18/03/2000					24TXLC43SP2L
16	24TX843009	Nguyễn Trung Phước Hưng	11/06/1997					24TXLC43SP2L
17	24TX843010	Trần Duy Khang	04/03/2001					24TXLC43SP2L
18	24TX643011	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/08/1998					24TXLC43SP2C
19	24TX843011	Nguyễn Vũ Hoàng Long	25/02/2001					24TXLC43SP2L
20	24TX643012	Đỗ Lê Minh	11/04/2000					24TXLC43SP2C
21	24TX643013	Nguyễn Đức Minh	01/05/2001					24TXLC43SP2C
22	24TX843012	Tăng Hoàng Minh	10/01/2000					24TXLC43SP2L
23	24TX643014	Trần Văn Nam	12/09/1996					24TXLC43SP2C
24	24TX843014	Bùi Thị Kim Ngân	04/05/2001					24TXLC43SP2L
25	24TX843015	Lý Trọng Nghĩa	16/08/2003					24TXLC43SP2L
26	24TX843016	Phạm Văn Nguyên	20/02/1999					24TXLC43SP2L
27	24TX843017	Trần Minh Phi	06/03/1999					24TXLC43SP2L
28	24TX643016	Nguyễn Vinh Sang	25/07/1992					24TXLC43SP2C
29	24TX843019	Đoàn Nguyễn Bá Sơn	15/09/1999					24TXLC43SP2L
30	24TX643019	Đào Duy Thái	16/07/2002					24TXLC43SP2C
31	24TX643020	Trần Văn Tiền	28/07/1999					24TXLC43SP2C
32	24TX643021	Nguyễn Hoàng Thanh Toàn	20/02/1987					24TXLC43SP2C
33	24TX843028	Nguyễn Chí Trung	26/10/1999					24TXLC43SP2L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Máy và hệ thống điều khiển số - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MTNC330925_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Thái Văn Phước (0689)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX643023	Đỗ Lam Trường	14/06/1998					24TXLC43SP2C
35	24TX843022	Lý Văn Quốc Tuấn	01/12/2001					24TXLC43SP2L
36	24TX643025	Bùi Thanh Tuyền	27/02/1995					24TXLC43SP2C
37	24TX643024	Phan Thanh Tú	15/10/2000					24TXLC43SP2C
38	24TX843023	Nguyễn Quốc Việt	22/05/2003					24TXLC43SP2L
39	24TX843024	Lê Công Vũ	09/02/2003					24TXLC43SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 39 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 3 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132601_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Tự Vượng (0080)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842135	Nguyễn Thành An	31/08/2000					24TXLC42SP3L
2	24TX842136	Trần Hoài Ân	17/04/2003					24TXLC42SP3L
3	24TX842126	Bùi Thái Bảo	12/01/2002					24TXLC42SP3L
4	24TX642079	Hồ Năng Bảo	24/06/2000					24TXLC42SP3C
5	24TX842127	Trần Văn Cảnh	15/01/1995					24TXLC42SP3L
6	24TX642070	Nguyễn Mạnh Cường	05/12/1995					24TXLC42SP3C
7	24TX642072	Nguyễn Bảo Duy	04/12/2000					24TXLC42SP3C
8	24TX642081	Đinh Hoài Dương	12/07/2001					24TXLC42SP3C
9	24TX642080	Phạm Minh Dương	11/06/2000					24TXLC42SP3C
10	24TX842138	Đỗ Đại Đồng	18/09/2003					24TXLC42SP3L
11	24TX842155	Hoàng Minh Đức	20/12/2003					24TXLC42SP3L
12	24TX642082	Hoàng Trường Giang	04/04/2003					24TXLC42SP3C
13	24TX842139	Nguyễn Văn Giáp	08/07/1998					24TXLC42SP3L
14	24TX842141	Nguyễn Châu Đình Hiếu	10/02/1998					24TXLC42SP3L
15	24TX842140	Vũ Minh Hiếu	22/02/2004					24TXLC42SP3L
16	24TX642092	Nguyễn Thái Hoàng	21/06/1996					24TXLC42SP3C
17	24TX642083	Nguyễn Việt Hòa	15/09/1995					24TXLC42SP3C
18	24TX642091	Nguyễn Anh Huy	28/11/1993					24TXLC42SP3C
19	24TX842142	Phan Gia Huy	12/12/2001					24TXLC42SP3L
20	24TX842156	Trần Lữ Gia Huy	05/03/2005					24TXLC42SP3L
21	24TX842143	Võ Quốc Huy	05/12/2000					24TXLC42SP3L
22	24TX842158	Hà Nguyễn Minh Hùng	16/04/2002					24TXLC42SP3L
23	24TX642074	Trần Hoàng Kha	05/02/1996					24TXLC42SP3C
24	24TX642075	Nguyễn Tuấn Khang	25/03/1996					24TXLC42SP3C
25	24TX842160	Trịnh Đức Khanh	27/11/1987					24TXLC42SP3L
26	24TX842161	Lê Văn Khánh	03/05/1987					24TXLC42SP3L
27	24TX642076	Nguyễn Trần Đăng Khoa	03/12/1999					24TXLC42SP3C
28	24TX842128	Đào Trung Kiên	18/06/1992					24TXLC42SP3L
29	24TX842159	Dương Tuấn Kiệt	10/05/2003					24TXLC42SP3L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 3 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132601_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Tự Vượng (0080)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
30	24TX842129	Quách Văn Kỳ	24/10/2002					24TXLC42SP3L

Số S/V Trong Danh Sách: 30 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Điện tử công suất - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **POEL330262_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Minh Khai (0604)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TXA42038	Lê Thụy Hồng Công	04/06/1990					24TXLD42SP3
2	24TX642002	Trần Chí Công	22/06/2002					24TXLC42SP2C
3	24TX642003	Phạm Đình Cương	01/01/1991					24TXLC42SP2C
4	24TX642004	Nguyễn Thanh Danh	01/02/1997					24TXLC42SP2C
5	24TX642005	Võ Trần Duy Danh	08/04/2002					24TXLC42SP2C
6	24TXA42044	Phan Trí Dũng	08/09/1996					24TXLD42SP3
7	24TXA42043	Nguyễn Khánh Dương	05/02/1993					24TXLD42SP3
8	24TX642006	Lê Quang Đạo	17/02/1998					24TXLC42SP2C
9	24TXA42025	Nguyễn Hồng Đức	27/11/2000					24TXLD42SP3
10	24TX642007	Nguyễn Minh Đức	26/05/2001					24TXLC42SP2C
11	24TXA42039	Nguyễn Thành Đức	16/01/1972					24TXLD42SP3
12	24TX642008	Nguyễn Hoàng Hải	08/10/2001					24TXLC42SP2C
13	24TXA42040	Trần Văn Hạt	17/03/1993					24TXLD42SP3
14	24TX642010	Đỗ Thanh Hoàng	08/09/2001					24TXLC42SP2C
15	24TX642014	Phan Nguyễn Gia Huy	02/12/1998					24TXLC42SP2C
16	24TX642011	Nguyễn Thái Thanh Hùng	03/08/1993					24TXLC42SP2C
17	24TX642012	Nguyễn Trọng Hữu	21/11/2001					24TXLC42SP2C
18	24TX642015	Trần Hữu Khang	21/08/2000					24TXLC42SP2C
19	24TXA42026	Phạm Thúy Văn Khanh	06/01/1998					24TXLD42SP3
20	24TX642016	Lê Sanh Đăng Khoa	18/01/2002					24TXLC42SP2C
21	24TX642017	Đỗ Hoàng Khôi	27/09/2002					24TXLC42SP2C
22	24TX642018	Phạm Văn Khôi	31/08/2001					24TXLC42SP2C
23	24TX642021	Đặng Văn Lanh	06/09/1990					24TXLC42SP2C
24	24TX642019	Dương Trí Tùng Lâm	25/11/1999					24TXLC42SP2C
25	24TX642020	Phan Tường Lân	15/06/1997					24TXLC42SP2C
26	24TXA42027	Nguyễn Chí Linh	11/10/1992					24TXLD42SP3
27	24TX642023	Võ Việt Luân	27/06/1992					24TXLC42SP2C
28	24TX642022	Huỳnh Minh Luận	17/10/2001					24TXLC42SP2C
29	24TX642024	Trần Công Minh	25/08/1998					24TXLC42SP2C
30	24TX642046	Hồ Trọng Nhân	03/10/2002					24TXLC42SP2C
31	24TX642026	Nguyễn Minh Nhựt	11/11/1998					24TXLC42SP2C
32	24TXA42031	Lâm Tấn Phát	22/05/1997					24TXLD42SP3
33	24TXA42030	Lê Hồ Tấn Phát	28/02/1993					24TXLD42SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Điện tử công suất - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **POEL330262_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Minh Khai (0604)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX642027	Lương Đại Phát	19/10/2001					24TXLC42SP2C
35	24TX642028	Lâm Quốc Phong	30/08/1998					24TXLC42SP2C
36	24TX642029	Lê Huỳnh Phúc	16/08/2000					24TXLC42SP2C
37	24TX642030	Nguyễn Lê Quý	18/07/1997					24TXLC42SP2C
38	24TX642031	Nguyễn Hoàng Sang	28/08/1999					24TXLC42SP2C
39	24TXA42033	Trần Văn Sơn	10/06/1993					24TXLD42SP3
40	24TXA42034	Huỳnh Võ Tuấn Tài	22/04/2002					24TXLD42SP3
41	24TX642032	Nguyễn Huỳnh Thành Tài	15/08/1999					24TXLC42SP2C
42	24TX642034	Đặng Văn Thành	16/09/1993					24TXLC42SP2C
43	24TXA42041	Võ Ngọc Thắng	10/02/1999					24TXLD42SP3
44	24TX642035	Lê Nguyễn Hữu Thiện	26/04/2002					24TXLC42SP2C
45	24TX642038	Doãn Triết Trí	24/05/2000					24TXLC42SP2C
46	24TX642039	Nguyễn Đức Trọng	29/09/1997					24TXLC42SP2C
47	24TX642041	Đoàn Thanh Trung	14/04/1995					24TXLC42SP2C
48	24TX642040	Đoàn Thái Trung	16/07/1997					24TXLC42SP2C
49	24TXA42042	Nguyễn Cao Trung	16/09/1995					24TXLD42SP3
50	24TX642050	Phan Thanh Tuấn	08/01/1999					24TXLC42SP2C
51	24TX642051	Trần Hoàng Tú	02/02/1994					24TXLC42SP2C
52	24TX642044	Nguyễn Văn Xuyên	28/12/1997					24TXLC42SP2C

Số S/V Trong Danh Sách: 52 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Tối ưu hóa - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MAOP230706_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Hữu Tâm (9012)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TXA24005	Vũ Thế Đức	03/05/1992					24TXLD24SP3
2	24TXA24006	Trần Trung Hậu	19/09/1998					24TXLD24SP3
3	24TXA24007	Nguyễn Văn Huân	28/02/1997					24TXLD24SP3
4	24TXA24008	Nguyễn Thanh Minh	24/07/1993					24TXLD24SP3
5	24TXA24009	Đặng Lê Nam	16/09/1993					24TXLD24SP3
6	24TXA24010	Huỳnh Thảo Ngân	07/12/1996					24TXLD24SP3
7	24TXA24011	Nguyễn Trần Hữu Nguyên	20/10/2001					24TXLD24SP3
8	24TXA24012	Lê Văn Phúc	21/02/1986					24TXLD24SP3
9	24TXA24013	Trần Anh Quốc	05/07/1989					24TXLD24SP3
10	24TXA24014	Huỳnh Công Tân	10/08/2000					24TXLD24SP3
11	24TXA24016	Nguyễn Đức Thuận	27/05/1984					24TXLD24SP3
12	24TXA24017	Chế Quang Triều	05/11/1994					24TXLD24SP3
13	24TXA24019	Nguyễn Phi Vương	19/01/1997					24TXLD24SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 13 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Năng lượng tái tạo (phần điện) - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **RENE346745_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Võ Hồng Nghi (6528)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TXA42022	Ngô Phương Đào	04/04/1985					24TXLD42SP2
2	24TXA42003	Trương Thái Hoàng	08/08/1998					24TXLD42SP2
3	24TXA42005	Nguyễn Văn Linh	22/08/1989					24TXLD42SP2
4	24TXA42006	Nguyễn Đình Long	04/09/1994					24TXLD42SP2
5	24TXA42007	Nguyễn Hữu Long	19/04/1999					24TXLD42SP2
6	24TXA42009	Trương Vũ Khôi Nguyên	04/09/1995					24TXLD42SP2
7	24TXA42011	Võ Minh Quang	17/05/1998					24TXLD42SP2
8	24TXA42014	Phan Châu Thành	24/03/2000					24TXLD42SP2
9	24TXA42012	Lâm Hoàng Thạch	06/02/1987					24TXLD42SP2
10	24TXA42018	Nguyễn Duy Trinh	04/08/1997					24TXLD42SP2
11	24TXA42020	Trần Anh Tuyên	27/03/1993					24TXLD42SP2
12	24TXA42019	Trịnh Quốc Tường	22/05/1996					24TXLD42SP2
13	24TXA42021	Bùi Thị Nhã Viên	19/03/1999					24TXLD42SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 13 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Tin học trong kỹ thuật - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **COPR134529_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Thanh Tùng (0256)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX804001	Nguyễn Hoàng Ân	24/01/2003					25TXLC04SP2
2	25TX804002	Trần Nhật Bảo	24/06/2000					25TXLC04SP2
3	25TX804042	Đặng Chung	19/02/2003					25TXLC04SP2
4	25TX604001	Bùi Kiên Cường	02/10/1993					25TXLC04SP2
5	25TX804004	Đặng Thanh Duy	17/08/1998					25TXLC04SP2
6	25TX804005	Trần Hoàng Duy	21/07/1999					25TXLC04SP2
7	25TX804006	Trần Quốc Duy	20/08/1986					25TXLC04SP2
8	25TX604002	Phạm Tiến Dũng	20/05/1997					25TXLC04SP2
9	25TX804040	Nguyễn Tú Đình	12/08/1994					25TXLC04SP2
10	25TX804007	Hầu Ngọc Hải	01/03/2003					25TXLC04SP2
11	25TX804008	Trần Thiện Hải	01/11/1986					25TXLC04SP2
12	25TX804010	Lê Thị Thu Hằng	22/02/2003					25TXLC04SP2
13	25TX804009	Nguyễn Thái Hân	01/01/2001					25TXLC04SP2
14	25TX604003	Phạm Văn Hân	06/06/1990					25TXLC04SP2
15	25TX804011	Nguyễn Duy Khang	17/02/2002					25TXLC04SP2
16	25TX804012	Phạm Hoàng Linh	28/03/2003					25TXLC04SP2
17	25TX804013	Đặng Quốc Long	25/09/2003					25TXLC04SP2
18	25TX804014	Huỳnh Vũ Luân	02/09/2000					25TXLC04SP2
19	25TX804015	Danh Thị Hồng Mai	17/05/2002					25TXLC04SP2
20	25TX804016	Lê Vũ Minh	11/01/1999					25TXLC04SP2
21	25TX604004	Lê Văn Mười	02/02/1979					25TXLC04SP2
22	25TX804017	Hoàng Thành Nam	17/11/2004					25TXLC04SP2
23	25TX804018	Võ Phạm Ngọc Ngân	23/08/2002					25TXLC04SP2
24	25TX804019	Lê Trọng Nghĩa	21/02/1996					25TXLC04SP2
25	25TX804020	Nguyễn Trọng Nhân	20/01/2001					25TXLC04SP2
26	25TX804021	Trần Thị Trúc Nhi	04/02/2003					25TXLC04SP2
27	25TX804022	Nguyễn Thị Yến Như	01/06/2003					25TXLC04SP2
28	25TX804023	Lê Hoàng Phát	16/12/2001					25TXLC04SP2
29	25TX604005	Trần Đăng Phú	10/04/1994					25TXLC04SP2
30	25TX804024	Đào Thị Phúc	12/02/2003					25TXLC04SP2
31	25TX604006	Nguyễn Đoàn Hoàng Phúc	03/05/2003					25TXLC04SP2
32	25TX804025	Nguyễn Lê Hồng Phượng	02/06/2002					25TXLC04SP2
33	25TX804026	Trần Quốc Qui	02/02/1998					25TXLC04SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Tin học trong kỹ thuật - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **COPR134529_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Thanh Tùng (0256)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX604007	Trần Minh Thành	17/02/1995					25TXLC04SP2
35	25TX804029	Trịnh Việt Thành	02/07/2005					25TXLC04SP2
36	25TX804028	Nguyễn Đỗ Việt Thắng	13/10/2003					25TXLC04SP2
37	25TX804031	Võ Nguyễn Bảo Thy	03/09/2003					25TXLC04SP2
38	25TX804032	Nguyễn Trọng Trí	31/12/1996					25TXLC04SP2
39	25TX804034	Đặng Văn Trung	02/09/1994					25TXLC04SP2
40	25TX804033	Lương Nguyễn Minh Trung	27/12/2003					25TXLC04SP2
41	25TX804035	Phạm Trọng Trường	10/06/1999					25TXLC04SP2
42	25TX804036	Trần Văn Tuấn	25/05/2001					25TXLC04SP2
43	25TX804037	Chu Thị Tuyền	28/12/1991					25TXLC04SP2
44	25TX804041	Khương Duy Tùng	21/03/1994					25TXLC04SP2
45	25TX804038	Nguyễn Thị Linh Vi	28/11/2003					25TXLC04SP2
46	25TX604008	Huỳnh Quốc Vương	30/03/1999					25TXLC04SP2
47	25TX804039	Nguyễn Thùy Thanh Vy	27/12/2003					25TXLC04SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 47 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Hệ thống nhúng - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ESYS431080_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Gia Phước (6527)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 10/01/2026 Phòng thi: A5-203

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX610008	Đặng Tấn Đạt	06/02/1994					24TXLC10SP3
2	24TX610009	Trịnh Hận	15/09/1991					24TXLC10SP3
3	24TX610010	Nguyễn Thanh Huy	17/04/2002					24TXLC10SP3
4	24TX610011	Phạm Duy Phước	13/12/1997					24TXLC10SP3
5	24TX610012	Lê Nguyễn Minh Quân	03/03/1993					24TXLC10SP3
6	24TX610013	Bá Hoài Sơn	20/11/1997					24TXLC10SP3
7	24TX610014	Lê Minh Tài	23/11/2003					24TXLC10SP3
8	24TX810056	Lê Sỹ Tuấn Anh	10/02/1999					24TXLC10SP3
9	24TX810057	Nguyễn Quốc Bảo	26/07/2001					24TXLC10SP3
10	24TX810059	Nguyễn Trung Hiếu	30/12/1996					24TXLC10SP3
11	24TX810060	Bùi Chí Hiếu	12/10/1999					24TXLC10SP3
12	24TX810061	Nguyễn Phát Khang	11/07/2000					24TXLC10SP3
13	24TX810062	Vũ Khanh	08/08/2004					24TXLC10SP3
14	24TX810063	Vương Hoàng Khôi	15/12/2005					24TXLC10SP3
15	24TX810064	Nguyễn Thị Diễm My	03/12/2001					24TXLC10SP3
16	24TX810065	Bùi Thu Thanh	19/03/2003					24TXLC10SP3
17	24TX810068	Tạ Đặng Anh Dương	11/01/2001					24TXLC10SP3
18	24TX810069	Nguyễn Quang Minh	28/02/2002					24TXLC10SP3
19	24TX810070	Nguyễn Tiến Thành	22/07/2002					24TXLC10SP3
20	24TX810071	Nguyễn Ngọc Thiện	26/01/2001					24TXLC10SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 20 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Bảo trì và bảo dưỡng công nghiệp - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **IMAS320525_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Công Bình (0780)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX845034	Lê Thành Phước	27/12/2003					24TXLC45SP2
2	24TX845035	Nguyễn Hoài Duy Phước	23/01/1998					24TXLC45SP2
3	24TX845036	Nguyễn Trung Quốc	25/10/1999					24TXLC45SP2
4	24TX845038	Nguyễn Minh Sang	08/05/2002					24TXLC45SP2
5	24TX645004	Nguyễn Văn Tài	10/07/2002					24TXLC45SP2
6	24TX845039	Hồ Chí Tâm	13/01/2000					24TXLC45SP2
7	24TX845040	Trần Đức Tâm	25/04/1988					24TXLC45SP2
8	24TX845041	Lê Hoàng Tân	28/02/2004					24TXLC45SP2
9	24TX845043	Nguyễn Hoài Thanh	01/06/2003					24TXLC45SP2
10	24TX845042	Nguyễn Thị Phương Thanh	11/01/2003					24TXLC45SP2
11	24TX845044	Trương Hữu Thảo	22/04/1999					24TXLC45SP2
12	24TX845045	Nguyễn Công Thuận	17/04/2002					24TXLC45SP2
13	24TX845046	Nguyễn Minh Thuận	18/02/2002					24TXLC45SP2
14	24TX845048	Lê Trung Tính	06/11/2003					24TXLC45SP2
15	24TX845049	Lê Phước Toàn	13/07/1990					24TXLC45SP2
16	24TX845051	Hồ Văn Triển	14/01/2001					24TXLC45SP2
17	24TX845050	Lưu Minh Trí	11/03/2003					24TXLC45SP2
18	24TX845053	Nguyễn Đan Trường	23/06/2002					24TXLC45SP2
19	24TX845064	Lưu Việt Tùng	24/06/2001					24TXLC45SP2
20	24TX845057	Trần Hoàng Vũ	15/10/2003					24TXLC45SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 20 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Ngôn ngữ lập trình C - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **CPRL130064_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Văn Phúc (0206)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TXA42001	Lê Trường Bình	24/05/1995					25TXLD42SP2
2	25TXA42002	Trần Viết Cường	04/10/1997					25TXLD42SP2
3	25TXA42005	Lê Dương Nhật Duy	05/04/1996					25TXLD42SP2
4	25TXA42003	Đặng Thanh Điền	22/11/1981					25TXLD42SP2
5	25TXA42004	Phạm Trung Đức	05/01/2000					25TXLD42SP2
6	25TXA42006	Đặng Minh Huy	14/04/2001					25TXLD42SP2
7	25TXA42007	Nguyễn Ngọc Đồng Khánh	31/07/1997					25TXLD42SP2
8	25TXA42008	Nguyễn Phấn Khởi	06/03/1992					25TXLD42SP2
9	25TXA42009	Trần Trung Kiên	29/08/1994					25TXLD42SP2
10	25TXA42011	Nguyễn Hữu Mẫn	03/01/1997					25TXLD42SP2
11	25TXA42012	Nguyễn Nhật Minh	17/07/1996					25TXLD42SP2
12	25TXA42013	Trịnh Công Anh Minh	10/09/1991					25TXLD42SP2
13	25TXA42016	Trần Văn Phương	01/07/1985					25TXLD42SP2
14	25TXA42017	Trần Ngọc Quyền	22/06/2001					25TXLD42SP2
15	25TXA42018	Ôn Thanh Thông	03/06/1978					25TXLD42SP2
16	25TXA42019	Đỗ Cao Trí	06/06/1994					25TXLD42SP2
17	25TXA42021	Đỗ Trương Trọng Tuấn	04/04/1996					25TXLD42SP2
18	25TXA42020	Nguyễn Thanh Tú	08/08/1998					25TXLD42SP2
19	25TXA42022	Hồ Phương Vũ	14/05/1987					25TXLD42SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 19 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kế toán chi phí - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **COAC331607_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Thị Mỹ Nương (6121)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX825002	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	02/05/1992					24TXLC25SP2
2	24TX825003	Ngô Lê Thanh Duy	23/03/1991					24TXLC25SP2
3	24TX825006	Phạm Thị Hồng Liên	24/07/1998					24TXLC25SP2
4	24TX825008	Nguyễn Ngọc Trúc Ngân	18/11/2002					24TXLC25SP2
5	24TX825011	Nguyễn Hoàng Phong	21/05/2002					24TXLC25SP2
6	24TX825014	Phan Thị Thuận	25/04/1984					24TXLC25SP2
7	24TX825015	Nguyễn Thị Nhật Thường	09/08/2000					24TXLC25SP2
8	24TX825016	Đinh Thị Trang	10/09/2002					24TXLC25SP2
9	24TX825018	Hoàng Thị Thùy Trang	01/09/2002					24TXLC25SP2
10	24TX825017	Trần Thị Phương Trang	28/08/1991					24TXLC25SP2
11	24TX825013	Đào Thị Tuyết	12/09/2003					24TXLC25SP2
12	24TX825019	Trần Thị Ngọc Yến	17/09/2001					24TXLC25SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 12 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kinh tế học - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ECON240206_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Huỳnh Thị Cẩm Tú (9313)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX825033	Nguyễn Thị Minh Anh	02/10/2003					24TXLC25SP3
2	24TX825036	Võ Phước Hiền	15/05/1996					24TXLC25SP3
3	24TX825031	Nguyễn Thị Tuyết Kha	22/05/2001					24TXLC25SP3
4	24TX825035	Lê Thị Lan	16/07/2001					24TXLC25SP3
5	24TX825034	Võ Thị Lại	08/11/1993					24TXLC25SP3
6	24TX825030	Lê Thị Thanh Lành	06/12/1992					24TXLC25SP3
7	24TX825029	Phạm Thị Mỹ Nhạn	17/07/2003					24TXLC25SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 7 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Mạch điện tử 2 - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELEC330362_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Hoàng Minh (2203)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842079	Phạm Ngọc Chung	16/01/2001					24TXLC42COT3
2	24TXA42038	Lê Thụy Hồng Công	04/06/1990					24TXLD42SP3
3	24TXA42044	Phan Trí Dũng	08/09/1996					24TXLD42SP3
4	24TXA42043	Nguyễn Khánh Dương	05/02/1993					24TXLD42SP3
5	24TXA42025	Nguyễn Hồng Đức	27/11/2000					24TXLD42SP3
6	24TXA42039	Nguyễn Thành Đức	16/01/1972					24TXLD42SP3
7	24TX842081	Nguyễn Công Hải	03/04/2001					24TXLC42COT3
8	24TXA42040	Trần Văn Hạt	17/03/1993					24TXLD42SP3
9	24TXA42026	Phạm Thúy Văn Khanh	06/01/1998					24TXLD42SP3
10	24TX842082	Nguyễn Tuấn Kiệt	23/12/2003					24TXLC42COT3
11	24TXA42027	Nguyễn Chí Linh	11/10/1992					24TXLD42SP3
12	24TX842084	Lê Thanh Nam	14/08/2000					24TXLC42COT3
13	24TXA42031	Lâm Tấn Phát	22/05/1997					24TXLD42SP3
14	24TXA42030	Lê Hồ Tấn Phát	28/02/1993					24TXLD42SP3
15	24TXA42033	Trần Văn Sơn	10/06/1993					24TXLD42SP3
16	24TXA42034	Huỳnh Võ Tuấn Tài	22/04/2002					24TXLD42SP3
17	24TX842086	Ngô Công Thắng	15/12/2001					24TXLC42COT3
18	24TXA42041	Võ Ngọc Thắng	10/02/1999					24TXLD42SP3
19	24TX842169	Nguyễn Tinh	21/08/1998					24TXLC42COT3
20	24TXA42042	Nguyễn Cao Trung	16/09/1995					24TXLD42SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 20 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Bảo trì và bảo dưỡng công nghiệp - 02 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **IMAS320525_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Công Bình (0780)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX643001	Trần Kim Anh	02/06/1997					24TXLC43SP2C
2	24TX643002	Cao Văn Cui	25/09/1992					24TXLC43SP2C
3	24TX643003	Trịnh Văn Cường	13/11/1997					24TXLC43SP2C
4	24TX643026	Nguyễn Quang Đăng	19/10/1997					24TXLC43SP2C
5	24TX643004	Nguyễn Văn Đạo	07/04/1994					24TXLC43SP2C
6	24TX843002	Nguyễn Hải Đăng	27/12/2001					24TXLC43SP2L
7	24TX843006	Nguyễn Bá Giang	22/07/2002					24TXLC43SP2L
8	24TX843005	Phan Trường Giang	30/03/2000					24TXLC43SP2L
9	24TX643006	Nguyễn Tấn Hiếu	15/10/1994					24TXLC43SP2C
10	24TX843026	Mai Chân Hoàng	22/06/2000					24TXLC43SP2L
11	24TX843007	Nguyễn Quốc Hoàng	05/09/2001					24TXLC43SP2L
12	24TX843008	Phan Hùng Huy Hoàng	08/11/1999					24TXLC43SP2L
13	24TX643007	Phạm Minh Hòa	09/05/1993					24TXLC43SP2C
14	24TX643018	Trương Diệp Huyền	05/10/1997					24TXLC43SP2C
15	24TX843027	Mai Văn Hùng	18/03/2000					24TXLC43SP2L
16	24TX843009	Nguyễn Trung Phước Hưng	11/06/1997					24TXLC43SP2L
17	24TX843010	Trần Duy Khang	04/03/2001					24TXLC43SP2L
18	24TX643011	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/08/1998					24TXLC43SP2C
19	24TX843011	Nguyễn Vũ Hoàng Long	25/02/2001					24TXLC43SP2L
20	24TX643012	Đỗ Lê Minh	11/04/2000					24TXLC43SP2C
21	24TX643013	Nguyễn Đức Minh	01/05/2001					24TXLC43SP2C
22	24TX843012	Tăng Hoàng Minh	10/01/2000					24TXLC43SP2L
23	24TX643014	Trần Văn Nam	12/09/1996					24TXLC43SP2C
24	24TX843014	Bùi Thị Kim Ngân	04/05/2001					24TXLC43SP2L
25	24TX843015	Lý Trọng Nghĩa	16/08/2003					24TXLC43SP2L
26	24TX843016	Phạm Văn Nguyên	20/02/1999					24TXLC43SP2L
27	24TX843017	Trần Minh Phi	06/03/1999					24TXLC43SP2L
28	24TX643016	Nguyễn Vinh Sang	25/07/1992					24TXLC43SP2C
29	24TX843019	Đoàn Nguyễn Bá Sơn	15/09/1999					24TXLC43SP2L
30	24TX643019	Đào Duy Thái	16/07/2002					24TXLC43SP2C
31	24TX643020	Trần Văn Tiền	28/07/1999					24TXLC43SP2C
32	24TX643021	Nguyễn Hoàng Thanh Toàn	20/02/1987					24TXLC43SP2C
33	24TX843028	Nguyễn Chí Trung	26/10/1999					24TXLC43SP2L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Bảo trì và bảo dưỡng công nghiệp - 02 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **IMAS320525_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Công Bình (0780)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX643023	Đỗ Lam Trường	14/06/1998					24TXLC43SP2C
35	24TX843022	Lý Văn Quốc Tuấn	01/12/2001					24TXLC43SP2L
36	24TX643025	Bùi Thanh Tuyền	27/02/1995					24TXLC43SP2C
37	24TX643024	Phan Thanh Tú	15/10/2000					24TXLC43SP2C
38	24TX843023	Nguyễn Quốc Việt	22/05/2003					24TXLC43SP2L
39	24TX843024	Lê Công Vũ	09/02/2003					24TXLC43SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 39 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Chính sách thuế - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **TAPO330407_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Thu Hồng (0501)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX825001	Nguyễn Thị Diễm	02/10/1991					25TXLC25SP2
2	25TX825002	Lê Mỹ Duyên	04/07/1998					25TXLC25SP2
3	25TX825003	Trương Diệp Thúy	10/01/2001					25TXLC25SP2
4	25TX825004	Nguyễn Duy Khang	26/07/1998					25TXLC25SP2
5	25TX825006	Mai Thị Loan	11/06/1999					25TXLC25SP2
6	25TX825005	Nguyễn Thị Thanh	30/05/2003					25TXLC25SP2
7	25TX825007	Lê Thị Cẩm Ly	06/04/2004					25TXLC25SP2
8	25TX825008	Bùi Đình Mạnh	26/08/2000					25TXLC25SP2
9	25TX825010	Trần Nguyễn Kim Ngọc	30/09/2003					25TXLC25SP2
10	25TX825011	Đặng Thị Thu Nguyệt	01/04/2002					25TXLC25SP2
11	25TX825012	Phạm Tú Nhi	04/11/1991					25TXLC25SP2
12	25TX825013	Hoàng Thị Hương Sen	16/11/1996					25TXLC25SP2
13	25TX825014	Huỳnh Thị Thu Thanh	24/02/1994					25TXLC25SP2
14	25TX825015	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/10/1999					25TXLC25SP2
15	25TX825017	Hoàng Thị Thu Trân	15/01/1991					25TXLC25SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 15 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kỹ thuật điện - điện tử - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **EEEN234062_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đào Văn Phụng (5025)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX845018	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	13/10/2003					25TXLC45SP2
2	25TX845001	Phan Huy Cường	09/05/1985					25TXLC45SP2
3	25TX845019	Nguyễn Ngọc Đà	15/04/2003					25TXLC45SP2
4	25TX845002	Nguyễn Trung Hậu	05/09/1999					25TXLC45SP2
5	24TX645014	Nguyễn Minh Hiếu	05/12/1998					24TXLC45SP3
6	25TX845003	Trần Minh Hiếu	12/06/2004					25TXLC45SP2
7	25TX845005	Huỳnh Nhật Khánh	01/12/2001					25TXLC45SP2
8	25TX845006	Trần Duy Khánh	12/10/2002					25TXLC45SP2
9	25TX845007	Lê Văn Lâm	22/08/2001					25TXLC45SP2
10	25TX845008	Nguyễn Văn Lộc	05/02/2004					25TXLC45SP2
11	25TX845009	Phan Chí Phương	22/07/2003					25TXLC45SP2
12	25TX845010	Nguyễn Văn Quân	10/01/2002					25TXLC45SP2
13	25TX845011	Huỳnh Đức Sơn	24/09/2002					25TXLC45SP2
14	25TX645001	Trần Võ Nhật Thăng	09/01/2003					25TXLC45SP2
15	25TX645002	Lê Trần Trí Tín	01/11/1996					25TXLC45SP2
16	25TX845021	Trần Văn Toàn	25/02/2002					25TXLC45SP2
17	25TX845014	Nguyễn Hữu Trọng	18/09/2002					25TXLC45SP2
18	25TX845016	Đình Minh Tuấn	19/07/2003					25TXLC45SP2
19	25TX845022	Nguyễn Thanh Tú	16/11/2002					25TXLC45SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 19 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Mạch điện tử 2 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELEC330362_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trương Thị Bích Nga (1180)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842135	Nguyễn Thành An	31/08/2000					24TXLC42SP3L
2	24TX542001	Lê Đức Anh	04/03/2003					24TXLT42SP2
3	24TX842136	Trần Hoài Ân	17/04/2003					24TXLC42SP3L
4	24TX842126	Bùi Thái Bảo	12/01/2002					24TXLC42SP3L
5	24TX642079	Hồ Năng Bảo	24/06/2000					24TXLC42SP3C
6	24TX542003	Dương Hữu Biên	12/09/1993					24TXLT42SP2
7	24TX542004	Đỗ Thanh Bình	14/12/2002					24TXLT42SP2
8	24TX842127	Trần Văn Cảnh	15/01/1995					24TXLC42SP3L
9	24TX542005	Trần Thanh Chung	04/11/2000					24TXLT42SP2
10	24TX642070	Nguyễn Mạnh Cường	05/12/1995					24TXLC42SP3C
11	24TX642072	Nguyễn Bảo Duy	04/12/2000					24TXLC42SP3C
12	24TX542006	Bùi Hoàng Dù	13/02/1994					24TXLT42SP2
13	24TX642081	Đinh Hoài Dương	12/07/2001					24TXLC42SP3C
14	24TX642080	Phạm Minh Dương	11/06/2000					24TXLC42SP3C
15	24TX542007	Nguyễn Hải Đăng	11/12/1996					24TXLT42SP2
16	24TX842138	Đỗ Đại Đồng	18/09/2003					24TXLC42SP3L
17	24TX842155	Hoàng Minh Đức	20/12/2003					24TXLC42SP3L
18	24TX642082	Hoàng Trường Giang	04/04/2003					24TXLC42SP3C
19	24TX842139	Nguyễn Văn Giáp	08/07/1998					24TXLC42SP3L
20	24TX842141	Nguyễn Châu Đình Hiếu	10/02/1998					24TXLC42SP3L
21	24TX842140	Vũ Minh Hiếu	22/02/2004					24TXLC42SP3L
22	24TX542009	Trần Mộng Hoài	08/05/1999					24TXLT42SP2
23	24TX642092	Nguyễn Thái Hoàng	21/06/1996					24TXLC42SP3C
24	24TX642083	Nguyễn Viết Hòa	15/09/1995					24TXLC42SP3C
25	24TX642091	Nguyễn Anh Huy	28/11/1993					24TXLC42SP3C
26	24TX842142	Phan Gia Huy	12/12/2001					24TXLC42SP3L
27	24TX842156	Trần Lữ Gia Huy	05/03/2005					24TXLC42SP3L
28	24TX842143	Võ Quốc Huy	05/12/2000					24TXLC42SP3L
29	24TX842158	Hà Nguyễn Minh Hùng	16/04/2002					24TXLC42SP3L
30	24TX542023	Hoàng Văn Hưng	07/08/1991					24TXLT42SP2
31	24TX642074	Trần Hoàng Kha	05/02/1996					24TXLC42SP3C
32	24TX642075	Nguyễn Tuấn Khang	25/03/1996					24TXLC42SP3C
33	24TX842160	Trịnh Đức Khanh	27/11/1987					24TXLC42SP3L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Mạch điện tử 2 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELEC330362_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trương Thị Bích Nga (1180)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX842161	Lê Văn Khánh	03/05/1987					24TXLC42SP3L
35	24TX642076	Nguyễn Trần Đăng Khoa	03/12/1999					24TXLC42SP3C
36	24TX842128	Đào Trung Kiên	18/06/1992					24TXLC42SP3L
37	24TX842159	Dương Tuấn Kiệt	10/05/2003					24TXLC42SP3L
38	24TX842129	Quách Văn Kỳ	24/10/2002					24TXLC42SP3L
39	24TX642094	Thái Hoàng Lộc	18/03/2003					24TXLC42SP3C
40	24TX842146	Trương Văn Lợi	15/10/1999					24TXLC42SP3L
41	24TX842147	Đỗ Văn Luận	28/12/1997					24TXLC42SP3L
42	24TX642095	Đỗ Ngọc Lý	06/02/1985					24TXLC42SP3C
43	24TX842148	Phạm Công Lý	06/06/2002					24TXLC42SP3L
44	24TX542010	Nguyễn Thái Minh	14/09/1979					24TXLT42SP2
45	24TX842149	Trần Kiều Minh	11/03/2003					24TXLC42SP3L

Số S/V Trong Danh Sách: 45 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Bảo trì và bảo dưỡng công nghiệp - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **IMAS320525_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Công Bình (0780)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX645001	Nguyễn Tuấn Anh	24/02/1997					24TXLC45SP2
2	24TX845001	Phạm Hoàng Anh	31/01/2001					24TXLC45SP2
3	24TX845003	Đoàn Ngọc Bảo	11/05/2003					24TXLC45SP2
4	24TX845004	Lê Hoài Bảo	12/08/1998					24TXLC45SP2
5	24TX845002	Nguyễn Ngọc Bảo	06/05/2003					24TXLC45SP2
6	24TX845005	Phạm Duy Bình	25/08/2003					24TXLC45SP2
7	24TX845006	Đỗ Hồng Đăng	30/05/2001					24TXLC45SP2
8	24TX845059	Nguyễn Văn Trường Giang	17/05/2001					24TXLC45SP2
9	24TX845007	Trương Minh Giàu	09/07/2000					24TXLC45SP2
10	24TX845008	Nguyễn Văn Hiếu	21/04/2001					24TXLC45SP2
11	24TX845060	Võ Tấn Hoài	08/09/2003					24TXLC45SP2
12	24TX845011	Cao Quốc Huy	24/01/2003					24TXLC45SP2
13	24TX845010	Trần Quốc Huy	16/09/1997					24TXLC45SP2
14	24TX845013	Nguyễn An Khang	18/08/2002					24TXLC45SP2
15	24TX645002	Phạm Khang	01/03/2002					24TXLC45SP2
16	24TX845012	Đỗ Đức Khải	29/01/1999					24TXLC45SP2
17	24TX845015	Đoàn Quốc Khánh	21/05/2000					24TXLC45SP2
18	24TX645003	Nguyễn Đăng Khoa	24/11/2001					24TXLC45SP2
19	24TX845017	Nguyễn Trần Đăng Khoa	18/08/2003					24TXLC45SP2
20	24TX845061	Trần Đăng Khoa	25/12/1999					24TXLC45SP2
21	24TX845018	Nguyễn Anh Khôi	05/01/2003					24TXLC45SP2
22	24TX845019	Nguyễn Vũ Khương	11/10/1987					24TXLC45SP2
23	24TX845020	Trần Trung Kiên	07/10/2003					24TXLC45SP2
24	24TX845021	Nguyễn Thanh Liêm	20/10/1997					24TXLC45SP2
25	24TX845023	Trương Quang Linh	21/04/2002					24TXLC45SP2
26	24TX845024	Vũ Hoàng Nam	13/01/2003					24TXLC45SP2
27	24TX845027	Phan Minh Nhật	20/07/2003					24TXLC45SP2
28	24TX845028	Lương Tấn Pháp	24/11/2003					24TXLC45SP2
29	24TX845063	Nguyễn Thành Phát	27/08/2000					24TXLC45SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Bảo trì và bảo dưỡng công nghiệp - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **IMAS320525_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Công Bình (0780)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
30	24TX845031	Trần Nhật Thanh Phong	27/11/2001					24TXLC45SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 30 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Điện tử công suất - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **POEL330262_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Minh Khai (0604)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842001	Dương Việt Bắc	24/09/2001					24TXLC42SP2L
2	24TX842004	Lê Xuân Đức	25/02/2002					24TXLC42SP2L
3	24TX842047	Nguyễn Đình Hào	21/11/1999					24TXLC42SP2L
4	24TX842005	Vũ Văn Hậu	03/10/2000					24TXLC42SP2L
5	24TX842007	Hoàng Trọng Hiếu	19/09/1994					24TXLC42SP2L
6	24TX842006	Lê Đức Hiệp	25/12/2001					24TXLC42SP2L
7	24TX842048	Ninh Đắc Hòa	10/11/2000					24TXLC42SP2L
8	24TX842010	Nguyễn Vinh Hưng	22/09/2003					24TXLC42SP2L
9	24TX842013	Huỳnh Nguyên Khoa	02/07/2005					24TXLC42SP2L
10	24TX842014	Trần Anh Kiệt	18/05/2000					24TXLC42SP2L
11	24TX842016	Nguyễn Thành Luân	06/02/1999					24TXLC42SP2L
12	24TX842017	Trần Văn Luận	02/10/1997					24TXLC42SP2L
13	24TX842018	Phan Văn Mẫn	07/09/2002					24TXLC42SP2L
14	24TX842019	Trần Bình Minh	01/10/2003					24TXLC42SP2L
15	24TX842020	Nguyễn Hải Nam	24/05/2003					24TXLC42SP2L
16	24TX842024	Đặng Tấn Nghĩa	31/01/1999					24TXLC42SP2L
17	24TX842023	Nguyễn Hiếu Nghĩa	03/10/2001					24TXLC42SP2L
18	24TX842027	Nguyễn Đức Nguyên	10/09/1995					24TXLC42SP2L
19	24TX842021	Đình Thiện Nhân	19/04/2001					24TXLC42SP2L
20	24TX842022	Tạ Đức Nhật	17/02/2002					24TXLC42SP2L
21	24TX842028	Võ Hoàng Phong	02/01/1999					24TXLC42SP2L
22	24TX842029	Nguyễn Thanh Quyết	27/01/2003					24TXLC42SP2L
23	24TX842031	Hồ Phước Tài	05/06/1999					24TXLC42SP2L
24	24TX842050	Lê Thiên Viễn Tài	10/08/1996					24TXLC42SP2L
25	24TX842032	Nguyễn Quang Nhật Tân	27/10/1999					24TXLC42SP2L
26	24TX842035	Trịnh Thanh Thiêm	10/12/2002					24TXLC42SP2L
27	24TX842036	Đỗ Huỳnh Trung Tín	04/12/1999					24TXLC42SP2L
28	24TX842037	Đỗ Đức Toàn	11/08/2000					24TXLC42SP2L
29	24TX842038	Nông Văn Toàn	06/09/2001					24TXLC42SP2L
30	24TX842040	Nguyễn Bạch Trọng	10/04/2000					24TXLC42SP2L
31	24TX842052	Nguyễn Lê Khánh Trọng	05/12/2002					24TXLC42SP2L
32	24TX842041	Nguyễn Nhật Trung	22/02/2003					24TXLC42SP2L
33	24TX842044	Nguyễn Đức Anh Tú	10/05/2000					24TXLC42SP2L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Điện tử công suất - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **POEL330262_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Minh Khai (0604)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX842043	Phan Văn Tú	13/01/1999					24TXLC42SP2L
35	24TX842046	Phạm Như Ý	27/02/2001					24TXLC42SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 35 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Mạch điện tử 2 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELEC330362_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trương Thị Bích Nga (1180)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX542011	Đặng Quốc Nhân	22/06/1999					24TXLT42SP2
2	24TX642086	Trương Đình Phi	25/05/1981					24TXLC42SP3C
3	24TX542014	Nguyễn Đình Phú	14/03/1995					24TXLT42SP2
4	24TX642087	Trịnh Tuấn Phương	06/07/1997					24TXLC42SP3C
5	24TX842150	Lộ Phú Việt Quang	15/04/2003					24TXLC42SP3L
6	24TX842130	Vũ Hồng Nhật Quang	17/01/2002					24TXLC42SP3L
7	24TX842131	Nguyễn Minh Quân	01/07/2005					24TXLC42SP3L
8	24TX842132	Võ Anh Quân	30/05/2003					24TXLC42SP3L
9	24TX842162	Vũ Minh Sang	03/05/2000					24TXLC42SP3L
10	24TX642088	Trần Văn Sao	15/05/1998					24TXLC42SP3C
11	24TX842163	Quách Văn Sáu	12/09/1986					24TXLC42SP3L
12	24TX842133	Lại Thanh Sơn	09/01/2000					24TXLC42SP3L
13	24TX842151	Nguyễn Quốc Văn Sơn	17/03/2000					24TXLC42SP3L
14	24TX842166	Đậu Văn Thành	01/05/1999					24TXLC42SP3L
15	24TX542016	Nguyễn Văn Thành	30/01/1999					24TXLT42SP2
16	24TX642077	Huỳnh Trọng Thảo	16/01/1996					24TXLC42SP3C
17	24TX842152	Lê Lý Hoàng Thái	28/08/2002					24TXLC42SP3L
18	24TX842165	Đào Minh Thạch	17/02/1993					24TXLC42SP3L
19	24TX642078	Nguyễn Tấn Thiện	28/05/2002					24TXLC42SP3C
20	24TX842134	Phan Gia Thịnh	22/12/1999					24TXLC42SP3L
21	24TX542017	Nguyễn Ngọc Tiến	09/01/1994					24TXLT42SP2
22	24TX642089	Bùi Xuân Toàn	20/10/1987					24TXLC42SP3C
23	24TX842167	Lâm Thanh Ngọc Trường	04/01/1999					24TXLC42SP3L
24	24TX542020	Nguyễn Quang Trường	17/01/2004					24TXLT42SP2
25	24TX642090	Lê Quang Ty	25/11/2001					24TXLC42SP3C

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Mạch điện tử 2 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELEC330362_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trương Thị Bích Ngà (1180)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
26	24TX842168	Võ Thành Vinh	10/02/1995					24TXLC42SP3L

Số S/V Trong Danh Sách: 26 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Lập trình Web - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **WEPR330479_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Hữu Trung (9732)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A5-203

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX610001	Nguyễn Thị Huệ Diễm	15/11/1995					24TXLC10SP2
2	24TX610002	Võ Văn Ngọc	02/05/1998					24TXLC10SP2
3	24TX610003	Cao Nguyễn Minh Sang	04/01/2000					24TXLC10SP2
4	24TX610005	Trần Quốc Huy	24/07/1992					24TXLC10SP2
5	24TX610006	Trần Thị Lâm	24/05/1986					24TXLC10SP2
6	24TX610008	Đặng Tấn Đạt	06/02/1994					24TXLC10SP3
7	24TX610009	Trịnh Hận	15/09/1991					24TXLC10SP3
8	24TX610010	Nguyễn Thanh Huy	17/04/2002					24TXLC10SP3
9	24TX610012	Lê Nguyễn Minh Quân	03/03/1993					24TXLC10SP3
10	24TX610013	Bá Hoài Sơn	20/11/1997					24TXLC10SP3
11	24TX610014	Lê Minh Tài	23/11/2003					24TXLC10SP3
12	24TX810001	Ngô Võ Tuấn An	12/10/2001					24TXLC10SP2
13	24TX810002	Phạm Lê Hoàng Anh	26/10/1999					24TXLC10SP2
14	24TX810003	Vũ Thế Bảo	02/02/2002					24TXLC10SP2
15	24TX810007	Trần Trung Hiếu	10/04/2003					24TXLC10SP2
16	24TX810010	Nguyễn Trọng Linh	25/04/2001					24TXLC10SP2
17	24TX810011	Nguyễn Khôi Nguyên	13/10/2001					24TXLC10SP2
18	24TX810013	Đình Hồng Phong	26/02/2000					24TXLC10SP2
19	24TX810014	Nguyễn Trần Hoàng Phúc	21/12/2002					24TXLC10SP2
20	24TX810015	Lê Tam Quyền	10/08/2000					24TXLC10SP2
21	24TX810019	Nguyễn Đoàn Trung Trục	08/11/2002					24TXLC10SP2
22	24TX810020	Lê Quang Vinh	21/08/1996					24TXLC10SP2
23	24TX810021	Trương Thanh Vui	24/04/2001					24TXLC10SP2
24	24TX810023	Nguyễn Thanh Phước	13/01/2003					24TXLC10SP2
25	24TX810024	Trần Ngô Bảo Quân	02/01/2003					24TXLC10SP2
26	24TX810025	Trần Trọng Tân	16/11/2001					24TXLC10SP2
27	24TX810026	Trần Đức Tùng	12/01/2003					24TXLC10SP2
28	24TX810027	Nguyễn Thanh Tùng	30/10/2000					24TXLC10SP2
29	24TX810029	Nguyễn Tấn Thịnh	01/05/2003					24TXLC10SP2
30	24TX810031	Phạm Đức Trung	29/06/2004					24TXLC10SP2
31	24TX810056	Lê Sỹ Tuấn Anh	10/02/1999					24TXLC10SP3
32	24TX810057	Nguyễn Quốc Bảo	26/07/2001					24TXLC10SP3
33	24TX810059	Nguyễn Trung Hiếu	30/12/1996					24TXLC10SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Lập trình Web - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **WEPR330479_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Hữu Trung (9732)**

Giờ Thi: 07g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A5-203

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX810060	Bùi Chí Hiếu	12/10/1999					24TXLC10SP3
35	24TX810061	Nguyễn Phát Khang	11/07/2000					24TXLC10SP3
36	24TX810062	Vũ Khanh	08/08/2004					24TXLC10SP3
37	24TX810063	Vương Hoàng Khôi	15/12/2005					24TXLC10SP3
38	24TX810064	Nguyễn Thị Diễm My	03/12/2001					24TXLC10SP3
39	24TX810065	Bùi Thu Thanh	19/03/2003					24TXLC10SP3
40	24TX810068	Tạ Đặng Anh Dương	11/01/2001					24TXLC10SP3
41	24TX810069	Nguyễn Quang Minh	28/02/2002					24TXLC10SP3
42	24TX810070	Nguyễn Tiến Thành	22/07/2002					24TXLC10SP3
43	24TX810071	Nguyễn Ngọc Thiện	26/01/2001					24TXLC10SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 43 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán cao cấp dành cho kỹ sư 1 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH133101_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Hữu Hiếu (6099)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX645006	Nguyễn Thị Thúy An	23/02/2003					24TXLC45SP3
2	24TX845097	Đỗ Nguyễn Hoàng Hải	17/01/1996					24TXLC45SP3
3	24TX645014	Nguyễn Minh Hiếu	05/12/1998					24TXLC45SP3
4	24TX845078	Lê Đăng Khoa	24/09/2000					24TXLC45SP3
5	24TX845096	Ngô Thanh Trúc Lâm	04/02/2001					24TXLC45SP3
6	24TX845079	Võ Duy Lộc	21/06/1999					24TXLC45SP3
7	24TX845080	Lê Nguyễn Minh	21/11/2003					24TXLC45SP3
8	24TX845082	Hồ Bảo Nghĩa	05/10/2003					24TXLC45SP3
9	24TX845081	Nguyễn Trọng Nghĩa	22/08/2000					24TXLC45SP3
10	24TX845083	Lê Hoài Ngọc	06/11/2003					24TXLC45SP3
11	24TX845085	Võ Quang Long Phát	10/05/2001					24TXLC45SP3
12	24TX845087	Lê Nguyễn Hoàng Phong	24/11/2000					24TXLC45SP3
13	24TX845088	Ngô Hồng Phong	20/03/2001					24TXLC45SP3
14	24TX845089	Nguyễn Văn Phước	06/06/1998					24TXLC45SP3
15	24TX845067	Đỗ Thanh Sang	18/05/2001					24TXLC45COT3
16	24TX645007	Nguyễn Quang Sang	11/05/1983					24TXLC45SP3
17	24TX845090	Ngô Vòng Hồ Phú Sinh	02/08/2003					24TXLC45SP3
18	24TX845091	Nguyễn Ngọc Sơn	24/03/2002					24TXLC45SP3
19	24TX845093	Nguyễn Duy Thành	06/07/2004					24TXLC45SP3
20	24TX645010	Nguyễn Chí Thái	27/01/1998					24TXLC45SP3
21	24TX645011	Hồ Đắc Thuận	20/03/2003					24TXLC45SP3
22	24TX645008	Nguyễn Võ Quốc Toàn	15/10/2003					24TXLC45SP3
23	24TX845094	Phạm Thanh Triêm	12/10/2003					24TXLC45SP3
24	24TX645012	Trần Đức Trí	25/12/2003					24TXLC45SP3
25	24TX845092	Phạm Anh Tuấn	22/08/2001					24TXLC45SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán cao cấp dành cho kỹ sư 1 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH133101_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Hữu Hiếu (6099)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
26	24TX645013	Nguyễn Hoàng Ý	01/01/1994					24TXLC45SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 26 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Tài chính doanh nghiệp 1 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **COFI330307_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Vương Quốc Duy (6197)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX825033	Nguyễn Thị Minh Anh	02/10/2003					24TXLC25SP3
2	24TX825036	Võ Phước Hiền	15/05/1996					24TXLC25SP3
3	24TX825031	Nguyễn Thị Tuyết Kha	22/05/2001					24TXLC25SP3
4	24TX825035	Lê Thị Lan	16/07/2001					24TXLC25SP3
5	24TX825034	Võ Thị Lại	08/11/1993					24TXLC25SP3
6	24TX825030	Lê Thị Thanh Lành	06/12/1992					24TXLC25SP3
7	24TX825029	Phạm Thị Mỹ Nhạn	17/07/2003					24TXLC25SP3
8	24TX825011	Nguyễn Hoàng Phong	21/05/2002					24TXLC25SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 8 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: Công nghệ chế tạo máy - 01 - Số TC: 3

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: MMAT334325_01TX

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: Phan Thanh Vũ (4037)

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX643001	Trần Kim Anh	02/06/1997					24TXLC43SP2C
2	24TX643002	Cao Văn Cui	25/09/1992					24TXLC43SP2C
3	24TX643003	Trịnh Văn Cường	13/11/1997					24TXLC43SP2C
4	24TX643026	Nguyễn Quang Đăng	19/10/1997					24TXLC43SP2C
5	24TX643004	Nguyễn Văn Đạo	07/04/1994					24TXLC43SP2C
6	24TX843002	Nguyễn Hải Đăng	27/12/2001					24TXLC43SP2L
7	24TX843006	Nguyễn Bá Giang	22/07/2002					24TXLC43SP2L
8	24TX843005	Phan Trường Giang	30/03/2000					24TXLC43SP2L
9	24TX643006	Nguyễn Tấn Hiếu	15/10/1994					24TXLC43SP2C
10	24TX843026	Mai Chân Hoàng	22/06/2000					24TXLC43SP2L
11	24TX843007	Nguyễn Quốc Hoàng	05/09/2001					24TXLC43SP2L
12	24TX843008	Phan Hùng Huy Hoàng	08/11/1999					24TXLC43SP2L
13	24TX643007	Phạm Minh Hòa	09/05/1993					24TXLC43SP2C
14	24TX643018	Trương Diệp Huyền	05/10/1997					24TXLC43SP2C
15	24TX843027	Mai Văn Hùng	18/03/2000					24TXLC43SP2L
16	24TX843009	Nguyễn Trung Phước Hưng	11/06/1997					24TXLC43SP2L
17	24TX843010	Trần Duy Khang	04/03/2001					24TXLC43SP2L
18	24TX643011	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/08/1998					24TXLC43SP2C
19	24TX843011	Nguyễn Vũ Hoàng Long	25/02/2001					24TXLC43SP2L
20	24TX643012	Đỗ Lê Minh	11/04/2000					24TXLC43SP2C
21	24TX643013	Nguyễn Đức Minh	01/05/2001					24TXLC43SP2C
22	24TX843012	Tăng Hoàng Minh	10/01/2000					24TXLC43SP2L
23	24TX643014	Trần Văn Nam	12/09/1996					24TXLC43SP2C
24	24TX843014	Bùi Thị Kim Ngân	04/05/2001					24TXLC43SP2L
25	24TX843015	Lý Trọng Nghĩa	16/08/2003					24TXLC43SP2L
26	24TX843016	Phạm Văn Nguyên	20/02/1999					24TXLC43SP2L
27	24TX843017	Trần Minh Phi	06/03/1999					24TXLC43SP2L
28	24TX643016	Nguyễn Vinh Sang	25/07/1992					24TXLC43SP2C
29	24TX843019	Đoàn Nguyễn Bá Sơn	15/09/1999					24TXLC43SP2L
30	24TX643019	Đào Duy Thái	16/07/2002					24TXLC43SP2C
31	24TX643020	Trần Văn Tiền	28/07/1999					24TXLC43SP2C
32	24TX643021	Nguyễn Hoàng Thanh Toàn	20/02/1987					24TXLC43SP2C
33	24TX843028	Nguyễn Chí Trung	26/10/1999					24TXLC43SP2L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Công nghệ chế tạo máy - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MMAT334325_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Thanh Vũ (4037)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX643023	Đỗ Lam Trường	14/06/1998					24TXLC43SP2C
35	24TX843022	Lý Văn Quốc Tuấn	01/12/2001					24TXLC43SP2L
36	24TX643025	Bùi Thanh Tuyền	27/02/1995					24TXLC43SP2C
37	24TX643024	Phan Thanh Tú	15/10/2000					24TXLC43SP2C
38	24TX843023	Nguyễn Quốc Việt	22/05/2003					24TXLC43SP2L
39	24TX843024	Lê Công Vũ	09/02/2003					24TXLC43SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 39 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán ứng dụng cho kỹ sư - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **AMEE142044_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thái An (6085)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842130	Vũ Hồng Nhật Quang	17/01/2002					24TXLC42SP3L
2	24TX842131	Nguyễn Minh Quân	01/07/2005					24TXLC42SP3L
3	24TX842132	Võ Anh Quân	30/05/2003					24TXLC42SP3L
4	24TX842162	Vũ Minh Sang	03/05/2000					24TXLC42SP3L
5	24TX642088	Trần Văn Sao	15/05/1998					24TXLC42SP3C
6	24TX842163	Quách Văn Sáu	12/09/1986					24TXLC42SP3L
7	24TX842133	Lại Thanh Sơn	09/01/2000					24TXLC42SP3L
8	24TX842151	Nguyễn Quốc Văn Sơn	17/03/2000					24TXLC42SP3L
9	24TX842166	Đậu Văn Thành	01/05/1999					24TXLC42SP3L
10	24TX542016	Nguyễn Văn Thành	30/01/1999					24TXLT42SP2
11	24TX642077	Huỳnh Trọng Thảo	16/01/1996					24TXLC42SP3C
12	24TX842152	Lê Lý Hoàng Thái	28/08/2002					24TXLC42SP3L
13	24TX842165	Đào Minh Thạch	17/02/1993					24TXLC42SP3L
14	24TX642078	Nguyễn Tấn Thiện	28/05/2002					24TXLC42SP3C
15	24TX842134	Phan Gia Thịnh	22/12/1999					24TXLC42SP3L
16	24TX542017	Nguyễn Ngọc Tiến	09/01/1994					24TXLT42SP2
17	24TX642089	Bùi Xuân Toàn	20/10/1987					24TXLC42SP3C
18	24TX842167	Lâm Thanh Ngọc Trường	04/01/1999					24TXLC42SP3L
19	24TX542020	Nguyễn Quang Trường	17/01/2004					24TXLT42SP2
20	24TX642090	Lê Quang Ty	25/11/2001					24TXLC42SP3C
21	24TX842168	Võ Thành Vinh	10/02/1995					24TXLC42SP3L

Số S/V Trong Danh Sách: 21 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán ứng dụng cho kỹ sư - 02 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **AMEE142044_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thái An (6085)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842079	Phạm Ngọc Chung	16/01/2001					24TXLC42COT3
2	24TX842081	Nguyễn Công Hải	03/04/2001					24TXLC42COT3
3	24TX842082	Nguyễn Tuấn Kiệt	23/12/2003					24TXLC42COT3
4	24TX842084	Lê Thanh Nam	14/08/2000					24TXLC42COT3
5	24TX842086	Ngô Công Thắng	15/12/2001					24TXLC42COT3
6	24TX842169	Nguyễn Tinh	21/08/1998					24TXLC42COT3
7	24TX842040	Nguyễn Bạch Trọng	10/04/2000					24TXLC42SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 7 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kế toán tài chính 1 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **FIAC330207_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Hoàng Anh (0499)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX825001	Nguyễn Thị Diễm	02/10/1991					25TXLC25SP2
2	25TX825002	Lê Mỹ Duyên	04/07/1998					25TXLC25SP2
3	25TX825003	Trương Diệp Thúy	10/01/2001					25TXLC25SP2
4	25TX825004	Nguyễn Duy Khang	26/07/1998					25TXLC25SP2
5	25TX825006	Mai Thị Loan	11/06/1999					25TXLC25SP2
6	25TX825005	Nguyễn Thị Thanh	30/05/2003					25TXLC25SP2
7	25TX825007	Lê Thị Cẩm Ly	06/04/2004					25TXLC25SP2
8	25TX825008	Bùi Đình Mạnh	26/08/2000					25TXLC25SP2
9	25TX825010	Trần Nguyễn Kim Ngọc	30/09/2003					25TXLC25SP2
10	25TX825011	Đặng Thị Thu Nguyệt	01/04/2002					25TXLC25SP2
11	25TX825012	Phạm Tú Nhi	04/11/1991					25TXLC25SP2
12	25TX825013	Hoàng Thị Hương Sen	16/11/1996					25TXLC25SP2
13	25TX825014	Huỳnh Thị Thu Thanh	24/02/1994					25TXLC25SP2
14	25TX825015	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/10/1999					25TXLC25SP2
15	25TX825017	Hoàng Thị Thu Trân	15/01/1991					25TXLC25SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 15 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Quy hoạch thực nghiệm và tối ưu hóa - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **OEPL330226_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đặng Nhật Minh (7092)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX804001	Nguyễn Hoàng Ân	24/01/2003					25TXLC04SP2
2	25TX804002	Trần Nhật Bảo	24/06/2000					25TXLC04SP2
3	25TX804042	Đặng Chung	19/02/2003					25TXLC04SP2
4	25TX604001	Bùi Kiên Cường	02/10/1993					25TXLC04SP2
5	25TX804004	Đặng Thanh Duy	17/08/1998					25TXLC04SP2
6	25TX804005	Trần Hoàng Duy	21/07/1999					25TXLC04SP2
7	25TX804006	Trần Quốc Duy	20/08/1986					25TXLC04SP2
8	25TX604002	Phạm Tiến Dũng	20/05/1997					25TXLC04SP2
9	25TX804040	Nguyễn Tú Đình	12/08/1994					25TXLC04SP2
10	25TX804007	Hầu Ngọc Hải	01/03/2003					25TXLC04SP2
11	25TX804008	Trần Thiện Hải	01/11/1986					25TXLC04SP2
12	25TX804010	Lê Thị Thu Hằng	22/02/2003					25TXLC04SP2
13	25TX804009	Nguyễn Thái Hân	01/01/2001					25TXLC04SP2
14	25TX604003	Phạm Văn Hân	06/06/1990					25TXLC04SP2
15	25TX804011	Nguyễn Duy Khang	17/02/2002					25TXLC04SP2
16	25TX804012	Phạm Hoàng Linh	28/03/2003					25TXLC04SP2
17	25TX804013	Đặng Quốc Long	25/09/2003					25TXLC04SP2
18	25TX804014	Huỳnh Vũ Luân	02/09/2000					25TXLC04SP2
19	25TX804015	Danh Thị Hồng Mai	17/05/2002					25TXLC04SP2
20	25TX804016	Lê Vũ Minh	11/01/1999					25TXLC04SP2
21	25TX604004	Lê Văn Mười	02/02/1979					25TXLC04SP2
22	25TX804017	Hoàng Thành Nam	17/11/2004					25TXLC04SP2
23	25TX804018	Võ Phạm Ngọc Ngân	23/08/2002					25TXLC04SP2
24	25TX804019	Lê Trọng Nghĩa	21/02/1996					25TXLC04SP2
25	25TX804020	Nguyễn Trọng Nhân	20/01/2001					25TXLC04SP2
26	25TX804021	Trần Thị Trúc Nhi	04/02/2003					25TXLC04SP2
27	25TX804022	Nguyễn Thị Yến Như	01/06/2003					25TXLC04SP2
28	25TX804023	Lê Hoàng Phát	16/12/2001					25TXLC04SP2
29	25TX604005	Trần Đăng Phú	10/04/1994					25TXLC04SP2
30	25TX804024	Đào Thị Phúc	12/02/2003					25TXLC04SP2
31	25TX604006	Nguyễn Đoàn Hoàng Phúc	03/05/2003					25TXLC04SP2
32	25TX804025	Nguyễn Lê Hồng Phượng	02/06/2002					25TXLC04SP2
33	25TX804026	Trần Quốc Qui	02/02/1998					25TXLC04SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Quy hoạch thực nghiệm và tối ưu hóa - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **OEPL330226_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đặng Nhật Minh (7092)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX604007	Trần Minh Thành	17/02/1995					25TXLC04SP2
35	25TX804029	Trịnh Việt Thành	02/07/2005					25TXLC04SP2
36	25TX804028	Nguyễn Đỗ Việt Thắng	13/10/2003					25TXLC04SP2
37	25TX804031	Võ Nguyễn Bảo Thy	03/09/2003					25TXLC04SP2
38	25TX804032	Nguyễn Trọng Trí	31/12/1996					25TXLC04SP2
39	25TX804034	Đặng Văn Trung	02/09/1994					25TXLC04SP2
40	25TX804033	Lương Nguyễn Minh Trung	27/12/2003					25TXLC04SP2
41	25TX804035	Phạm Trọng Trường	10/06/1999					25TXLC04SP2
42	25TX804036	Trần Văn Tuấn	25/05/2001					25TXLC04SP2
43	25TX804037	Chu Thị Tuyền	28/12/1991					25TXLC04SP2
44	25TX804041	Khương Duy Tùng	21/03/1994					25TXLC04SP2
45	25TX804038	Nguyễn Thị Linh Vi	28/11/2003					25TXLC04SP2
46	25TX604008	Huỳnh Quốc Vương	30/03/1999					25TXLC04SP2
47	25TX804039	Nguyễn Thùy Thanh Vy	27/12/2003					25TXLC04SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 47 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **An toàn lao động và môi trường công nghiệp - 01 - Số TC: 2** Cán bộ coi thi 1: _____Lớp học phần: **WSIE320425_01TX** Cán bộ coi thi 2: _____CBGD: **Nguyễn Hà Trang (0268)** Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX843044	Hoàng Mạnh Đức	02/06/2002					24TXLC43COT3
2	24TXA24005	Vũ Thế Đức	03/05/1992					24TXLD24SP3
3	24TX843070	Nguyễn Thanh Hải	27/07/1993					24TXLC43SP3
4	24TX543001	Trần Thanh Hải	12/12/1971					24TXLT43SP3
5	24TXA24006	Trần Trung Hậu	19/09/1998					24TXLD24SP3
6	24TX543012	Lê Văn Tuấn	04/11/1994					24TXLT43SP3
7	24TX643046	Phan Văn Tú	27/07/1993					24TXLC43SP3
8	24TX843077	Thạch Vương	05/10/2003					24TXLC43SP3
9	24TX843078	Huỳnh Văn Vương	18/10/2001					24TXLC43SP3
10	24TXA24019	Nguyễn Phi Vương	19/01/1997					24TXLD24SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 10 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Vật liệu học - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ENMA220230_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Văn Thức (0668)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX643001	Trần Hoàng An	27/12/2003					25TXLC43SP2
2	25TX643003	Nguyễn Văn Đông	21/08/1981					25TXLC43SP2
3	25TX843005	Trần Thanh Khang	30/03/2004					25TXLC43SP2
4	25TX843007	Nguyễn Lê Anh Khoa	17/01/1999					25TXLC43SP2
5	25TX843006	Nguyễn Minh Khoa	19/07/1989					25TXLC43SP2
6	25TX643006	Lê Văn Linh	24/06/1996					25TXLC43SP2
7	25TX643007	Lê Tấn Lộc	05/11/2001					25TXLC43SP2
8	25TX643008	Nguyễn Hữu Lộc	27/04/1997					25TXLC43SP2
9	25TX643017	Lê Thanh Mai	01/01/1996					25TXLC43SP2
10	25TX643009	Bùi Công Minh	01/10/2003					25TXLC43SP2
11	25TX643010	Trần Minh Nhật	12/01/2003					25TXLC43SP2
12	25TX643011	Phan Minh Nhựt	08/01/1999					25TXLC43SP2
13	25TX643012	Nguyễn Phạm Duy Phú	15/11/2003					25TXLC43SP2
14	25TX643013	Ma Đăng Quang	05/12/1980					25TXLC43SP2
15	25TX843010	Phạm Hồng Thắng	06/05/1997					25TXLC43SP2
16	25TX843013	Nguyễn Hữu Thiện	24/02/2003					25TXLC43SP2
17	25TX643014	Nguyễn Hồng Thìn	26/06/1988					25TXLC43SP2
18	25TX643015	Nguyễn Đăng Tiến	22/01/2001					25TXLC43SP2
19	25TX843014	Nguyễn Hữu Trí	24/02/2003					25TXLC43SP2
20	25TX643016	Hồ Khắc Tuấn	22/07/1991					25TXLC43SP2
21	25TX843011	Phan Anh Tuấn	29/01/2003					25TXLC43SP2
22	25TX843012	Đào Xuân Win	30/10/1998					25TXLC43SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 22 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Hệ thống điều khiển tự động ô tô - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **VACS330333_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Thanh Phúc (9056)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX645001	Nguyễn Tuấn Anh	24/02/1997					24TXLC45SP2
2	24TX845001	Phạm Hoàng Anh	31/01/2001					24TXLC45SP2
3	24TX845003	Đoàn Ngọc Bảo	11/05/2003					24TXLC45SP2
4	24TX845004	Lê Hoài Bảo	12/08/1998					24TXLC45SP2
5	24TX845002	Nguyễn Ngọc Bảo	06/05/2003					24TXLC45SP2
6	24TX845005	Phạm Duy Bình	25/08/2003					24TXLC45SP2
7	24TX845006	Đỗ Hồng Đăng	30/05/2001					24TXLC45SP2
8	24TX845059	Nguyễn Văn Trường	17/05/2001					24TXLC45SP2
9	24TX845007	Trương Minh Giàu	09/07/2000					24TXLC45SP2
10	24TX845008	Nguyễn Văn Hiếu	21/04/2001					24TXLC45SP2
11	24TX845060	Võ Tấn Hoài	08/09/2003					24TXLC45SP2
12	24TX845011	Cao Quốc Huy	24/01/2003					24TXLC45SP2
13	24TX845010	Trần Quốc Huy	16/09/1997					24TXLC45SP2
14	24TX845013	Nguyễn An Khang	18/08/2002					24TXLC45SP2
15	24TX645002	Phạm Khang	01/03/2002					24TXLC45SP2
16	24TX845012	Đỗ Đức Khải	29/01/1999					24TXLC45SP2
17	24TX845015	Đoàn Quốc Khánh	21/05/2000					24TXLC45SP2
18	24TX645003	Nguyễn Đăng Khoa	24/11/2001					24TXLC45SP2
19	24TX845017	Nguyễn Trần Đăng Khoa	18/08/2003					24TXLC45SP2
20	24TX845061	Trần Đăng Khoa	25/12/1999					24TXLC45SP2
21	24TX845018	Nguyễn Anh Khôi	05/01/2003					24TXLC45SP2
22	24TX845019	Nguyễn Vũ Khương	11/10/1987					24TXLC45SP2
23	24TX845020	Trần Trung Kiên	07/10/2003					24TXLC45SP2
24	24TX845021	Nguyễn Thanh Liêm	20/10/1997					24TXLC45SP2
25	24TX845023	Trương Quang Linh	21/04/2002					24TXLC45SP2
26	24TX845024	Vũ Hoàng Nam	13/01/2003					24TXLC45SP2
27	24TX845027	Phan Minh Nhật	20/07/2003					24TXLC45SP2
28	24TX845028	Lương Tấn Pháp	24/11/2003					24TXLC45SP2
29	24TX845063	Nguyễn Thành Phát	27/08/2000					24TXLC45SP2
30	24TX845031	Trần Nhật Thanh Phong	27/11/2001					24TXLC45SP2
31	24TX845034	Lê Thành Phước	27/12/2003					24TXLC45SP2
32	24TX845035	Nguyễn Hoài Duy Phước	23/01/1998					24TXLC45SP2
33	24TX845036	Nguyễn Trung Quốc	25/10/1999					24TXLC45SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Hệ thống điều khiển tự động ô tô - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **VACS330333_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Thanh Phúc (9056)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX845038	Nguyễn Minh Sang	08/05/2002					24TXLC45SP2
35	24TX645004	Nguyễn Văn Tài	10/07/2002					24TXLC45SP2
36	24TX845039	Hồ Chí Tâm	13/01/2000					24TXLC45SP2
37	24TX845040	Trần Đức Tâm	25/04/1988					24TXLC45SP2
38	24TX845041	Lê Hoàng Tân	28/02/2004					24TXLC45SP2
39	24TX845043	Nguyễn Hoài Thanh	01/06/2003					24TXLC45SP2
40	24TX845042	Nguyễn Thị Phương Thanh	11/01/2003					24TXLC45SP2
41	24TX845044	Trương Hữu Thảo	22/04/1999					24TXLC45SP2
42	24TX845045	Nguyễn Công Thuận	17/04/2002					24TXLC45SP2
43	24TX845046	Nguyễn Minh Thuận	18/02/2002					24TXLC45SP2
44	24TX845048	Lê Trung Tính	06/11/2003					24TXLC45SP2
45	24TX845049	Lê Phước Toàn	13/07/1990					24TXLC45SP2
46	24TX845051	Hồ Văn Triển	14/01/2001					24TXLC45SP2
47	24TX845050	Lưu Minh Trí	11/03/2003					24TXLC45SP2
48	24TX845053	Nguyễn Đan Trường	23/06/2002					24TXLC45SP2
49	24TX845064	Lưu Việt Tùng	24/06/2001					24TXLC45SP2
50	24TX845057	Trần Hoàng Vũ	15/10/2003					24TXLC45SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 50 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán ứng dụng cho kỹ sư - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **AMEE142044_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thái An (6085)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842135	Nguyễn Thành An	31/08/2000					24TXLC42SP3L
2	24TX542001	Lê Đức Anh	04/03/2003					24TXLT42SP2
3	24TX842136	Trần Hoài Ân	17/04/2003					24TXLC42SP3L
4	24TX842126	Bùi Thái Bảo	12/01/2002					24TXLC42SP3L
5	24TX642079	Hồ Năng Bảo	24/06/2000					24TXLC42SP3C
6	24TX542003	Dương Hữu Biên	12/09/1993					24TXLT42SP2
7	24TX542004	Đỗ Thanh Bình	14/12/2002					24TXLT42SP2
8	24TX842127	Trần Văn Cảnh	15/01/1995					24TXLC42SP3L
9	24TX542005	Trần Thanh Chung	04/11/2000					24TXLT42SP2
10	24TX642070	Nguyễn Mạnh Cường	05/12/1995					24TXLC42SP3C
11	24TX642072	Nguyễn Bảo Duy	04/12/2000					24TXLC42SP3C
12	24TX542006	Bùi Hoàng Dù	13/02/1994					24TXLT42SP2
13	24TX642081	Đinh Hoài Dương	12/07/2001					24TXLC42SP3C
14	24TX642080	Phạm Minh Dương	11/06/2000					24TXLC42SP3C
15	24TX542007	Nguyễn Hải Đăng	11/12/1996					24TXLT42SP2
16	24TX842138	Đỗ Đại Đồng	18/09/2003					24TXLC42SP3L
17	24TX842155	Hoàng Minh Đức	20/12/2003					24TXLC42SP3L
18	24TX642082	Hoàng Trường Giang	04/04/2003					24TXLC42SP3C
19	24TX842139	Nguyễn Văn Giáp	08/07/1998					24TXLC42SP3L
20	24TX842141	Nguyễn Châu Đình Hiếu	10/02/1998					24TXLC42SP3L
21	24TX842140	Vũ Minh Hiếu	22/02/2004					24TXLC42SP3L
22	24TX542009	Trần Mộng Hoài	08/05/1999					24TXLT42SP2
23	24TX642092	Nguyễn Thái Hoàng	21/06/1996					24TXLC42SP3C
24	24TX642083	Nguyễn Viết Hòa	15/09/1995					24TXLC42SP3C
25	24TX642091	Nguyễn Anh Huy	28/11/1993					24TXLC42SP3C
26	24TX842142	Phan Gia Huy	12/12/2001					24TXLC42SP3L
27	24TX842156	Trần Lữ Gia Huy	05/03/2005					24TXLC42SP3L
28	24TX842143	Võ Quốc Huy	05/12/2000					24TXLC42SP3L
29	24TX842158	Hà Nguyễn Minh Hùng	16/04/2002					24TXLC42SP3L
30	24TX542023	Hoàng Văn Hưng	07/08/1991					24TXLT42SP2
31	24TX642074	Trần Hoàng Kha	05/02/1996					24TXLC42SP3C
32	24TX642075	Nguyễn Tuấn Khang	25/03/1996					24TXLC42SP3C
33	24TX842160	Trịnh Đức Khanh	27/11/1987					24TXLC42SP3L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán ứng dụng cho kỹ sư - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **AMEE142044_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thái An (6085)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX842161	Lê Văn Khánh	03/05/1987					24TXLC42SP3L
35	24TX642076	Nguyễn Trần Đăng Khoa	03/12/1999					24TXLC42SP3C
36	24TX842128	Đào Trung Kiên	18/06/1992					24TXLC42SP3L
37	24TX842159	Dương Tuấn Kiệt	10/05/2003					24TXLC42SP3L
38	24TX842129	Quách Văn Kỳ	24/10/2002					24TXLC42SP3L
39	24TX642094	Thái Hoàng Lộc	18/03/2003					24TXLC42SP3C
40	24TX842146	Trương Văn Lợi	15/10/1999					24TXLC42SP3L
41	24TX842147	Đỗ Văn Luận	28/12/1997					24TXLC42SP3L
42	24TX642095	Đỗ Ngọc Lý	06/02/1985					24TXLC42SP3C
43	24TX842148	Phạm Công Lý	06/06/2002					24TXLC42SP3L
44	24TX542010	Nguyễn Thái Minh	14/09/1979					24TXLT42SP2
45	24TX842149	Trần Kiều Minh	11/03/2003					24TXLC42SP3L
46	24TX542011	Đặng Quốc Nhân	22/06/1999					24TXLT42SP2
47	24TX642086	Trương Đình Phi	25/05/1981					24TXLC42SP3C
48	24TX542014	Nguyễn Đình Phú	14/03/1995					24TXLT42SP2
49	24TX642087	Trịnh Tuấn Phương	06/07/1997					24TXLC42SP3C
50	24TX842150	Lộ Phú Việt Quang	15/04/2003					24TXLC42SP3L

Số S/V Trong Danh Sách: 50 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kỹ thuật Vi Xử Lý - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MICR330363_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Bá Việt (4695)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX642002	Trần Chí Công	22/06/2002					24TXLC42SP2C
2	24TX642003	Phạm Đình Cương	01/01/1991					24TXLC42SP2C
3	24TX642004	Nguyễn Thanh Danh	01/02/1997					24TXLC42SP2C
4	24TX642005	Võ Trần Duy Danh	08/04/2002					24TXLC42SP2C
5	24TXA42022	Ngô Phương Đào	04/04/1985					24TXLD42SP2
6	24TX642006	Lê Quang Đạo	17/02/1998					24TXLC42SP2C
7	24TX642007	Nguyễn Minh Đức	26/05/2001					24TXLC42SP2C
8	24TX642008	Nguyễn Hoàng Hải	08/10/2001					24TXLC42SP2C
9	24TX642010	Đỗ Thanh Hoàng	08/09/2001					24TXLC42SP2C
10	24TXA42003	Trương Thái Hoàng	08/08/1998					24TXLD42SP2
11	24TX642014	Phan Nguyễn Gia Huy	02/12/1998					24TXLC42SP2C
12	24TX642011	Nguyễn Thái Thanh Hùng	03/08/1993					24TXLC42SP2C
13	24TX642012	Nguyễn Trọng Hữu	21/11/2001					24TXLC42SP2C
14	24TX642015	Trần Hữu Khang	21/08/2000					24TXLC42SP2C
15	24TX642016	Lê Sanh Đăng Khoa	18/01/2002					24TXLC42SP2C
16	24TX642017	Đỗ Hoàng Khôi	27/09/2002					24TXLC42SP2C
17	24TX642018	Phạm Văn Khôi	31/08/2001					24TXLC42SP2C
18	24TX642021	Đặng Văn Lanh	06/09/1990					24TXLC42SP2C
19	24TX642019	Dương Trí Tùng Lâm	25/11/1999					24TXLC42SP2C
20	24TX642020	Phan Tường Lân	15/06/1997					24TXLC42SP2C
21	24TXA42005	Nguyễn Văn Linh	22/08/1989					24TXLD42SP2
22	24TXA42006	Nguyễn Đình Long	04/09/1994					24TXLD42SP2
23	24TXA42007	Nguyễn Hữu Long	19/04/1999					24TXLD42SP2
24	24TX642023	Võ Việt Luân	27/06/1992					24TXLC42SP2C
25	24TX642022	Huỳnh Minh Luận	17/10/2001					24TXLC42SP2C
26	24TX642024	Trần Công Minh	25/08/1998					24TXLC42SP2C
27	24TXA42009	Trương Vũ Khôi Nguyên	04/09/1995					24TXLD42SP2
28	24TX642046	Hồ Trọng Nhân	03/10/2002					24TXLC42SP2C
29	24TX642026	Nguyễn Minh Nhật	11/11/1998					24TXLC42SP2C
30	24TX642027	Lương Đại Phát	19/10/2001					24TXLC42SP2C
31	24TX642028	Lâm Quốc Phong	30/08/1998					24TXLC42SP2C
32	24TX642029	Lê Huỳnh Phúc	16/08/2000					24TXLC42SP2C
33	24TXA42011	Võ Minh Quang	17/05/1998					24TXLD42SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kỹ thuật Vi Xử Lý - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MICR330363_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Bá Việt (4695)**

Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX642030	Nguyễn Lê Quý	18/07/1997					24TXLC42SP2C
35	24TX642031	Nguyễn Hoàng Sang	28/08/1999					24TXLC42SP2C
36	24TX642032	Nguyễn Huỳnh Thành Tài	15/08/1999					24TXLC42SP2C
37	24TX642034	Đặng Văn Thành	16/09/1993					24TXLC42SP2C
38	24TXA42014	Phan Châu Thành	24/03/2000					24TXLD42SP2
39	24TXA42012	Lâm Hoàng Thạch	06/02/1987					24TXLD42SP2
40	24TX642035	Lê Nguyễn Hữu Thiện	26/04/2002					24TXLC42SP2C
41	24TXA42018	Nguyễn Duy Trinh	04/08/1997					24TXLD42SP2
42	24TX642038	Doãn Triết Trí	24/05/2000					24TXLC42SP2C
43	24TX642039	Nguyễn Đức Trọng	29/09/1997					24TXLC42SP2C
44	24TX642041	Đoàn Thanh Trung	14/04/1995					24TXLC42SP2C
45	24TX642040	Đoàn Thái Trung	16/07/1997					24TXLC42SP2C
46	24TX642050	Phan Thanh Tuấn	08/01/1999					24TXLC42SP2C
47	24TXA42020	Trần Anh Tuyên	27/03/1993					24TXLD42SP2
48	24TX642051	Trần Hoàng Tú	02/02/1994					24TXLC42SP2C
49	24TXA42019	Trịnh Quốc Tường	22/05/1996					24TXLD42SP2
50	24TXA42021	Bùi Thị Nhã Viên	19/03/1999					24TXLD42SP2
51	24TX642044	Nguyễn Văn Xuyên	28/12/1997					24TXLC42SP2C

Số S/V Trong Danh Sách: 51 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **An toàn lao động và môi trường công nghiệp - 01 - Số TC: 2** Cán bộ coi thi 1: _____Lớp học phần: **WSIE320425_01TX** Cán bộ coi thi 2: _____CBGD: **Nguyễn Hà Trang (0268)** Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX643053	Phạm Thế By	26/09/2002					24TXLC43SP3
2	24TX643054	Huỳnh Thành Công	24/11/2003					24TXLC43SP3
3	24TX643055	Lê Đặng Mạnh Cường	01/01/1990					24TXLC43SP3
4	24TX843068	Dương Hoàng Duy	17/09/2003					24TXLC43SP3
5	24TX843079	Đoàn Đức Duy	07/09/2005					24TXLC43SP3
6	24TX643056	Ngô Thành Đạt	19/09/2003					24TXLC43SP3
7	24TX643057	Phan Tiến Đạt	13/02/1998					24TXLC43SP3
8	24TX843069	Phạm Tiến Đạt	12/08/2005					24TXLC43SP3
9	24TX643037	Nguyễn Trần Trọng Hiếu	13/04/2003					24TXLC43SP3
10	24TX843071	Nguyễn Trọng Hiếu	15/01/1996					24TXLC43SP3
11	24TX843080	Vũ Ngọc Xuân Hồng	25/04/2000					24TXLC43SP3
12	24TXA24007	Nguyễn Văn Huân	28/02/1997					24TXLD24SP3
13	24TX543003	Bùi Quốc Huy	06/06/1992					24TXLT43SP3
14	24TX643039	Phạm Nhật Huy	14/04/2003					24TXLC43SP3
15	24TX643038	Trần Quốc Huy	29/10/2003					24TXLC43SP3
16	24TX643047	Đình Vĩnh Hùng	16/07/2001					24TXLC43SP3
17	24TX843045	Nguyễn Văn Hưng	07/04/2001					24TXLC43COT3
18	24TX843046	Võ Thành Hưng	20/03/1999					24TXLC43COT3
19	24TX643040	Nguyễn Thành Hữu	01/02/1989					24TXLC43SP3
20	24TX643041	Nguyễn Thành Khải	09/12/1987					24TXLC43SP3
21	24TX843047	Lê Nguyễn Anh Khoa	11/03/2002					24TXLC43COT3
22	24TX543005	Nguyễn Đăng Khoa	24/02/1984					24TXLT43SP3
23	24TX643042	Phan Nguyễn Minh Khởi	12/02/2003					24TXLC43SP3
24	24TX843072	Bùi Tất Kiên	08/02/1993					24TXLC43SP3
25	24TX643034	Huỳnh Bá Liệp	06/10/1993					24TXLC43COT3
26	24TX543007	Trần Văn Long	29/12/1989					24TXLT43SP3
27	24TX843073	Lê Minh	20/11/2003					24TXLC43SP3
28	24TXA24008	Nguyễn Thanh Minh	24/07/1993					24TXLD24SP3
29	24TXA24009	Đặng Lê Nam	16/09/1993					24TXLD24SP3
30	24TXA24010	Huỳnh Thảo Ngân	07/12/1996					24TXLD24SP3
31	24TX643049	Đình Tuấn Nguyên	30/09/1990					24TXLC43SP3
32	24TXA24011	Nguyễn Trần Hữu Nguyên	20/10/2001					24TXLD24SP3
33	24TXA24012	Lê Văn Phúc	21/02/1986					24TXLD24SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **An toàn lao động và môi trường công nghiệp - 01 - Số TC: 2** Cán bộ coi thi 1: _____Lớp học phần: **WSIE320425_01TX** Cán bộ coi thi 2: _____CBGD: **Nguyễn Hà Trang (0268)** Giờ Thi: 09g00 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX843049	Thái Quang Phúc	23/07/2003					24TXLC43COT3
35	24TX843048	Trần Hoàng Phúc	19/01/2002					24TXLC43COT3
36	24TX843082	Tạ Hoàng Quang	14/09/1997					24TXLC43SP3
37	24TX643050	Huỳnh Thanh Quá	24/06/2003					24TXLC43SP3
38	24TXA24013	Trần Anh Quốc	05/07/1989					24TXLD24SP3
39	24TX843075	Huỳnh Lâm Sung	18/12/2002					24TXLC43SP3
40	24TX643045	Mai Duy Tâm	14/04/1999					24TXLC43SP3
41	24TXA24014	Huỳnh Công Tân	10/08/2000					24TXLD24SP3
42	24TX543013	Hồ Hữu Thành	13/10/1990					24TXLT43SP3
43	24TX643052	Tô Chung Thắng	18/09/1996					24TXLC43SP3
44	24TX543014	Tạ Hữu Thiện	10/08/1994					24TXLT43SP3
45	24TXA24016	Nguyễn Đức Thuận	27/05/1984					24TXLD24SP3
46	24TX543015	Võ Văn Thuận	01/03/1996					24TXLT43SP3
47	24TX543011	Phạm Huy Tín	16/07/1991					24TXLT43SP3
48	24TX843050	Trần Quốc Toàn	24/02/2002					24TXLC43COT3
49	24TXA24017	Chế Quang Triều	05/11/1994					24TXLD24SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 49 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Vật lý 1 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **PHYS130902_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Đăng Thành (6555)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX810002	Trần Khánh Duy	01/01/2004					25TXLC10SP2
2	25TX810001	Trần Quốc Dương	18/04/2004					25TXLC10SP2
3	25TX810003	Trương Văn Giáp	05/03/2004					25TXLC10SP2
4	25TX810004	Trần Văn Hậu	09/07/1999					25TXLC10SP2
5	25TX810005	Nguyễn Bảo Hiên	14/08/2004					25TXLC10SP2
6	25TX810006	Lê Trung Hiếu	02/02/1999					25TXLC10SP2
7	25TX810008	Hồ Sỹ Huy	14/11/1999					25TXLC10SP2
8	25TX810009	Nguyễn Minh Khang	21/01/2003					25TXLC10SP2
9	25TX843005	Trần Thanh Khang	30/03/2004					25TXLC43SP2
10	25TX810010	Đào Trần Tuấn Khanh	12/11/2001					25TXLC10SP2
11	25TX843007	Nguyễn Lê Anh Khoa	17/01/1999					25TXLC43SP2
12	25TX843006	Nguyễn Minh Khoa	19/07/1989					25TXLC43SP2
13	25TX810012	Trần Minh Mẫn	19/10/2001					25TXLC10SP2
14	25TX810013	Trần Công Minh	26/10/2002					25TXLC10SP2
15	25TX810014	Phạm Trương Minh Ngọc	15/08/1997					25TXLC10SP2
16	25TX810015	Hồ Nhật Nguyên	12/04/2004					25TXLC10SP2
17	25TX810016	Lê Ngọc Nhân	02/01/1998					25TXLC10SP2
18	25TX810017	Lê Gia Nhật	12/11/2003					25TXLC10SP2
19	25TX810018	Lê Thanh Phát	02/02/2004					25TXLC10SP2
20	25TX810019	Nguyễn Xuân Quỳnh	13/08/1993					25TXLC10SP2
21	25TX810020	Nguyễn Đức Sỹ	08/11/2001					25TXLC10SP2
22	25TX810021	Đặng Thành Tâm	25/07/2004					25TXLC10SP2
23	25TX810022	Đỗ Minh Tâm	28/07/2004					25TXLC10SP2
24	25TX843010	Phạm Hồng Thắng	06/05/1997					25TXLC43SP2
25	25TX810023	Đoàn Thị Mỹ Thiện	26/08/2001					25TXLC10SP2
26	25TX843013	Nguyễn Hữu Thiện	24/02/2003					25TXLC43SP2
27	25TX810024	Lê Nguyễn Chí Thuận	30/07/2006					25TXLC10SP2
28	25TX810025	Nguyễn Duy Thuận	21/01/1997					25TXLC10SP2
29	25TX810026	Ngô Hoài Thương	05/10/2004					25TXLC10SP2
30	25TX810027	Nguyễn Huy Toàn	09/02/2001					25TXLC10SP2
31	25TX810028	Phan Đăng Ngọc Trân	23/08/2003					25TXLC10SP2
32	25TX843014	Nguyễn Hữu Trí	24/02/2003					25TXLC43SP2
33	25TX810029	Nguyễn Mạnh Trường	22/08/2004					25TXLC10SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Vật lý 1 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **PHYS130902_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Đăng Thành (6555)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX843011	Phan Anh Tuấn	29/01/2003					25TXLC43SP2
35	25TX810030	Võ Hoàng Tùng	03/11/1997					25TXLC10SP2
36	25TX843012	Đào Xuân Win	30/10/1998					25TXLC43SP2
37	25TX810031	Hồ Minh Yên	20/04/2001					25TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 37 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Truyền động điện tự động - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELDR346445_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Thị Hồng Hương (6103)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842001	Dương Việt Bắc	24/09/2001					24TXLC42SP2L
2	24TX842004	Lê Xuân Đức	25/02/2002					24TXLC42SP2L
3	24TX842047	Nguyễn Đình Hào	21/11/1999					24TXLC42SP2L
4	24TX842005	Vũ Văn Hậu	03/10/2000					24TXLC42SP2L
5	24TX842007	Hoàng Trọng Hiếu	19/09/1994					24TXLC42SP2L
6	24TX842006	Lê Đức Hiệp	25/12/2001					24TXLC42SP2L
7	24TX842048	Ninh Đắc Hòa	10/11/2000					24TXLC42SP2L
8	24TX842010	Nguyễn Vinh Hưng	22/09/2003					24TXLC42SP2L
9	24TX842013	Huỳnh Nguyên Khoa	02/07/2005					24TXLC42SP2L
10	24TX842014	Trần Anh Kiệt	18/05/2000					24TXLC42SP2L
11	24TX842016	Nguyễn Thành Luân	06/02/1999					24TXLC42SP2L
12	24TX842017	Trần Văn Luận	02/10/1997					24TXLC42SP2L
13	24TX842018	Phan Văn Mẫn	07/09/2002					24TXLC42SP2L
14	24TX842019	Trần Bình Minh	01/10/2003					24TXLC42SP2L
15	24TX842020	Nguyễn Hải Nam	24/05/2003					24TXLC42SP2L
16	24TX842024	Đặng Tấn Nghĩa	31/01/1999					24TXLC42SP2L
17	24TX842023	Nguyễn Hiếu Nghĩa	03/10/2001					24TXLC42SP2L
18	24TX842027	Nguyễn Đức Nguyên	10/09/1995					24TXLC42SP2L
19	24TX842021	Đình Thiện Nhân	19/04/2001					24TXLC42SP2L
20	24TX842022	Tạ Đức Nhật	17/02/2002					24TXLC42SP2L
21	24TX842028	Võ Hoàng Phong	02/01/1999					24TXLC42SP2L
22	24TX842029	Nguyễn Thanh Quyết	27/01/2003					24TXLC42SP2L
23	24TX842031	Hồ Phước Tài	05/06/1999					24TXLC42SP2L
24	24TX842050	Lê Thiên Viễn Tài	10/08/1996					24TXLC42SP2L
25	24TX842032	Nguyễn Quang Nhật Tân	27/10/1999					24TXLC42SP2L
26	24TX842035	Trịnh Thanh Thiêm	10/12/2002					24TXLC42SP2L
27	24TX842036	Đỗ Huỳnh Trung Tín	04/12/1999					24TXLC42SP2L
28	24TX842037	Đỗ Đức Toàn	11/08/2000					24TXLC42SP2L
29	24TX842038	Nông Văn Toàn	06/09/2001					24TXLC42SP2L
30	24TX842040	Nguyễn Bạch Trọng	10/04/2000					24TXLC42SP2L
31	24TX842052	Nguyễn Lê Khánh Trọng	05/12/2002					24TXLC42SP2L
32	24TX842041	Nguyễn Nhật Trung	22/02/2003					24TXLC42SP2L
33	24TX842044	Nguyễn Đức Anh Tú	10/05/2000					24TXLC42SP2L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Truyền động điện tự động - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELDR346445_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Thị Hồng Hương (6103)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX842043	Phan Văn Tú	13/01/1999					24TXLC42SP2L
35	24TX842046	Phạm Như Ý	27/02/2001					24TXLC42SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 35 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Vật lý 1 - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **PHYS130902_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Đăng Thành (6555)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX842001	Võ Tuấn Anh	02/01/2003					25TXLC42SP2L
2	25TX842007	Lê Nhật Duy	07/05/2005					25TXLC42SP2L
3	25TX842004	Nguyễn Văn Dũng	01/11/1998					25TXLC42SP2L
4	25TX842005	Võ Hữu Dương	05/06/2000					25TXLC42SP2L
5	25TX842008	Trần Mạnh Hào	08/11/2000					25TXLC42SP2L
6	25TX842013	Nguyễn Lê Huy	16/06/1997					25TXLC42SP2L
7	25TX842011	Lê Anh Hùng	03/05/1998					25TXLC42SP2L
8	25TX842012	Phùng Cẩm Hùng	01/02/1998					25TXLC42SP2L
9	25TX842014	Nguyễn Chí Khang	23/09/1999					25TXLC42SP2L
10	25TX842015	Ngô Hồng Khanh	02/10/1997					25TXLC42SP2L
11	25TX842016	Lương Trung Khánh	30/03/1991					25TXLC42SP2L
12	25TX842017	Nguyễn Đình Kung	07/10/2004					25TXLC42SP2L
13	25TX842018	Thuận Khánh Nguyên	27/11/1996					25TXLC42SP2L
14	25TX842019	Nguyễn Thế Nhân	15/06/1978					25TXLC42SP2L
15	25TX842023	Nguyễn Thế Quý	11/08/1999					25TXLC42SP2L
16	25TX842025	Thạch Minh Thái	06/11/1995					25TXLC42SP2L
17	25TX842027	Đỗ Trung Tín	02/12/2000					25TXLC42SP2L
18	25TX842028	Phạm Duy Trung	12/10/2003					25TXLC42SP2L
19	25TX842029	Lê Anh Tuấn	07/12/1999					25TXLC42SP2L
20	25TX842030	Dương Thanh Tùng	16/07/1996					25TXLC42SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 20 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kế toán tài chính 2 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **FIAC330907_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thị Hoàng Anh (0499)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX825033	Nguyễn Thị Minh Anh	02/10/2003					24TXLC25SP3
2	24TX825036	Võ Phước Hiền	15/05/1996					24TXLC25SP3
3	24TX825031	Nguyễn Thị Tuyết Kha	22/05/2001					24TXLC25SP3
4	24TX825035	Lê Thị Lan	16/07/2001					24TXLC25SP3
5	24TX825034	Võ Thị Lại	08/11/1993					24TXLC25SP3
6	24TX825030	Lê Thị Thanh Lành	06/12/1992					24TXLC25SP3
7	24TX825029	Phạm Thị Mỹ Nhạn	17/07/2003					24TXLC25SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 7 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kỹ thuật thủy lực - khí nén - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **HYPN221129_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Tưởng Phước Thọ (2063)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX643053	Phạm Thế By	26/09/2002					24TXLC43SP3
2	24TX643054	Huỳnh Thành Công	24/11/2003					24TXLC43SP3
3	24TX643055	Lê Đặng Mạnh Cường	01/01/1990					24TXLC43SP3
4	24TX843068	Dương Hoàng Duy	17/09/2003					24TXLC43SP3
5	24TX843079	Đoàn Đức Duy	07/09/2005					24TXLC43SP3
6	24TX643056	Ngô Thành Đạt	19/09/2003					24TXLC43SP3
7	24TX643057	Phan Tiến Đạt	13/02/1998					24TXLC43SP3
8	24TX843069	Phạm Tiến Đạt	12/08/2005					24TXLC43SP3
9	24TX843044	Hoàng Mạnh Đức	02/06/2002					24TXLC43COT3
10	24TX843070	Nguyễn Thanh Hải	27/07/1993					24TXLC43SP3
11	24TX643037	Nguyễn Trần Trọng Hiếu	13/04/2003					24TXLC43SP3
12	24TX843071	Nguyễn Trọng Hiếu	15/01/1996					24TXLC43SP3
13	24TX843080	Vũ Ngọc Xuân Hồng	25/04/2000					24TXLC43SP3
14	24TX643039	Phạm Nhật Huy	14/04/2003					24TXLC43SP3
15	24TX643038	Trần Quốc Huy	29/10/2003					24TXLC43SP3
16	24TX643047	Đình Vĩnh Hùng	16/07/2001					24TXLC43SP3
17	24TX843045	Nguyễn Văn Hưng	07/04/2001					24TXLC43COT3
18	24TX843046	Võ Thành Hưng	20/03/1999					24TXLC43COT3
19	24TX643040	Nguyễn Thành Hữu	01/02/1989					24TXLC43SP3
20	24TX643041	Nguyễn Thành Khải	09/12/1987					24TXLC43SP3
21	24TX843047	Lê Nguyễn Anh Khoa	11/03/2002					24TXLC43COT3
22	24TX643042	Phan Nguyễn Minh Khởi	12/02/2003					24TXLC43SP3
23	24TX843072	Bùi Tất Kiên	08/02/1993					24TXLC43SP3
24	24TX643034	Huỳnh Bá Liệp	06/10/1993					24TXLC43COT3
25	24TX843073	Lê Minh	20/11/2003					24TXLC43SP3
26	24TX643049	Đình Tuấn Nguyên	30/09/1990					24TXLC43SP3
27	24TX843049	Thái Quang Phúc	23/07/2003					24TXLC43COT3
28	24TX843048	Trần Hoàng Phúc	19/01/2002					24TXLC43COT3
29	24TX843082	Tạ Hoàng Quang	14/09/1997					24TXLC43SP3
30	24TX643050	Huỳnh Thanh Quá	24/06/2003					24TXLC43SP3
31	24TX843075	Huỳnh Lâm Sung	18/12/2002					24TXLC43SP3
32	24TX643045	Mai Duy Tâm	14/04/1999					24TXLC43SP3
33	24TX643052	Tô Chung Thắng	18/09/1996					24TXLC43SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kỹ thuật thủy lực - khí nén - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **HYPN221129_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Tướng Phước Thọ (2063)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX843050	Trần Quốc Toàn	24/02/2002					24TXLC43COT3
35	24TX643046	Phan Văn Tú	27/07/1993					24TXLC43SP3
36	24TX843077	Thạch Vuông	05/10/2003					24TXLC43SP3
37	24TX843078	Huỳnh Văn Vương	18/10/2001					24TXLC43SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 37 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kế toán quốc tế - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **INAC331007_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Hiếu (7081)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX825002	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	02/05/1992					24TXLC25SP2
2	24TX825003	Ngô Lê Thanh Duy	23/03/1991					24TXLC25SP2
3	24TX825006	Phạm Thị Hồng Liên	24/07/1998					24TXLC25SP2
4	24TX825008	Nguyễn Ngọc Trúc Ngân	18/11/2002					24TXLC25SP2
5	24TX825011	Nguyễn Hoàng Phong	21/05/2002					24TXLC25SP2
6	24TX825014	Phan Thị Thuận	25/04/1984					24TXLC25SP2
7	24TX825015	Nguyễn Thị Nhật Thường	09/08/2000					24TXLC25SP2
8	24TX825016	Đinh Thị Trang	10/09/2002					24TXLC25SP2
9	24TX825018	Hoàng Thị Thùy Trang	01/09/2002					24TXLC25SP2
10	24TX825017	Trần Thị Phương Trang	28/08/1991					24TXLC25SP2
11	24TX825013	Đào Thị Tuyết	12/09/2003					24TXLC25SP2
12	24TX825019	Trần Thị Ngọc Yến	17/09/2001					24TXLC25SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 12 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Công nghệ phần mềm - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **SOEN330679_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Thị Tài (6400)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX810056	Lê Sỹ Tuấn Anh	10/02/1999					24TXLC10SP3
2	24TX810057	Nguyễn Quốc Bảo	26/07/2001					24TXLC10SP3
3	24TX810068	Tạ Đặng Anh Dương	11/01/2001					24TXLC10SP3
4	24TX610008	Đặng Tấn Đạt	06/02/1994					24TXLC10SP3
5	24TX610009	Trịnh Hận	15/09/1991					24TXLC10SP3
6	24TX810060	Bùi Chí Hiếu	12/10/1999					24TXLC10SP3
7	24TX810059	Nguyễn Trung Hiếu	30/12/1996					24TXLC10SP3
8	24TX610010	Nguyễn Thanh Huy	17/04/2002					24TXLC10SP3
9	24TX810061	Nguyễn Phát Khang	11/07/2000					24TXLC10SP3
10	24TX810062	Vũ Khanh	08/08/2004					24TXLC10SP3
11	24TX810063	Vương Hoàng Khôi	15/12/2005					24TXLC10SP3
12	24TX810069	Nguyễn Quang Minh	28/02/2002					24TXLC10SP3
13	24TX810064	Nguyễn Thị Diễm My	03/12/2001					24TXLC10SP3
14	24TX610012	Lê Nguyễn Minh Quân	03/03/1993					24TXLC10SP3
15	24TX610013	Bá Hoài Sơn	20/11/1997					24TXLC10SP3
16	24TX610014	Lê Minh Tài	23/11/2003					24TXLC10SP3
17	24TX810065	Bùi Thu Thanh	19/03/2003					24TXLC10SP3
18	24TX810070	Nguyễn Tiến Thành	22/07/2002					24TXLC10SP3
19	24TX810071	Nguyễn Ngọc Thiện	26/01/2001					24TXLC10SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 19 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Vi điều khiển ứng dụng - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **AMIC330133_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Trọng Thức (9990)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX645006	Nguyễn Thị Thúy An	23/02/2003					24TXLC45SP3
2	24TX845097	Đỗ Nguyễn Hoàng Hải	17/01/1996					24TXLC45SP3
3	24TX645014	Nguyễn Minh Hiếu	05/12/1998					24TXLC45SP3
4	24TX845078	Lê Đăng Khoa	24/09/2000					24TXLC45SP3
5	24TX845096	Ngô Thanh Trúc Lâm	04/02/2001					24TXLC45SP3
6	24TX845079	Võ Duy Lộc	21/06/1999					24TXLC45SP3
7	24TX845080	Lê Nguyễn Minh	21/11/2003					24TXLC45SP3
8	24TX845082	Hồ Bảo Nghĩa	05/10/2003					24TXLC45SP3
9	24TX845081	Nguyễn Trọng Nghĩa	22/08/2000					24TXLC45SP3
10	24TX845083	Lê Hoài Ngọc	06/11/2003					24TXLC45SP3
11	24TX845085	Võ Quang Long Phát	10/05/2001					24TXLC45SP3
12	24TX845087	Lê Nguyễn Hoàng Phong	24/11/2000					24TXLC45SP3
13	24TX845088	Ngô Hồng Phong	20/03/2001					24TXLC45SP3
14	24TX845089	Nguyễn Văn Phước	06/06/1998					24TXLC45SP3
15	24TX845067	Đỗ Thanh Sang	18/05/2001					24TXLC45COT3
16	24TX645007	Nguyễn Quang Sang	11/05/1983					24TXLC45SP3
17	24TX845090	Ngô Vòng Hồ Phú Sinh	02/08/2003					24TXLC45SP3
18	24TX845091	Nguyễn Ngọc Sơn	24/03/2002					24TXLC45SP3
19	24TX845093	Nguyễn Duy Thành	06/07/2004					24TXLC45SP3
20	24TX645010	Nguyễn Chí Thái	27/01/1998					24TXLC45SP3
21	24TX645011	Hồ Đức Thuận	20/03/2003					24TXLC45SP3
22	24TX645008	Nguyễn Võ Quốc Toàn	15/10/2003					24TXLC45SP3
23	24TX845094	Phạm Thanh Triêm	12/10/2003					24TXLC45SP3
24	24TX645012	Trần Đức Trí	25/12/2003					24TXLC45SP3
25	24TX845092	Phạm Anh Tuấn	22/08/2001					24TXLC45SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Vi điều khiển ứng dụng - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **AMIC330133_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Trọng Thức (9990)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
26	24TX645013	Nguyễn Hoàng Ý	01/01/1994					24TXLC45SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 26 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Vật lý 1 - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **PHYS130902_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Thạch Trung (0924)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX804001	Nguyễn Hoàng Ân	24/01/2003					25TXLC04SP2
2	25TX845018	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	13/10/2003					25TXLC45SP2
3	25TX804002	Trần Nhật Bảo	24/06/2000					25TXLC04SP2
4	25TX804042	Đặng Chung	19/02/2003					25TXLC04SP2
5	25TX845001	Phan Huy Cường	09/05/1985					25TXLC45SP2
6	25TX804004	Đặng Thanh Duy	17/08/1998					25TXLC04SP2
7	25TX804005	Trần Hoàng Duy	21/07/1999					25TXLC04SP2
8	25TX804006	Trần Quốc Duy	20/08/1986					25TXLC04SP2
9	25TX845019	Nguyễn Ngọc Đà	15/04/2003					25TXLC45SP2
10	25TX804040	Nguyễn Tú Đình	12/08/1994					25TXLC04SP2
11	25TX804007	Hầu Ngọc Hải	01/03/2003					25TXLC04SP2
12	25TX804008	Trần Thiện Hải	01/11/1986					25TXLC04SP2
13	25TX804010	Lê Thị Thu Hằng	22/02/2003					25TXLC04SP2
14	25TX804009	Nguyễn Thái Hân	01/01/2001					25TXLC04SP2
15	25TX845002	Nguyễn Trung Hậu	05/09/1999					25TXLC45SP2
16	25TX845003	Trần Minh Hiếu	12/06/2004					25TXLC45SP2
17	25TX804011	Nguyễn Duy Khang	17/02/2002					25TXLC04SP2
18	25TX845005	Huỳnh Nhật Khánh	01/12/2001					25TXLC45SP2
19	25TX845006	Trần Duy Khánh	12/10/2002					25TXLC45SP2
20	25TX845007	Lê Văn Lâm	22/08/2001					25TXLC45SP2
21	25TX804012	Phạm Hoàng Linh	28/03/2003					25TXLC04SP2
22	25TX804013	Đặng Quốc Long	25/09/2003					25TXLC04SP2
23	25TX845008	Nguyễn Văn Lộc	05/02/2004					25TXLC45SP2
24	25TX804014	Huỳnh Vũ Luân	02/09/2000					25TXLC04SP2
25	25TX804015	Danh Thị Hồng Mai	17/05/2002					25TXLC04SP2
26	25TX804016	Lê Vũ Minh	11/01/1999					25TXLC04SP2
27	25TX804017	Hoàng Thành Nam	17/11/2004					25TXLC04SP2
28	25TX804018	Võ Phạm Ngọc Ngân	23/08/2002					25TXLC04SP2
29	25TX804019	Lê Trọng Nghĩa	21/02/1996					25TXLC04SP2
30	25TX804020	Nguyễn Trọng Nhân	20/01/2001					25TXLC04SP2
31	25TX804021	Trần Thị Trúc Nhi	04/02/2003					25TXLC04SP2
32	25TX804022	Nguyễn Thị Yến Như	01/06/2003					25TXLC04SP2
33	25TX804023	Lê Hoàng Phát	16/12/2001					25TXLC04SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Vật lý 1 - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **PHYS130902_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Thạch Trung (0924)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX804024	Đào Thị Phúc	12/02/2003					25TXLC04SP2
35	25TX845009	Phan Chí Phương	22/07/2003					25TXLC45SP2
36	25TX804025	Nguyễn Lê Hồng	02/06/2002					25TXLC04SP2
37	25TX845010	Nguyễn Văn Quân	10/01/2002					25TXLC45SP2
38	25TX804026	Trần Quốc Qui	02/02/1998					25TXLC04SP2
39	25TX845011	Huỳnh Đức Sơn	24/09/2002					25TXLC45SP2
40	25TX804029	Trịnh Việt Thành	02/07/2005					25TXLC04SP2
41	25TX804028	Nguyễn Đỗ Việt Thắng	13/10/2003					25TXLC04SP2
42	25TX804031	Võ Nguyễn Bảo Thy	03/09/2003					25TXLC04SP2
43	25TX845021	Trần Văn Toàn	25/02/2002					25TXLC45SP2
44	25TX804032	Nguyễn Trọng Trí	31/12/1996					25TXLC04SP2
45	25TX845014	Nguyễn Hữu Trọng	18/09/2002					25TXLC45SP2
46	25TX804034	Đặng Văn Trung	02/09/1994					25TXLC04SP2
47	25TX804033	Lương Nguyễn Minh Trung	27/12/2003					25TXLC04SP2
48	25TX804035	Phạm Trọng Trường	10/06/1999					25TXLC04SP2
49	25TX845016	Đinh Minh Tuấn	19/07/2003					25TXLC45SP2
50	25TX804036	Trần Văn Tuấn	25/05/2001					25TXLC04SP2
51	25TX804037	Chu Thị Tuyền	28/12/1991					25TXLC04SP2
52	25TX804041	Khương Duy Tùng	21/03/1994					25TXLC04SP2
53	25TX845022	Nguyễn Thanh Tú	16/11/2002					25TXLC45SP2
54	25TX804038	Nguyễn Thị Linh Vi	28/11/2003					25TXLC04SP2
55	25TX804039	Nguyễn Thùy Thanh Vy	27/12/2003					25TXLC04SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 55 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Đo lường và cảm biến - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MESE431744_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Huỳnh Thế (6420)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842135	Nguyễn Thành An	31/08/2000					24TXLC42SP3L
2	24TX542001	Lê Đức Anh	04/03/2003					24TXLT42SP2
3	24TX842136	Trần Hoài Ân	17/04/2003					24TXLC42SP3L
4	24TX842126	Bùi Thái Bảo	12/01/2002					24TXLC42SP3L
5	24TX642079	Hồ Năng Bảo	24/06/2000					24TXLC42SP3C
6	24TX542003	Dương Hữu Biên	12/09/1993					24TXLT42SP2
7	24TX542004	Đỗ Thanh Bình	14/12/2002					24TXLT42SP2
8	24TX842127	Trần Văn Cảnh	15/01/1995					24TXLC42SP3L
9	24TX542005	Trần Thanh Chung	04/11/2000					24TXLT42SP2
10	24TX642070	Nguyễn Mạnh Cường	05/12/1995					24TXLC42SP3C
11	24TX642072	Nguyễn Bảo Duy	04/12/2000					24TXLC42SP3C
12	24TX542006	Bùi Hoàng Dù	13/02/1994					24TXLT42SP2
13	24TX642081	Đinh Hoài Dương	12/07/2001					24TXLC42SP3C
14	24TX642080	Phạm Minh Dương	11/06/2000					24TXLC42SP3C
15	24TX542007	Nguyễn Hải Đăng	11/12/1996					24TXLT42SP2
16	24TX842138	Đỗ Đại Đồng	18/09/2003					24TXLC42SP3L
17	24TX842155	Hoàng Minh Đức	20/12/2003					24TXLC42SP3L
18	24TX642082	Hoàng Trường Giang	04/04/2003					24TXLC42SP3C
19	24TX842139	Nguyễn Văn Giáp	08/07/1998					24TXLC42SP3L
20	24TX842141	Nguyễn Châu Đình Hiếu	10/02/1998					24TXLC42SP3L
21	24TX842140	Vũ Minh Hiếu	22/02/2004					24TXLC42SP3L
22	24TX542009	Trần Mộng Hoài	08/05/1999					24TXLT42SP2
23	24TX642092	Nguyễn Thái Hoàng	21/06/1996					24TXLC42SP3C
24	24TX642083	Nguyễn Viết Hòa	15/09/1995					24TXLC42SP3C
25	24TX642091	Nguyễn Anh Huy	28/11/1993					24TXLC42SP3C
26	24TX842142	Phan Gia Huy	12/12/2001					24TXLC42SP3L
27	24TX842156	Trần Lữ Gia Huy	05/03/2005					24TXLC42SP3L
28	24TX842143	Võ Quốc Huy	05/12/2000					24TXLC42SP3L
29	24TX842158	Hà Nguyễn Minh Hùng	16/04/2002					24TXLC42SP3L
30	24TX542023	Hoàng Văn Hưng	07/08/1991					24TXLT42SP2
31	24TX642074	Trần Hoàng Kha	05/02/1996					24TXLC42SP3C
32	24TX642075	Nguyễn Tuấn Khang	25/03/1996					24TXLC42SP3C
33	24TX842160	Trịnh Đức Khanh	27/11/1987					24TXLC42SP3L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Đo lường và cảm biến - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MESE431744_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Huỳnh Thế (6420)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX842161	Lê Văn Khánh	03/05/1987					24TXLC42SP3L
35	24TX642076	Nguyễn Trần Đăng Khoa	03/12/1999					24TXLC42SP3C
36	24TX842128	Đào Trung Kiên	18/06/1992					24TXLC42SP3L
37	24TX842159	Dương Tuấn Kiệt	10/05/2003					24TXLC42SP3L
38	24TX842129	Quách Văn Kỳ	24/10/2002					24TXLC42SP3L
39	24TX642094	Thái Hoàng Lộc	18/03/2003					24TXLC42SP3C
40	24TX842146	Trương Văn Lợi	15/10/1999					24TXLC42SP3L
41	24TX842147	Đỗ Văn Luận	28/12/1997					24TXLC42SP3L
42	24TX642095	Đỗ Ngọc Lý	06/02/1985					24TXLC42SP3C
43	24TX842148	Phạm Công Lý	06/06/2002					24TXLC42SP3L
44	24TX542010	Nguyễn Thái Minh	14/09/1979					24TXLT42SP2
45	24TX842149	Trần Kiều Minh	11/03/2003					24TXLC42SP3L
46	24TX542011	Đặng Quốc Nhân	22/06/1999					24TXLT42SP2
47	24TX642086	Trương Đình Phi	25/05/1981					24TXLC42SP3C
48	24TX542014	Nguyễn Đình Phú	14/03/1995					24TXLT42SP2
49	24TX642087	Trịnh Tuấn Phương	06/07/1997					24TXLC42SP3C
50	24TX842150	Lộ Phú Việt Quang	15/04/2003					24TXLC42SP3L

Số S/V Trong Danh Sách: 50 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Đo lường và cảm biến - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MESE431744_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Huỳnh Thế (6420)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842130	Vũ Hồng Nhật Quang	17/01/2002					24TXLC42SP3L
2	24TX842131	Nguyễn Minh Quân	01/07/2005					24TXLC42SP3L
3	24TX842132	Võ Anh Quân	30/05/2003					24TXLC42SP3L
4	24TX842162	Vũ Minh Sang	03/05/2000					24TXLC42SP3L
5	24TX642088	Trần Văn Sao	15/05/1998					24TXLC42SP3C
6	24TX842163	Quách Văn Sáu	12/09/1986					24TXLC42SP3L
7	24TX842133	Lại Thanh Sơn	09/01/2000					24TXLC42SP3L
8	24TX842151	Nguyễn Quốc Văn Sơn	17/03/2000					24TXLC42SP3L
9	24TX842166	Đậu Văn Thành	01/05/1999					24TXLC42SP3L
10	24TX542016	Nguyễn Văn Thành	30/01/1999					24TXLT42SP2
11	24TX642077	Huỳnh Trọng Thảo	16/01/1996					24TXLC42SP3C
12	24TX842152	Lê Lý Hoàng Thái	28/08/2002					24TXLC42SP3L
13	24TX842165	Đào Minh Thạch	17/02/1993					24TXLC42SP3L
14	24TX642078	Nguyễn Tấn Thiện	28/05/2002					24TXLC42SP3C
15	24TX842134	Phan Gia Thịnh	22/12/1999					24TXLC42SP3L
16	24TX542017	Nguyễn Ngọc Tiến	09/01/1994					24TXLT42SP2
17	24TX642089	Bùi Xuân Toàn	20/10/1987					24TXLC42SP3C
18	24TX842167	Lâm Thanh Ngọc Trường	04/01/1999					24TXLC42SP3L
19	24TX542020	Nguyễn Quang Trường	17/01/2004					24TXLT42SP2
20	24TX642090	Lê Quang Ty	25/11/2001					24TXLC42SP3C
21	24TX842168	Võ Thành Vinh	10/02/1995					24TXLC42SP3L

Số S/V Trong Danh Sách: 21 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Đo lường và cảm biến - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MESE431744_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Huỳnh Thế (6420)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TXA42001	Lê Trường Bình	24/05/1995					25TXLD42SP2
2	25TXA42002	Trần Viết Cường	04/10/1997					25TXLD42SP2
3	25TXA42005	Lê Dương Nhật Duy	05/04/1996					25TXLD42SP2
4	25TXA42003	Đặng Thanh Điền	22/11/1981					25TXLD42SP2
5	25TXA42004	Phạm Trung Đức	05/01/2000					25TXLD42SP2
6	25TXA42006	Đặng Minh Huy	14/04/2001					25TXLD42SP2
7	25TXA42007	Nguyễn Ngọc Đồng Khánh	31/07/1997					25TXLD42SP2
8	25TXA42008	Nguyễn Phấn Khởi	06/03/1992					25TXLD42SP2
9	25TXA42009	Trần Trung Kiên	29/08/1994					25TXLD42SP2
10	25TXA42011	Nguyễn Hữu Mẫn	03/01/1997					25TXLD42SP2
11	25TXA42012	Nguyễn Nhật Minh	17/07/1996					25TXLD42SP2
12	25TXA42013	Trịnh Công Anh Minh	10/09/1991					25TXLD42SP2
13	25TXA42016	Trần Văn Phương	01/07/1985					25TXLD42SP2
14	25TXA42017	Trần Ngọc Quyền	22/06/2001					25TXLD42SP2
15	25TXA42018	Ôn Thanh Thông	03/06/1978					25TXLD42SP2
16	25TXA42019	Đỗ Cao Trí	06/06/1994					25TXLD42SP2
17	25TXA42021	Đỗ Trương Trọng Tuấn	04/04/1996					25TXLD42SP2
18	25TXA42020	Nguyễn Thanh Tú	08/08/1998					25TXLD42SP2
19	25TXA42022	Hồ Phương Vũ	14/05/1987					25TXLD42SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 19 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Đo lường và cảm biến - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MESE431744_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Huỳnh Thế (6420)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842079	Phạm Ngọc Chung	16/01/2001					24TXLC42COT3
2	24TX842081	Nguyễn Công Hải	03/04/2001					24TXLC42COT3
3	24TX842082	Nguyễn Tuấn Kiệt	23/12/2003					24TXLC42COT3
4	24TX842084	Lê Thanh Nam	14/08/2000					24TXLC42COT3
5	24TX842086	Ngô Công Thắng	15/12/2001					24TXLC42COT3
6	24TX842169	Nguyễn Tinh	21/08/1998					24TXLC42COT3

Số S/V Trong Danh Sách: 6 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Truyền động điện tự động - 02 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELDR346445_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Thị Hồng Hương (6103)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX642002	Trần Chí Công	22/06/2002					24TXLC42SP2C
2	24TX642003	Phạm Đình Cương	01/01/1991					24TXLC42SP2C
3	24TX642004	Nguyễn Thanh Danh	01/02/1997					24TXLC42SP2C
4	24TX642005	Võ Trần Duy Danh	08/04/2002					24TXLC42SP2C
5	24TXA42022	Ngô Phương Đào	04/04/1985					24TXLD42SP2
6	24TX642006	Lê Quang Đạo	17/02/1998					24TXLC42SP2C
7	24TX642007	Nguyễn Minh Đức	26/05/2001					24TXLC42SP2C
8	24TX642008	Nguyễn Hoàng Hải	08/10/2001					24TXLC42SP2C
9	24TX642010	Đỗ Thanh Hoàng	08/09/2001					24TXLC42SP2C
10	24TXA42003	Trương Thái Hoàng	08/08/1998					24TXLD42SP2
11	24TX642014	Phan Nguyễn Gia Huy	02/12/1998					24TXLC42SP2C
12	24TX642011	Nguyễn Thái Thanh Hùng	03/08/1993					24TXLC42SP2C
13	24TX642012	Nguyễn Trọng Hữu	21/11/2001					24TXLC42SP2C
14	24TX642015	Trần Hữu Khang	21/08/2000					24TXLC42SP2C
15	24TX642016	Lê Sanh Đăng Khoa	18/01/2002					24TXLC42SP2C
16	24TX642017	Đỗ Hoàng Khôi	27/09/2002					24TXLC42SP2C
17	24TX642018	Phạm Văn Khôi	31/08/2001					24TXLC42SP2C
18	24TX642021	Đặng Văn Lanh	06/09/1990					24TXLC42SP2C
19	24TX642019	Dương Trí Tùng Lâm	25/11/1999					24TXLC42SP2C
20	24TX642020	Phan Tường Lân	15/06/1997					24TXLC42SP2C
21	24TXA42005	Nguyễn Văn Linh	22/08/1989					24TXLD42SP2
22	24TXA42006	Nguyễn Đình Long	04/09/1994					24TXLD42SP2
23	24TXA42007	Nguyễn Hữu Long	19/04/1999					24TXLD42SP2
24	24TX642023	Võ Việt Luân	27/06/1992					24TXLC42SP2C
25	24TX642022	Huỳnh Minh Luận	17/10/2001					24TXLC42SP2C
26	24TX642024	Trần Công Minh	25/08/1998					24TXLC42SP2C
27	24TXA42009	Trương Vũ Khôi Nguyên	04/09/1995					24TXLD42SP2
28	24TX642046	Hồ Trọng Nhân	03/10/2002					24TXLC42SP2C
29	24TX642026	Nguyễn Minh Nhựt	11/11/1998					24TXLC42SP2C
30	24TX642027	Lương Đại Phát	19/10/2001					24TXLC42SP2C
31	24TX642028	Lâm Quốc Phong	30/08/1998					24TXLC42SP2C
32	24TX642029	Lê Huỳnh Phúc	16/08/2000					24TXLC42SP2C
33	24TXA42011	Võ Minh Quang	17/05/1998					24TXLD42SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Truyền động điện tự động - 02 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELDR346445_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Thị Hồng Hương (6103)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX642030	Nguyễn Lê Quý	18/07/1997					24TXLC42SP2C
35	24TX642031	Nguyễn Hoàng Sang	28/08/1999					24TXLC42SP2C
36	24TX642032	Nguyễn Huỳnh Thành Tài	15/08/1999					24TXLC42SP2C
37	24TX642034	Đặng Văn Thành	16/09/1993					24TXLC42SP2C
38	24TXA42014	Phan Châu Thành	24/03/2000					24TXLD42SP2
39	24TXA42012	Lâm Hoàng Thạch	06/02/1987					24TXLD42SP2
40	24TX642035	Lê Nguyễn Hữu Thiện	26/04/2002					24TXLC42SP2C
41	24TXA42018	Nguyễn Duy Trinh	04/08/1997					24TXLD42SP2
42	24TX642038	Doãn Triết Trí	24/05/2000					24TXLC42SP2C
43	24TX642039	Nguyễn Đức Trọng	29/09/1997					24TXLC42SP2C
44	24TX642041	Đoàn Thanh Trung	14/04/1995					24TXLC42SP2C
45	24TX642040	Đoàn Thái Trung	16/07/1997					24TXLC42SP2C
46	24TX642050	Phan Thanh Tuấn	08/01/1999					24TXLC42SP2C
47	24TXA42020	Trần Anh Tuyên	27/03/1993					24TXLD42SP2
48	24TX642051	Trần Hoàng Tú	02/02/1994					24TXLC42SP2C
49	24TXA42019	Trịnh Quốc Tường	22/05/1996					24TXLD42SP2
50	24TXA42021	Bùi Thị Nhã Viên	19/03/1999					24TXLD42SP2
51	24TX642044	Nguyễn Văn Xuyên	28/12/1997					24TXLC42SP2C

Số S/V Trong Danh Sách: 51 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Tin học ứng dụng - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **APCM230307_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Quang Bình (6810)**

Giờ Thi: 10g30 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A5-203

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX825001	Nguyễn Thị Diễm	02/10/1991					25TXLC25SP2
2	25TX825002	Lê Mỹ Duyên	04/07/1998					25TXLC25SP2
3	25TX825003	Trương Diệp Thúy	10/01/2001					25TXLC25SP2
4	25TX825004	Nguyễn Duy Khang	26/07/1998					25TXLC25SP2
5	25TX825005	Nguyễn Thị Thanh Loan	30/05/2003					25TXLC25SP2
6	25TX825006	Mai Thị Loan	11/06/1999					25TXLC25SP2
7	25TX825007	Lê Thị Cẩm Ly	06/04/2004					25TXLC25SP2
8	25TX825008	Bùi Đình Mạnh	26/08/2000					25TXLC25SP2
9	25TX825010	Trần Nguyễn Kim Ngọc	30/09/2003					25TXLC25SP2
10	25TX825011	Đặng Thị Thu Nguyệt	01/04/2002					25TXLC25SP2
11	25TX825012	Phạm Tú Nhi	04/11/1991					25TXLC25SP2
12	25TX825013	Hoàng Thị Hương Sen	16/11/1996					25TXLC25SP2
13	25TX825014	Huỳnh Thị Thu Thanh	24/02/1994					25TXLC25SP2
14	25TX825015	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/10/1999					25TXLC25SP2
15	25TX825017	Hoàng Thị Thu Trân	15/01/1991					25TXLC25SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 15 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) - 01 - Số TC: 1**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **GDQP110531_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Văn Quang (7052)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX825030	Lê Thị Thanh Lành	06/12/1992					24TXLC25SP3
2	24TX845096	Ngô Thanh Trúc Lâm	04/02/2001					24TXLC45SP3
3	24TX845079	Võ Duy Lộc	21/06/1999					24TXLC45SP3
4	24TX845080	Lê Nguyễn Minh	21/11/2003					24TXLC45SP3
5	24TX810069	Nguyễn Quang Minh	28/02/2002					24TXLC10SP3
6	24TX810064	Nguyễn Thị Diễm My	03/12/2001					24TXLC10SP3
7	24TX845082	Hồ Bảo Nghĩa	05/10/2003					24TXLC45SP3
8	24TX845081	Nguyễn Trọng Nghĩa	22/08/2000					24TXLC45SP3
9	24TX845083	Lê Hoài Ngọc	06/11/2003					24TXLC45SP3
10	24TX825029	Phạm Thị Mỹ Nham	17/07/2003					24TXLC25SP3
11	24TX845085	Võ Quang Long Phát	10/05/2001					24TXLC45SP3
12	24TX845087	Lê Nguyễn Hoàng Phong	24/11/2000					24TXLC45SP3
13	24TX845088	Ngô Hồng Phong	20/03/2001					24TXLC45SP3
14	24TX845089	Nguyễn Văn Phước	06/06/1998					24TXLC45SP3
15	24TX610012	Lê Nguyễn Minh Quân	03/03/1993					24TXLC10SP3
16	24TX845067	Đỗ Thanh Sang	18/05/2001					24TXLC45COT3
17	24TX645007	Nguyễn Quang Sang	11/05/1983					24TXLC45SP3
18	24TX845090	Ngô Vòng Hồ Phú Sinh	02/08/2003					24TXLC45SP3
19	24TX610013	Bá Hoài Sơn	20/11/1997					24TXLC10SP3
20	24TX845091	Nguyễn Ngọc Sơn	24/03/2002					24TXLC45SP3
21	24TX610014	Lê Minh Tài	23/11/2003					24TXLC10SP3
22	24TX810065	Bùi Thu Thanh	19/03/2003					24TXLC10SP3
23	24TX845093	Nguyễn Duy Thành	06/07/2004					24TXLC45SP3
24	24TX810070	Nguyễn Tiến Thành	22/07/2002					24TXLC10SP3
25	24TX645010	Nguyễn Chí Thái	27/01/1998					24TXLC45SP3
26	24TX810071	Nguyễn Ngọc Thiện	26/01/2001					24TXLC10SP3
27	24TX645011	Hồ Đắc Thuận	20/03/2003					24TXLC45SP3
28	24TX645008	Nguyễn Võ Quốc Toàn	15/10/2003					24TXLC45SP3
29	24TX845094	Phạm Thanh Triêm	12/10/2003					24TXLC45SP3
30	24TX645012	Trần Đức Trí	25/12/2003					24TXLC45SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) - 01 - Số TC: 1**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **GDQP110531_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Văn Quang (7052)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
31	24TX845092	Phạm Anh Tuấn	22/08/2001					24TXLC45SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 31 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kỹ thuật Vi Xử Lý - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MICR330363_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lâm Quang Chuyên (0367)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX842001	Dương Việt Bắc	24/09/2001					24TXLC42SP2L
2	24TX842004	Lê Xuân Đức	25/02/2002					24TXLC42SP2L
3	24TX842047	Nguyễn Đình Hào	21/11/1999					24TXLC42SP2L
4	24TX842005	Vũ Văn Hậu	03/10/2000					24TXLC42SP2L
5	24TX842007	Hoàng Trọng Hiếu	19/09/1994					24TXLC42SP2L
6	24TX842006	Lê Đức Hiệp	25/12/2001					24TXLC42SP2L
7	24TX842048	Ninh Đắc Hòa	10/11/2000					24TXLC42SP2L
8	24TX842010	Nguyễn Vinh Hưng	22/09/2003					24TXLC42SP2L
9	24TX842013	Huỳnh Nguyên Khoa	02/07/2005					24TXLC42SP2L
10	24TX842014	Trần Anh Kiệt	18/05/2000					24TXLC42SP2L
11	24TX842016	Nguyễn Thành Luân	06/02/1999					24TXLC42SP2L
12	24TX842017	Trần Văn Luận	02/10/1997					24TXLC42SP2L
13	24TX842018	Phan Văn Mẫn	07/09/2002					24TXLC42SP2L
14	24TX842019	Trần Bình Minh	01/10/2003					24TXLC42SP2L
15	24TX842020	Nguyễn Hải Nam	24/05/2003					24TXLC42SP2L
16	24TX842024	Đặng Tấn Nghĩa	31/01/1999					24TXLC42SP2L
17	24TX842023	Nguyễn Hiếu Nghĩa	03/10/2001					24TXLC42SP2L
18	24TX842027	Nguyễn Đức Nguyên	10/09/1995					24TXLC42SP2L
19	24TX842021	Đình Thiện Nhân	19/04/2001					24TXLC42SP2L
20	24TX842022	Tạ Đức Nhật	17/02/2002					24TXLC42SP2L
21	24TX842028	Võ Hoàng Phong	02/01/1999					24TXLC42SP2L
22	24TX842029	Nguyễn Thanh Quyết	27/01/2003					24TXLC42SP2L
23	24TX842031	Hồ Phước Tài	05/06/1999					24TXLC42SP2L
24	24TX842050	Lê Thiên Viễn Tài	10/08/1996					24TXLC42SP2L
25	24TX842032	Nguyễn Quang Nhật Tân	27/10/1999					24TXLC42SP2L
26	24TX842035	Trịnh Thanh Thiêm	10/12/2002					24TXLC42SP2L
27	24TX842036	Đỗ Huỳnh Trung Tín	04/12/1999					24TXLC42SP2L
28	24TX842037	Đỗ Đức Toàn	11/08/2000					24TXLC42SP2L
29	24TX842038	Nông Văn Toàn	06/09/2001					24TXLC42SP2L
30	24TX842040	Nguyễn Bạch Trọng	10/04/2000					24TXLC42SP2L
31	24TX842052	Nguyễn Lê Khánh Trọng	05/12/2002					24TXLC42SP2L
32	24TX842041	Nguyễn Nhật Trung	22/02/2003					24TXLC42SP2L
33	24TX842044	Nguyễn Đức Anh Tú	10/05/2000					24TXLC42SP2L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kỹ thuật Vi Xử Lý - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MICR330363_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lâm Quang Chuyên (0367)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX842043	Phan Văn Tú	13/01/1999					24TXLC42SP2L
35	24TX842046	Phạm Như Ý	27/02/2001					24TXLC42SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 35 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTQP) - 02 - Số TC: 1**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **GDQP110531_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Văn Lương (9753)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX643053	Phạm Thế By	26/09/2002					24TXLC43SP3
2	24TX643054	Huỳnh Thành Công	24/11/2003					24TXLC43SP3
3	24TX643055	Lê Đặng Mạnh Cường	01/01/1990					24TXLC43SP3
4	24TX843068	Dương Hoàng Duy	17/09/2003					24TXLC43SP3
5	24TX843079	Đoàn Đức Duy	07/09/2005					24TXLC43SP3
6	24TX643056	Ngô Thành Đạt	19/09/2003					24TXLC43SP3
7	24TX843069	Phạm Tiến Đạt	12/08/2005					24TXLC43SP3
8	24TX843044	Hoàng Mạnh Đức	02/06/2002					24TXLC43COT3
9	24TX843070	Nguyễn Thanh Hải	27/07/1993					24TXLC43SP3
10	24TX643037	Nguyễn Trần Trọng Hiếu	13/04/2003					24TXLC43SP3
11	24TX843071	Nguyễn Trọng Hiếu	15/01/1996					24TXLC43SP3
12	24TX843080	Vũ Ngọc Xuân Hồng	25/04/2000					24TXLC43SP3
13	24TX643039	Phạm Nhật Huy	14/04/2003					24TXLC43SP3
14	24TX643038	Trần Quốc Huy	29/10/2003					24TXLC43SP3
15	24TX643047	Đình Vĩnh Hùng	16/07/2001					24TXLC43SP3
16	24TX843045	Nguyễn Văn Hưng	07/04/2001					24TXLC43COT3
17	24TX843046	Võ Thành Hưng	20/03/1999					24TXLC43COT3
18	24TX643040	Nguyễn Thành Hữu	01/02/1989					24TXLC43SP3
19	24TX643041	Nguyễn Thành Khải	09/12/1987					24TXLC43SP3
20	24TX843047	Lê Nguyễn Anh Khoa	11/03/2002					24TXLC43COT3
21	24TX643042	Phan Nguyễn Minh Khởi	12/02/2003					24TXLC43SP3
22	24TX843072	Bùi Tất Kiên	08/02/1993					24TXLC43SP3
23	24TX643034	Huỳnh Bá Liệp	06/10/1993					24TXLC43COT3
24	24TX843073	Lê Minh	20/11/2003					24TXLC43SP3
25	24TX643049	Đình Tuấn Nguyên	30/09/1990					24TXLC43SP3
26	24TX843049	Thái Quang Phúc	23/07/2003					24TXLC43COT3
27	24TX843048	Trần Hoàng Phúc	19/01/2002					24TXLC43COT3
28	24TX843082	Tạ Hoàng Quang	14/09/1997					24TXLC43SP3
29	24TX643050	Huỳnh Thanh Quá	24/06/2003					24TXLC43SP3
30	24TX843075	Huỳnh Lâm Sung	18/12/2002					24TXLC43SP3
31	24TX643045	Mai Duy Tâm	14/04/1999					24TXLC43SP3
32	24TX643052	Tô Chung Thắng	18/09/1996					24TXLC43SP3
33	24TX843050	Trần Quốc Toàn	24/02/2002					24TXLC43COT3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) - 02 - Số TC: 1**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **GDQP110531_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Văn Lương (9753)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	24TX643046	Phan Văn Tú	27/07/1993					24TXLC43SP3
35	24TX843077	Thạch Vuông	05/10/2003					24TXLC43SP3
36	24TX843078	Huỳnh Văn Vương	18/10/2001					24TXLC43SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 36 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Mạch điện - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELCH140144_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Thị Thanh Hoàng (1207)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX542030	Nguyễn Quyền Anh	30/10/1996					24TXLT42SP3
2	25TXA42001	Lê Trường Bình	24/05/1995					25TXLD42SP2
3	25TXA42002	Trần Viết Cường	04/10/1997					25TXLD42SP2
4	25TXA42005	Lê Dương Nhật Duy	05/04/1996					25TXLD42SP2
5	24TX542031	Nguyễn Văn Đạt	06/03/1995					24TXLT42SP3
6	25TXA42003	Đặng Thanh Điền	22/11/1981					25TXLD42SP2
7	25TXA42004	Phạm Trung Đức	05/01/2000					25TXLD42SP2
8	24TX542032	Nguyễn Văn Hải	10/02/1994					24TXLT42SP3
9	24TX542033	Nguyễn Thanh Hiếu	06/02/1988					24TXLT42SP3
10	24TX542034	Đoàn Nguyễn Duy Hòa	12/08/1990					24TXLT42SP3
11	25TXA42006	Đặng Minh Huy	14/04/2001					25TXLD42SP2
12	25TXA42007	Nguyễn Ngọc Đồng Khánh	31/07/1997					25TXLD42SP2
13	24TX542035	Vũ Đắc Khánh	14/09/1995					24TXLT42SP3
14	25TXA42008	Nguyễn Phần Khởi	06/03/1992					25TXLD42SP2
15	25TXA42009	Trần Trung Kiên	29/08/1994					25TXLD42SP2
16	25TXA42011	Nguyễn Hữu Mẫn	03/01/1997					25TXLD42SP2
17	25TXA42012	Nguyễn Nhật Minh	17/07/1996					25TXLD42SP2
18	25TXA42013	Trịnh Công Anh Minh	10/09/1991					25TXLD42SP2
19	25TXA42016	Trần Văn Phương	01/07/1985					25TXLD42SP2
20	24TX542036	Võ Cao Quốc	20/10/1986					24TXLT42SP3
21	25TXA42017	Trần Ngọc Quyền	22/06/2001					25TXLD42SP2
22	24TX542037	Phạm Đức Sơn	12/10/1981					24TXLT42SP3
23	25TXA42018	Ôn Thanh Thông	03/06/1978					25TXLD42SP2
24	25TXA42019	Đỗ Cao Trí	06/06/1994					25TXLD42SP2
25	25TXA42021	Đỗ Trương Trọng Tuấn	04/04/1996					25TXLD42SP2
26	24TX542038	Đỗ Văn Tú	01/01/1997					24TXLT42SP3
27	25TXA42020	Nguyễn Thanh Tú	08/08/1998					25TXLD42SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Mạch điện - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELCH140144_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Thị Thanh Hoàng (1207)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
28	25TXA42022	Hồ Phương Vũ	14/05/1987					25TXLD42SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 28 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Cơ kỹ thuật - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ENME142020_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Thanh Nhân (4972)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX543001	Trần Thanh Hải	12/12/1971					24TXLT43SP3
2	24TX543003	Bùi Quốc Huy	06/06/1992					24TXLT43SP3
3	24TX543005	Nguyễn Đăng Khoa	24/02/1984					24TXLT43SP3
4	24TX543007	Trần Văn Long	29/12/1989					24TXLT43SP3
5	24TX543013	Hồ Hữu Thành	13/10/1990					24TXLT43SP3
6	24TX543014	Tạ Hữu Thiện	10/08/1994					24TXLT43SP3
7	24TX543015	Võ Văn Thuận	01/03/1996					24TXLT43SP3
8	24TX543011	Phạm Huy Tín	16/07/1991					24TXLT43SP3
9	24TX543012	Lê Văn Tuấn	04/11/1994					24TXLT43SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 9 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Kế toán hành chính sự nghiệp - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **APAC330607_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Đào Thị Kim Yến (0714)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX825002	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	02/05/1992					24TXLC25SP2
2	24TX825003	Ngô Lê Thanh Duy	23/03/1991					24TXLC25SP2
3	24TX825006	Phạm Thị Hồng Liên	24/07/1998					24TXLC25SP2
4	24TX825008	Nguyễn Ngọc Trúc Ngân	18/11/2002					24TXLC25SP2
5	24TX825011	Nguyễn Hoàng Phong	21/05/2002					24TXLC25SP2
6	24TX825014	Phan Thị Thuận	25/04/1984					24TXLC25SP2
7	24TX825015	Nguyễn Thị Nhật Thường	09/08/2000					24TXLC25SP2
8	24TX825016	Đinh Thị Trang	10/09/2002					24TXLC25SP2
9	24TX825018	Hoàng Thị Thùy Trang	01/09/2002					24TXLC25SP2
10	24TX825017	Trần Thị Phương Trang	28/08/1991					24TXLC25SP2
11	24TX825013	Đào Thị Tuyết	12/09/2003					24TXLC25SP2
12	24TX825019	Trần Thị Ngọc Yến	17/09/2001					24TXLC25SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 12 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Khí cụ điện - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ELIN330444_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Quang Thanh Thanh (4710)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TXA42038	Lê Thụy Hồng Công	04/06/1990					24TXLD42SP3
2	24TXA42044	Phan Trí Dũng	08/09/1996					24TXLD42SP3
3	24TXA42043	Nguyễn Khánh Dương	05/02/1993					24TXLD42SP3
4	24TXA42025	Nguyễn Hồng Đức	27/11/2000					24TXLD42SP3
5	24TXA42039	Nguyễn Thành Đức	16/01/1972					24TXLD42SP3
6	24TXA42040	Trần Văn Hạt	17/03/1993					24TXLD42SP3
7	24TXA42026	Phạm Thúy Văn Khanh	06/01/1998					24TXLD42SP3
8	24TXA42027	Nguyễn Chí Linh	11/10/1992					24TXLD42SP3
9	24TXA42031	Lâm Tấn Phát	22/05/1997					24TXLD42SP3
10	24TXA42030	Lê Hồ Tấn Phát	28/02/1993					24TXLD42SP3
11	24TXA42033	Trần Văn Sơn	10/06/1993					24TXLD42SP3
12	24TXA42034	Huỳnh Võ Tuấn Tài	22/04/2002					24TXLD42SP3
13	24TXA42041	Võ Ngọc Thắng	10/02/1999					24TXLD42SP3
14	24TXA42042	Nguyễn Cao Trung	16/09/1995					24TXLD42SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 14 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) - 01 - Số TC: 1**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **GDQP110531_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Văn Quang (7052)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX645006	Nguyễn Thị Thúy An	23/02/2003					24TXLC45SP3
2	24TX810056	Lê Sỹ Tuấn	10/02/1999					24TXLC10SP3
3	24TX825033	Nguyễn Thị Minh	02/10/2003					24TXLC25SP3
4	24TX810057	Nguyễn Quốc	26/07/2001					24TXLC10SP3
5	24TX810068	Tạ Đặng Anh	11/01/2001					24TXLC10SP3
6	24TX610008	Đặng Tấn	06/02/1994					24TXLC10SP3
7	24TX845097	Đỗ Nguyễn Hoàng	17/01/1996					24TXLC45SP3
8	24TX610009	Trịnh	15/09/1991					24TXLC10SP3
9	24TX825036	Võ Phước	15/05/1996					24TXLC25SP3
10	24TX810060	Bùi Chí	12/10/1999					24TXLC10SP3
11	24TX645014	Nguyễn Minh	05/12/1998					24TXLC45SP3
12	24TX610010	Nguyễn Thanh	17/04/2002					24TXLC10SP3
13	24TX825031	Nguyễn Thị Tuyết	22/05/2001					24TXLC25SP3
14	24TX810061	Nguyễn Phát	11/07/2000					24TXLC10SP3
15	24TX810062	Vũ	08/08/2004					24TXLC10SP3
16	24TX845078	Lê Đăng	24/09/2000					24TXLC45SP3
17	24TX810063	Vương Hoàng	15/12/2005					24TXLC10SP3
18	24TX825035	Lê Thị	16/07/2001					24TXLC25SP3
19	24TX825034	Võ Thị	08/11/1993					24TXLC25SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 19 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) - 04 - Số TC: 1**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **GDQP110531_04TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Anh Vĩnh (6403)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX804001	Nguyễn Hoàng Ân	24/01/2003					25TXLC04SP2
2	25TX804002	Trần Nhật Bảo	24/06/2000					25TXLC04SP2
3	25TX804042	Đặng Chung	19/02/2003					25TXLC04SP2
4	25TX604001	Bùi Kiên Cường	02/10/1993					25TXLC04SP2
5	25TX804004	Đặng Thanh Duy	17/08/1998					25TXLC04SP2
6	25TX804005	Trần Hoàng Duy	21/07/1999					25TXLC04SP2
7	25TX804006	Trần Quốc Duy	20/08/1986					25TXLC04SP2
8	25TX604002	Phạm Tiến Dũng	20/05/1997					25TXLC04SP2
9	25TX804040	Nguyễn Tú Đình	12/08/1994					25TXLC04SP2
10	25TX804007	Hầu Ngọc Hải	01/03/2003					25TXLC04SP2
11	25TX804008	Trần Thiện Hải	01/11/1986					25TXLC04SP2
12	25TX804010	Lê Thị Thu Hằng	22/02/2003					25TXLC04SP2
13	25TX804009	Nguyễn Thái Hân	01/01/2001					25TXLC04SP2
14	25TX604003	Phạm Văn Hân	06/06/1990					25TXLC04SP2
15	25TX804011	Nguyễn Duy Khang	17/02/2002					25TXLC04SP2
16	25TX804012	Phạm Hoàng Linh	28/03/2003					25TXLC04SP2
17	25TX804013	Đặng Quốc Long	25/09/2003					25TXLC04SP2
18	25TX804014	Huỳnh Vũ Luân	02/09/2000					25TXLC04SP2
19	25TX804015	Danh Thị Hồng Mai	17/05/2002					25TXLC04SP2
20	25TX804016	Lê Vũ Minh	11/01/1999					25TXLC04SP2
21	25TX604004	Lê Văn Mười	02/02/1979					25TXLC04SP2
22	25TX804017	Hoàng Thành Nam	17/11/2004					25TXLC04SP2
23	25TX804018	Võ Phạm Ngọc Ngân	23/08/2002					25TXLC04SP2
24	25TX804019	Lê Trọng Nghĩa	21/02/1996					25TXLC04SP2
25	25TX804020	Nguyễn Trọng Nhân	20/01/2001					25TXLC04SP2
26	25TX804021	Trần Thị Trúc Nhi	04/02/2003					25TXLC04SP2
27	25TX804022	Nguyễn Thị Yến Như	01/06/2003					25TXLC04SP2
28	25TX804023	Lê Hoàng Phát	16/12/2001					25TXLC04SP2
29	25TX604005	Trần Đăng Phú	10/04/1994					25TXLC04SP2
30	25TX804024	Đào Thị Phúc	12/02/2003					25TXLC04SP2
31	25TX604006	Nguyễn Đoàn Hoàng Phúc	03/05/2003					25TXLC04SP2
32	25TX804025	Nguyễn Lê Hồng Phượng	02/06/2002					25TXLC04SP2
33	25TX804026	Trần Quốc Qui	02/02/1998					25TXLC04SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) - 04 - Số TC: 1**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **GDQP110531_04TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Anh Vĩnh (6403)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX604007	Trần Minh Thành	17/02/1995					25TXLC04SP2
35	25TX804029	Trịnh Việt Thành	02/07/2005					25TXLC04SP2
36	25TX804028	Nguyễn Đỗ Việt Thắng	13/10/2003					25TXLC04SP2
37	25TX804031	Võ Nguyễn Bảo Thy	03/09/2003					25TXLC04SP2
38	25TX804032	Nguyễn Trọng Trí	31/12/1996					25TXLC04SP2
39	25TX804034	Đặng Văn Trung	02/09/1994					25TXLC04SP2
40	25TX804033	Lương Nguyễn Minh Trung	27/12/2003					25TXLC04SP2
41	25TX804035	Phạm Trọng Trường	10/06/1999					25TXLC04SP2
42	25TX804036	Trần Văn Tuấn	25/05/2001					25TXLC04SP2
43	25TX804037	Chu Thị Tuyền	28/12/1991					25TXLC04SP2
44	25TX804041	Khương Duy Tùng	21/03/1994					25TXLC04SP2
45	25TX804038	Nguyễn Thị Linh Vi	28/11/2003					25TXLC04SP2
46	25TX604008	Huỳnh Quốc Vương	30/03/1999					25TXLC04SP2
47	25TX804039	Nguyễn Thùy Thanh Vy	27/12/2003					25TXLC04SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 47 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) - 03 - Số TC: 1**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **GDQP110531_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Anh Vĩnh (6403)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX842001	Võ Tuấn Anh	02/01/2003					25TXLC42SP2L
2	25TX642002	Phan Quốc Bảo	07/11/2002					25TXLC42SP2C
3	25TX642009	Đoàn Nguyễn Đức Duy	20/08/2000					25TXLC42SP2C
4	25TX642008	Lê Nguyễn Phương Duy	07/02/1996					25TXLC42SP2C
5	25TX842007	Lê Nhật Duy	07/05/2005					25TXLC42SP2L
6	25TX642007	Lê Thanh Duy	02/02/1999					25TXLC42SP2C
7	25TX842004	Nguyễn Văn Dũng	01/11/1998					25TXLC42SP2L
8	25TX842005	Võ Hữu Dương	05/06/2000					25TXLC42SP2L
9	25TX642004	Nguyễn Thành Đạt	05/08/2000					25TXLC42SP2C
10	25TX642006	Cao Nguyễn Thành Đức	15/02/2001					25TXLC42SP2C
11	25TX642005	Phạm Việt Đức	09/02/2000					25TXLC42SP2C
12	25TX642010	Phạm Thanh Hải	30/07/2000					25TXLC42SP2C
13	25TX842008	Trần Mạnh Hào	08/11/2000					25TXLC42SP2L
14	25TX642013	Vũ Công Hậu	13/07/2002					25TXLC42SP2C
15	25TX642014	Trần Văn Hiến	21/07/1993					25TXLC42SP2C
16	25TX842013	Nguyễn Lê Huy	16/06/1997					25TXLC42SP2L
17	25TX642017	Nguyễn Phước Huỳnh	09/12/1994					25TXLC42SP2C
18	25TX842012	Phông Cẩm Hùng	01/02/1998					25TXLC42SP2L
19	25TX842014	Nguyễn Chí Khang	23/09/1999					25TXLC42SP2L
20	25TX642019	Trần Lê Viễn Khang	08/10/2003					25TXLC42SP2C
21	25TX842015	Ngô Hồng Khanh	02/10/1997					25TXLC42SP2L
22	25TX842016	Lương Trung Khánh	30/03/1991					25TXLC42SP2L
23	25TX842017	Nguyễn Đình Kung	07/10/2004					25TXLC42SP2L
24	25TX642022	Trần Mạnh Long	02/08/2001					25TXLC42SP2C
25	25TX642023	Võ Thành Thái Luân	04/12/2001					25TXLC42SP2C
26	25TX642025	Đặng Công Ngôn	20/07/1993					25TXLC42SP2C
27	25TX842018	Thuận Khánh Nguyên	27/11/1996					25TXLC42SP2L
28	25TX642026	Doãn Thành Nhân	20/12/1990					25TXLC42SP2C
29	25TX842019	Nguyễn Thế Nhân	15/06/1978					25TXLC42SP2L
30	25TX642027	Lê Xuân Phúc	12/01/1997					25TXLC42SP2C
31	25TX842023	Nguyễn Thế Quý	11/08/1999					25TXLC42SP2L
32	25TX642028	Châu Minh Tâm	01/03/1997					25TXLC42SP2C
33	25TX642029	Lê Nguyễn Nhật Thanh	26/12/2003					25TXLC42SP2C

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) - 03 - Số TC: 1**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **GDQP110531_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phạm Anh Vĩnh (6403)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A309

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX842025	Thạch Minh Thái	06/11/1995					25TXLC42SP2L
35	25TX642030	Đặng Bùi Hoàng Thiện	23/11/1996					25TXLC42SP2C
36	25TX642031	Nguyễn Văn Thương	20/10/1992					25TXLC42SP2C
37	25TX842027	Đỗ Trung Tín	02/12/2000					25TXLC42SP2L
38	25TX642035	Dương Nhật Toàn	24/07/1996					25TXLC42SP2C
39	25TX642033	Lưu Văn Toàn	16/06/1984					25TXLC42SP2C
40	25TX642032	Vũ Đình Song Toàn	16/07/2000					25TXLC42SP2C
41	25TX642036	Trương Minh Trí	09/02/1998					25TXLC42SP2C
42	25TX642037	Nguyễn Nam Trung	17/10/2000					25TXLC42SP2C
43	25TX842028	Phạm Duy Trung	12/10/2003					25TXLC42SP2L
44	25TX642038	Trần Hữu Trung	17/12/1997					25TXLC42SP2C
45	25TX642039	Phan Lâm Trường	06/05/2000					25TXLC42SP2C
46	25TX842029	Lê Anh Tuấn	07/12/1999					25TXLC42SP2L
47	25TX842030	Dương Thanh Tùng	16/07/1996					25TXLC42SP2L
48	25TX642041	Phạm Tấn Vinh	12/09/1995					25TXLC42SP2C
49	25TX642042	Lê Hoàng Vĩnh	01/01/2000					25TXLC42SP2C

Số S/V Trong Danh Sách: 49 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Đồ họa KT trên MT(CAD)Auto CAD CB - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **CADM230320_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Trà Kim Quyên (4711)**

Giờ Thi: 13g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A5-303

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TXA24005	Vũ Thế Đức	03/05/1992					24TXLD24SP3
2	24TXA24006	Trần Trung Hậu	19/09/1998					24TXLD24SP3
3	24TXA24007	Nguyễn Văn Huân	28/02/1997					24TXLD24SP3
4	24TXA24008	Nguyễn Thanh Minh	24/07/1993					24TXLD24SP3
5	24TXA24009	Đặng Lê Nam	16/09/1993					24TXLD24SP3
6	24TXA24010	Huỳnh Thảo Ngân	07/12/1996					24TXLD24SP3
7	24TXA24011	Nguyễn Trần Hữu Nguyên	20/10/2001					24TXLD24SP3
8	24TXA24012	Lê Văn Phúc	21/02/1986					24TXLD24SP3
9	24TXA24013	Trần Anh Quốc	05/07/1989					24TXLD24SP3
10	24TXA24014	Huỳnh Công Tân	10/08/2000					24TXLD24SP3
11	24TXA24016	Nguyễn Đức Thuận	27/05/1984					24TXLD24SP3
12	24TXA24017	Chế Quang Triều	05/11/1994					24TXLD24SP3
13	24TXA24019	Nguyễn Phi Vương	19/01/1997					24TXLD24SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 13 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Cơ học lưu chất ứng dụng - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **FLUI220132_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Thanh Tinh (6212)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX645006	Nguyễn Thị Thúy An	23/02/2003					24TXLC45SP3
2	24TX845097	Đỗ Nguyễn Hoàng Hải	17/01/1996					24TXLC45SP3
3	24TX645014	Nguyễn Minh Hiếu	05/12/1998					24TXLC45SP3
4	24TX845078	Lê Đăng Khoa	24/09/2000					24TXLC45SP3
5	24TX845096	Ngô Thanh Trúc Lâm	04/02/2001					24TXLC45SP3
6	24TX845079	Võ Duy Lộc	21/06/1999					24TXLC45SP3
7	24TX845080	Lê Nguyễn Minh	21/11/2003					24TXLC45SP3
8	24TX845082	Hồ Bảo Nghĩa	05/10/2003					24TXLC45SP3
9	24TX845081	Nguyễn Trọng Nghĩa	22/08/2000					24TXLC45SP3
10	24TX845083	Lê Hoài Ngọc	06/11/2003					24TXLC45SP3
11	24TX845085	Võ Quang Long Phát	10/05/2001					24TXLC45SP3
12	24TX845087	Lê Nguyễn Hoàng Phong	24/11/2000					24TXLC45SP3
13	24TX845088	Ngô Hồng Phong	20/03/2001					24TXLC45SP3
14	24TX845089	Nguyễn Văn Phước	06/06/1998					24TXLC45SP3
15	24TX845067	Đỗ Thanh Sang	18/05/2001					24TXLC45COT3
16	24TX645007	Nguyễn Quang Sang	11/05/1983					24TXLC45SP3
17	24TX845090	Ngô Vòng Hồ Phú Sinh	02/08/2003					24TXLC45SP3
18	24TX845091	Nguyễn Ngọc Sơn	24/03/2002					24TXLC45SP3
19	24TX845093	Nguyễn Duy Thành	06/07/2004					24TXLC45SP3
20	24TX645010	Nguyễn Chí Thái	27/01/1998					24TXLC45SP3
21	24TX645011	Hồ Đắc Thuận	20/03/2003					24TXLC45SP3
22	24TX645008	Nguyễn Võ Quốc Toàn	15/10/2003					24TXLC45SP3
23	24TX845094	Phạm Thanh Triêm	12/10/2003					24TXLC45SP3
24	24TX645012	Trần Đức Trí	25/12/2003					24TXLC45SP3
25	24TX845092	Phạm Anh Tuấn	22/08/2001					24TXLC45SP3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Cơ học lưu chất ứng dụng - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **FLUI220132_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trần Thanh Tinh (6212)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
26	24TX645013	Nguyễn Hoàng Ý	01/01/1994					24TXLC45SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 26 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Cơ sở nhiệt kỹ thuật - 01 - Số TC: 2**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **FTHE124425_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Trọng Hiếu (9888)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX643001	Trần Hoàng An	27/12/2003					25TXLC43SP2
2	25TX643003	Nguyễn Văn Đông	21/08/1981					25TXLC43SP2
3	25TX843005	Trần Thanh Khang	30/03/2004					25TXLC43SP2
4	25TX843007	Nguyễn Lê Anh Khoa	17/01/1999					25TXLC43SP2
5	25TX843006	Nguyễn Minh Khoa	19/07/1989					25TXLC43SP2
6	25TX643006	Lê Văn Linh	24/06/1996					25TXLC43SP2
7	25TX643007	Lê Tấn Lộc	05/11/2001					25TXLC43SP2
8	25TX643008	Nguyễn Hữu Lộc	27/04/1997					25TXLC43SP2
9	25TX643017	Lê Thanh Mai	01/01/1996					25TXLC43SP2
10	25TX643009	Bùi Công Minh	01/10/2003					25TXLC43SP2
11	25TX643010	Trần Minh Nhật	12/01/2003					25TXLC43SP2
12	25TX643011	Phan Minh Nhựt	08/01/1999					25TXLC43SP2
13	25TX643012	Nguyễn Phạm Duy Phú	15/11/2003					25TXLC43SP2
14	25TX643013	Ma Đăng Quang	05/12/1980					25TXLC43SP2
15	25TX843010	Phạm Hồng Thắng	06/05/1997					25TXLC43SP2
16	25TX843013	Nguyễn Hữu Thiện	24/02/2003					25TXLC43SP2
17	25TX643014	Nguyễn Hồng Thìn	26/06/1988					25TXLC43SP2
18	25TX643015	Nguyễn Đăng Tiến	22/01/2001					25TXLC43SP2
19	25TX843014	Nguyễn Hữu Trí	24/02/2003					25TXLC43SP2
20	25TX643016	Hồ Khắc Tuấn	22/07/1991					25TXLC43SP2
21	25TX843011	Phan Anh Tuấn	29/01/2003					25TXLC43SP2
22	25TX843012	Đào Xuân Win	30/10/1998					25TXLC43SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 22 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Học máy - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MALE431984_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Lê Minh Tân (6352)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A111

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX810001	Ngô Võ Tuấn An	12/10/2001					24TXLC10SP2
2	24TX810002	Phạm Lê Hoàng Anh	26/10/1999					24TXLC10SP2
3	24TX810003	Vũ Thế Bảo	02/02/2002					24TXLC10SP2
4	24TX610001	Nguyễn Thị Huệ	15/11/1995					24TXLC10SP2
5	24TX810007	Trần Trung Hiếu	10/04/2003					24TXLC10SP2
6	24TX610005	Trần Quốc Huy	24/07/1992					24TXLC10SP2
7	24TX610006	Trần Thị Lâm	24/05/1986					24TXLC10SP2
8	24TX810010	Nguyễn Trọng Linh	25/04/2001					24TXLC10SP2
9	24TX610002	Võ Văn Ngọc	02/05/1998					24TXLC10SP2
10	24TX810011	Nguyễn Khôi Nguyên	13/10/2001					24TXLC10SP2
11	24TX810013	Đinh Hồng Phong	26/02/2000					24TXLC10SP2
12	24TX810014	Nguyễn Trần Hoàng Phúc	21/12/2002					24TXLC10SP2
13	24TX810023	Nguyễn Thanh Phước	13/01/2003					24TXLC10SP2
14	24TX810024	Trần Ngô Bảo Quân	02/01/2003					24TXLC10SP2
15	24TX810015	Lê Tam Quyền	10/08/2000					24TXLC10SP2
16	24TX610003	Cao Nguyễn Minh Sang	04/01/2000					24TXLC10SP2
17	24TX810025	Trần Trọng Tân	16/11/2001					24TXLC10SP2
18	24TX810029	Nguyễn Tấn Thịnh	01/05/2003					24TXLC10SP2
19	24TX810031	Phạm Đức Trung	29/06/2004					24TXLC10SP2
20	24TX810019	Nguyễn Đoàn Trung Trực	08/11/2002					24TXLC10SP2
21	24TX810027	Nguyễn Thanh Tùng	30/10/2000					24TXLC10SP2
22	24TX810026	Trần Đức Tùng	12/01/2003					24TXLC10SP2
23	24TX810020	Lê Quang Vinh	21/08/1996					24TXLC10SP2
24	24TX810021	Trương Thanh Vui	24/04/2001					24TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 24 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Thương mại điện tử - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **ECOM431308_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Trương Diệu Linh (7085)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TXA24005	Vũ Thế Đức	03/05/1992					24TXLD24SP3
2	24TXA24006	Trần Trung Hậu	19/09/1998					24TXLD24SP3
3	24TXA24007	Nguyễn Văn Huân	28/02/1997					24TXLD24SP3
4	24TXA24008	Nguyễn Thanh Minh	24/07/1993					24TXLD24SP3
5	24TXA24009	Đặng Lê Nam	16/09/1993					24TXLD24SP3
6	24TXA24010	Huỳnh Thảo Ngân	07/12/1996					24TXLD24SP3
7	24TXA24011	Nguyễn Trần Hữu Nguyên	20/10/2001					24TXLD24SP3
8	24TXA24012	Lê Văn Phúc	21/02/1986					24TXLD24SP3
9	24TXA24013	Trần Anh Quốc	05/07/1989					24TXLD24SP3
10	24TXA24014	Huỳnh Công Tân	10/08/2000					24TXLD24SP3
11	24TXA24016	Nguyễn Đức Thuận	27/05/1984					24TXLD24SP3
12	24TXA24017	Chế Quang Triều	05/11/1994					24TXLD24SP3
13	24TXA24019	Nguyễn Phi Vương	19/01/1997					24TXLD24SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 13 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Vật liệu điện -điện tử - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **EEMA330544_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Thái An (6085)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TXA42038	Lê Thụy Hồng Công	04/06/1990					24TXLD42SP3
2	24TXA42044	Phan Trí Dũng	08/09/1996					24TXLD42SP3
3	24TXA42043	Nguyễn Khánh Dương	05/02/1993					24TXLD42SP3
4	24TXA42025	Nguyễn Hồng Đức	27/11/2000					24TXLD42SP3
5	24TXA42039	Nguyễn Thành Đức	16/01/1972					24TXLD42SP3
6	24TXA42040	Trần Văn Hạt	17/03/1993					24TXLD42SP3
7	24TXA42026	Phạm Thúy Văn Khanh	06/01/1998					24TXLD42SP3
8	24TXA42027	Nguyễn Chí Linh	11/10/1992					24TXLD42SP3
9	24TXA42031	Lâm Tấn Phát	22/05/1997					24TXLD42SP3
10	24TXA42030	Lê Hồ Tấn Phát	28/02/1993					24TXLD42SP3
11	24TXA42033	Trần Văn Sơn	10/06/1993					24TXLD42SP3
12	24TXA42034	Huỳnh Võ Tuấn Tài	22/04/2002					24TXLD42SP3
13	24TXA42041	Võ Ngọc Thắng	10/02/1999					24TXLD42SP3
14	24TXA42042	Nguyễn Cao Trung	16/09/1995					24TXLD42SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 14 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Hoá đại cương - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **GCHE130603_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn (0563)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX842001	Võ Tuấn Anh	02/01/2003					25TXLC42SP2L
2	25TX842007	Lê Nhật Duy	07/05/2005					25TXLC42SP2L
3	25TX842004	Nguyễn Văn Dũng	01/11/1998					25TXLC42SP2L
4	25TX842005	Võ Hữu Dương	05/06/2000					25TXLC42SP2L
5	25TX842008	Trần Mạnh Hào	08/11/2000					25TXLC42SP2L
6	25TX842013	Nguyễn Lê Huy	16/06/1997					25TXLC42SP2L
7	25TX842011	Lê Anh Hùng	03/05/1998					25TXLC42SP2L
8	25TX842012	Phùng Cẩm Hùng	01/02/1998					25TXLC42SP2L
9	25TX842014	Nguyễn Chí Khang	23/09/1999					25TXLC42SP2L
10	25TX842015	Ngô Hồng Khanh	02/10/1997					25TXLC42SP2L
11	25TX842016	Lương Trung Khánh	30/03/1991					25TXLC42SP2L
12	25TX842017	Nguyễn Đình Kung	07/10/2004					25TXLC42SP2L
13	25TX842018	Thuận Khánh Nguyên	27/11/1996					25TXLC42SP2L
14	25TX842019	Nguyễn Thế Nhân	15/06/1978					25TXLC42SP2L
15	25TX842023	Nguyễn Thế Quý	11/08/1999					25TXLC42SP2L
16	25TX842025	Thạch Minh Thái	06/11/1995					25TXLC42SP2L
17	25TX842027	Đỗ Trung Tín	02/12/2000					25TXLC42SP2L
18	25TX842028	Phạm Duy Trung	12/10/2003					25TXLC42SP2L
19	25TX842029	Lê Anh Tuấn	07/12/1999					25TXLC42SP2L
20	25TX842030	Dương Thanh Tùng	16/07/1996					25TXLC42SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 20 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Hoá đại cương - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **GCHE130603_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn (0563)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX843068	Dương Hoàng Duy	17/09/2003					24TXLC43SP3
2	24TX843079	Đoàn Đức Duy	07/09/2005					24TXLC43SP3
3	24TX542006	Bùi Hoàng Dù	13/02/1994					24TXLT42SP2
4	24TX843069	Phạm Tiến Đạt	12/08/2005					24TXLC43SP3
5	24TX843044	Hoàng Mạnh Đức	02/06/2002					24TXLC43COT3
6	24TX843070	Nguyễn Thanh Hải	27/07/1993					24TXLC43SP3
7	24TX843071	Nguyễn Trọng Hiếu	15/01/1996					24TXLC43SP3
8	24TX843080	Vũ Ngọc Xuân Hồng	25/04/2000					24TXLC43SP3
9	24TX843045	Nguyễn Văn Hưng	07/04/2001					24TXLC43COT3
10	24TX843046	Võ Thành Hưng	20/03/1999					24TXLC43COT3
11	24TX843047	Lê Nguyễn Anh Khoa	11/03/2002					24TXLC43COT3
12	24TX845018	Nguyễn Anh Khôi	05/01/2003					24TXLC45SP2
13	24TX843072	Bùi Tất Kiên	08/02/1993					24TXLC43SP3
14	24TX843073	Lê Minh	20/11/2003					24TXLC43SP3
15	24TX843049	Thái Quang Phúc	23/07/2003					24TXLC43COT3
16	24TX843048	Trần Hoàng Phúc	19/01/2002					24TXLC43COT3
17	24TX843082	Tạ Hoàng Quang	14/09/1997					24TXLC43SP3
18	24TX843075	Huỳnh Lâm Sung	18/12/2002					24TXLC43SP3
19	24TX843050	Trần Quốc Toàn	24/02/2002					24TXLC43COT3
20	24TX842040	Nguyễn Bạch Trọng	10/04/2000					24TXLC42SP2L
21	24TX843077	Thạch Vuông	05/10/2003					24TXLC43SP3
22	24TX843078	Huỳnh Văn Vương	18/10/2001					24TXLC43SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 22 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Hoá đại cương - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **GCHE130603_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn (0563)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX804001	Nguyễn Hoàng Ân	24/01/2003					25TXLC04SP2
2	25TX845018	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	13/10/2003					25TXLC45SP2
3	25TX804002	Trần Nhật Bảo	24/06/2000					25TXLC04SP2
4	25TX804042	Đặng Chung	19/02/2003					25TXLC04SP2
5	25TX845001	Phan Huy Cường	09/05/1985					25TXLC45SP2
6	25TX804004	Đặng Thanh Duy	17/08/1998					25TXLC04SP2
7	25TX804005	Trần Hoàng Duy	21/07/1999					25TXLC04SP2
8	25TX804006	Trần Quốc Duy	20/08/1986					25TXLC04SP2
9	25TX845019	Nguyễn Ngọc Đà	15/04/2003					25TXLC45SP2
10	25TX804040	Nguyễn Tú Đình	12/08/1994					25TXLC04SP2
11	25TX804007	Hầu Ngọc Hải	01/03/2003					25TXLC04SP2
12	25TX804008	Trần Thiện Hải	01/11/1986					25TXLC04SP2
13	25TX804010	Lê Thị Thu Hằng	22/02/2003					25TXLC04SP2
14	25TX804009	Nguyễn Thái Hân	01/01/2001					25TXLC04SP2
15	25TX845002	Nguyễn Trung Hậu	05/09/1999					25TXLC45SP2
16	25TX845003	Trần Minh Hiếu	12/06/2004					25TXLC45SP2
17	25TX804011	Nguyễn Duy Khang	17/02/2002					25TXLC04SP2
18	25TX845005	Huỳnh Nhật Khánh	01/12/2001					25TXLC45SP2
19	25TX845006	Trần Duy Khánh	12/10/2002					25TXLC45SP2
20	25TX845007	Lê Văn Lâm	22/08/2001					25TXLC45SP2
21	25TX804012	Phạm Hoàng Linh	28/03/2003					25TXLC04SP2
22	25TX804013	Đặng Quốc Long	25/09/2003					25TXLC04SP2
23	25TX845008	Nguyễn Văn Lộc	05/02/2004					25TXLC45SP2
24	25TX804014	Huỳnh Vũ Luân	02/09/2000					25TXLC04SP2
25	25TX804015	Danh Thị Hồng Mai	17/05/2002					25TXLC04SP2
26	25TX804016	Lê Vũ Minh	11/01/1999					25TXLC04SP2
27	25TX804017	Hoàng Thành Nam	17/11/2004					25TXLC04SP2
28	25TX804018	Võ Phạm Ngọc Ngân	23/08/2002					25TXLC04SP2
29	25TX804019	Lê Trọng Nghĩa	21/02/1996					25TXLC04SP2
30	25TX804020	Nguyễn Trọng Nhân	20/01/2001					25TXLC04SP2
31	25TX804021	Trần Thị Trúc Nhi	04/02/2003					25TXLC04SP2
32	25TX804022	Nguyễn Thị Yến Như	01/06/2003					25TXLC04SP2
33	25TX804023	Lê Hoàng Phát	16/12/2001					25TXLC04SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Hoá đại cương - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **GCHE130603_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn (0563)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX804024	Đào Thị Phúc	12/02/2003					25TXLC04SP2
35	25TX845009	Phan Chí Phương	22/07/2003					25TXLC45SP2
36	25TX804025	Nguyễn Lê Hồng	02/06/2002					25TXLC04SP2
37	25TX845010	Nguyễn Văn Quân	10/01/2002					25TXLC45SP2
38	25TX804026	Trần Quốc Qui	02/02/1998					25TXLC04SP2
39	25TX845011	Huỳnh Đức Sơn	24/09/2002					25TXLC45SP2
40	25TX804029	Trịnh Việt Thành	02/07/2005					25TXLC04SP2
41	25TX804028	Nguyễn Đỗ Việt Thắng	13/10/2003					25TXLC04SP2
42	25TX804031	Võ Nguyễn Bảo Thy	03/09/2003					25TXLC04SP2
43	25TX845021	Trần Văn Toàn	25/02/2002					25TXLC45SP2
44	25TX804032	Nguyễn Trọng Trí	31/12/1996					25TXLC04SP2
45	25TX845014	Nguyễn Hữu Trọng	18/09/2002					25TXLC45SP2
46	25TX804034	Đặng Văn Trung	02/09/1994					25TXLC04SP2
47	25TX804033	Lương Nguyễn Minh Trung	27/12/2003					25TXLC04SP2
48	25TX804035	Phạm Trọng Trường	10/06/1999					25TXLC04SP2
49	25TX845016	Đinh Minh Tuấn	19/07/2003					25TXLC45SP2
50	25TX804036	Trần Văn Tuấn	25/05/2001					25TXLC04SP2
51	25TX804037	Chu Thị Tuyền	28/12/1991					25TXLC04SP2
52	25TX804041	Khương Duy Tùng	21/03/1994					25TXLC04SP2
53	25TX845022	Nguyễn Thanh Tú	16/11/2002					25TXLC45SP2
54	25TX804038	Nguyễn Thị Linh Vi	28/11/2003					25TXLC04SP2
55	25TX804039	Nguyễn Thùy Thanh Vy	27/12/2003					25TXLC04SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 55 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Đại số tuyến tính và cấu trúc đại số - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH143001_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Hữu Tâm (9012)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX610001	Phạm Văn Bình	20/10/1988					25TXLC10SP2
2	25TX610002	Nguyễn Anh Duy	09/09/1994					25TXLC10SP2
3	25TX810002	Trần Khánh Duy	01/01/2004					25TXLC10SP2
4	25TX810001	Trần Quốc Dương	18/04/2004					25TXLC10SP2
5	25TX810003	Trương Văn Giáp	05/03/2004					25TXLC10SP2
6	25TX810004	Trần Văn Hậu	09/07/1999					25TXLC10SP2
7	25TX810005	Nguyễn Bảo Hiền	14/08/2004					25TXLC10SP2
8	25TX810006	Lê Trung Hiếu	02/02/1999					25TXLC10SP2
9	25TX810008	Hồ Sỹ Huy	14/11/1999					25TXLC10SP2
10	25TX610004	Nguyễn Chí Khang	19/06/2002					25TXLC10SP2
11	25TX810009	Nguyễn Minh Khang	21/01/2003					25TXLC10SP2
12	25TX810010	Đào Trần Tuấn Khanh	12/11/2001					25TXLC10SP2
13	25TX610005	Nguyễn Hải Long	24/08/1997					25TXLC10SP2
14	25TX810012	Trần Minh Mẫn	19/10/2001					25TXLC10SP2
15	25TX810013	Trần Công Minh	26/10/2002					25TXLC10SP2
16	25TX810014	Phạm Trương Minh Ngọc	15/08/1997					25TXLC10SP2
17	25TX810015	Hồ Nhật Nguyên	12/04/2004					25TXLC10SP2
18	25TX810016	Lê Ngọc Nhân	02/01/1998					25TXLC10SP2
19	25TX810017	Lê Gia Nhật	12/11/2003					25TXLC10SP2
20	25TX810018	Lê Thanh Phát	02/02/2004					25TXLC10SP2
21	25TX610007	Nguyễn Hoàng Phú	03/08/1997					25TXLC10SP2
22	25TX610008	Lý Anh Quyên	20/09/2000					25TXLC10SP2
23	25TX810019	Nguyễn Xuân Quỳnh	13/08/1993					25TXLC10SP2
24	25TX810020	Nguyễn Đức Sỹ	08/11/2001					25TXLC10SP2
25	25TX810021	Đặng Thành Tâm	25/07/2004					25TXLC10SP2
26	25TX810022	Đỗ Minh Tâm	28/07/2004					25TXLC10SP2
27	25TX810023	Đoàn Thị Mỹ Thiện	26/08/2001					25TXLC10SP2
28	25TX810024	Lê Nguyễn Chí Thuận	30/07/2006					25TXLC10SP2
29	25TX810025	Nguyễn Duy Thuận	21/01/1997					25TXLC10SP2
30	25TX810026	Ngô Hoài Thương	05/10/2004					25TXLC10SP2
31	25TX810027	Nguyễn Huy Toàn	09/02/2001					25TXLC10SP2
32	25TX810028	Phan Đăng Ngọc Trân	23/08/2003					25TXLC10SP2
33	25TX810029	Nguyễn Mạnh Trường	22/08/2004					25TXLC10SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Đại số tuyến tính và cấu trúc đại số - 01 - Số TC: 4**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH143001_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Hữu Tâm (9012)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
34	25TX810031	Hồ Minh Yên	20/04/2001					25TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 34 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Lập Trình Python - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **IPPA233277_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Văn Chiến (6446)**

Giờ Thi: 14g45 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A5-203

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX610008	Đặng Tấn Đạt	06/02/1994					24TXLC10SP3
2	24TX610009	Trịnh Hận	15/09/1991					24TXLC10SP3
3	24TX610010	Nguyễn Thanh Huy	17/04/2002					24TXLC10SP3
4	24TX610012	Lê Nguyễn Minh Quân	03/03/1993					24TXLC10SP3
5	24TX610013	Bá Hoài Sơn	20/11/1997					24TXLC10SP3
6	24TX610014	Lê Minh Tài	23/11/2003					24TXLC10SP3
7	24TX810056	Lê Sỹ Tuấn Anh	10/02/1999					24TXLC10SP3
8	24TX810057	Nguyễn Quốc Bảo	26/07/2001					24TXLC10SP3
9	24TX810059	Nguyễn Trung Hiếu	30/12/1996					24TXLC10SP3
10	24TX810060	Bùi Chí Hiếu	12/10/1999					24TXLC10SP3
11	24TX810061	Nguyễn Phát Khang	11/07/2000					24TXLC10SP3
12	24TX810062	Vũ Khanh	08/08/2004					24TXLC10SP3
13	24TX810063	Vương Hoàng Khôi	15/12/2005					24TXLC10SP3
14	24TX810064	Nguyễn Thị Diễm My	03/12/2001					24TXLC10SP3
15	24TX810065	Bùi Thu Thanh	19/03/2003					24TXLC10SP3
16	24TX810068	Tạ Đặng Anh Dương	11/01/2001					24TXLC10SP3
17	24TX810069	Nguyễn Quang Minh	28/02/2002					24TXLC10SP3
18	24TX810070	Nguyễn Tiến Thành	22/07/2002					24TXLC10SP3
19	24TX810071	Nguyễn Ngọc Thiện	26/01/2001					24TXLC10SP3

Số S/V Trong Danh Sách: 19 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán cao cấp dành cho kỹ sư 2 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH133201_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Phương Dung (0710)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A109

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX845034	Lê Thành Phước	27/12/2003					24TXLC45SP2
2	24TX845035	Nguyễn Hoài Duy Phước	23/01/1998					24TXLC45SP2
3	24TX845036	Nguyễn Trung Quốc	25/10/1999					24TXLC45SP2
4	24TX845038	Nguyễn Minh Sang	08/05/2002					24TXLC45SP2
5	24TX645004	Nguyễn Văn Tài	10/07/2002					24TXLC45SP2
6	24TX845039	Hồ Chí Tâm	13/01/2000					24TXLC45SP2
7	24TX845040	Trần Đức Tâm	25/04/1988					24TXLC45SP2
8	24TX845041	Lê Hoàng Tân	28/02/2004					24TXLC45SP2
9	24TX845043	Nguyễn Hoài Thanh	01/06/2003					24TXLC45SP2
10	24TX845042	Nguyễn Thị Phương Thanh	11/01/2003					24TXLC45SP2
11	24TX845044	Trương Hữu Thảo	22/04/1999					24TXLC45SP2
12	24TX845045	Nguyễn Công Thuận	17/04/2002					24TXLC45SP2
13	24TX845046	Nguyễn Minh Thuận	18/02/2002					24TXLC45SP2
14	24TX845048	Lê Trung Tính	06/11/2003					24TXLC45SP2
15	24TX845049	Lê Phước Toàn	13/07/1990					24TXLC45SP2
16	24TX845051	Hồ Văn Triển	14/01/2001					24TXLC45SP2
17	24TX845050	Lưu Minh Trí	11/03/2003					24TXLC45SP2
18	24TX845053	Nguyễn Đan Trường	23/06/2002					24TXLC45SP2
19	24TX845064	Lưu Việt Tùng	24/06/2001					24TXLC45SP2
20	24TX845057	Trần Hoàng Vũ	15/10/2003					24TXLC45SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 20 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 2 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132501_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Văn Hòa (6529)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A110

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX810021	Đặng Thành Tâm	25/07/2004					25TXLC10SP2
2	25TX810022	Đỗ Minh Tâm	28/07/2004					25TXLC10SP2
3	24TX842032	Nguyễn Quang Nhật Tân	27/10/1999					24TXLC42SP2L
4	25TX843010	Phạm Hồng Thắng	06/05/1997					25TXLC43SP2
5	25TX810023	Đoàn Thị Mỹ Thiện	26/08/2001					25TXLC10SP2
6	25TX843013	Nguyễn Hữu Thiện	24/02/2003					25TXLC43SP2
7	25TX810024	Lê Nguyễn Chí Thuận	30/07/2006					25TXLC10SP2
8	25TX810025	Nguyễn Duy Thuận	21/01/1997					25TXLC10SP2
9	25TX810026	Ngô Hoài Thương	05/10/2004					25TXLC10SP2
10	25TX810027	Nguyễn Huy Toàn	09/02/2001					25TXLC10SP2
11	25TX810028	Phan Đặng Ngọc Trân	23/08/2003					25TXLC10SP2
12	25TX843014	Nguyễn Hữu Trí	24/02/2003					25TXLC43SP2
13	25TX810029	Nguyễn Mạnh Trường	22/08/2004					25TXLC10SP2
14	25TX843011	Phan Anh Tuấn	29/01/2003					25TXLC43SP2
15	24TX542038	Đỗ Văn Tú	01/01/1997					24TXLT42SP3
16	25TX843012	Đào Xuân Win	30/10/1998					25TXLC43SP2
17	25TX810031	Hồ Minh Yên	20/04/2001					25TXLC10SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 17 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 2 - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132501_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Điệp (0435)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A112

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX804021	Trần Thị Trúc Nhi	04/02/2003					25TXLC04SP2
2	25TX804022	Nguyễn Thị Yến Như	01/06/2003					25TXLC04SP2
3	25TX804023	Lê Hoàng Phát	16/12/2001					25TXLC04SP2
4	25TX804024	Đào Thị Phúc	12/02/2003					25TXLC04SP2
5	25TX845009	Phan Chí Phương	22/07/2003					25TXLC45SP2
6	25TX804025	Nguyễn Lê Hồng Phụng	02/06/2002					25TXLC04SP2
7	25TX845010	Nguyễn Văn Quân	10/01/2002					25TXLC45SP2
8	25TX804026	Trần Quốc Qui	02/02/1998					25TXLC04SP2
9	25TX845011	Huỳnh Đức Sơn	24/09/2002					25TXLC45SP2
10	25TX804029	Trịnh Việt Thành	02/07/2005					25TXLC04SP2
11	25TX804028	Nguyễn Đỗ Việt Thắng	13/10/2003					25TXLC04SP2
12	25TX804031	Võ Nguyễn Bảo Thy	03/09/2003					25TXLC04SP2
13	25TX845021	Trần Văn Toàn	25/02/2002					25TXLC45SP2
14	25TX804032	Nguyễn Trọng Trí	31/12/1996					25TXLC04SP2
15	25TX845014	Nguyễn Hữu Trọng	18/09/2002					25TXLC45SP2
16	25TX804034	Đặng Văn Trung	02/09/1994					25TXLC04SP2
17	25TX804033	Lương Nguyễn Minh Trung	27/12/2003					25TXLC04SP2
18	25TX804035	Phạm Trọng Trường	10/06/1999					25TXLC04SP2
19	25TX845016	Đình Minh Tuấn	19/07/2003					25TXLC45SP2
20	25TX804036	Trần Văn Tuấn	25/05/2001					25TXLC04SP2
21	25TX804037	Chu Thị Tuyền	28/12/1991					25TXLC04SP2
22	25TX804041	Khương Duy Tùng	21/03/1994					25TXLC04SP2
23	25TX845022	Nguyễn Thanh Tú	16/11/2002					25TXLC45SP2
24	25TX804038	Nguyễn Thị Linh Vi	28/11/2003					25TXLC04SP2
25	25TX804039	Nguyễn Thùy Thanh Vy	27/12/2003					25TXLC04SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 25 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 2 - 02 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132501_02TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Lê Thi (5005)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A113

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX842001	Võ Tuấn Anh	02/01/2003					25TXLC42SP2L
2	25TX842007	Lê Nhật Duy	07/05/2005					25TXLC42SP2L
3	25TX842004	Nguyễn Văn Dũng	01/11/1998					25TXLC42SP2L
4	25TX842005	Võ Hữu Dương	05/06/2000					25TXLC42SP2L
5	25TX842008	Trần Mạnh Hào	08/11/2000					25TXLC42SP2L
6	25TX842013	Nguyễn Lê Huy	16/06/1997					25TXLC42SP2L
7	25TX842011	Lê Anh Hùng	03/05/1998					25TXLC42SP2L
8	25TX842012	Phùng Cẩm Hùng	01/02/1998					25TXLC42SP2L
9	25TX842014	Nguyễn Chí Khang	23/09/1999					25TXLC42SP2L
10	24TX810061	Nguyễn Phát Khang	11/07/2000					24TXLC10SP3
11	25TX842015	Ngô Hồng Khanh	02/10/1997					25TXLC42SP2L
12	25TX842016	Lương Trung Khánh	30/03/1991					25TXLC42SP2L
13	25TX842017	Nguyễn Đình Kung	07/10/2004					25TXLC42SP2L
14	25TX842018	Thuận Khánh Nguyên	27/11/1996					25TXLC42SP2L
15	25TX842019	Nguyễn Thế Nhân	15/06/1978					25TXLC42SP2L
16	25TX842023	Nguyễn Thế Quý	11/08/1999					25TXLC42SP2L
17	25TX842025	Thạch Minh Thái	06/11/1995					25TXLC42SP2L
18	25TX842027	Đỗ Trung Tín	02/12/2000					25TXLC42SP2L
19	25TX842028	Phạm Duy Trung	12/10/2003					25TXLC42SP2L
20	25TX842029	Lê Anh Tuấn	07/12/1999					25TXLC42SP2L
21	25TX842030	Dương Thanh Tùng	16/07/1996					25TXLC42SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 21 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán cao cấp dành cho kỹ sư 2 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH133201_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Phương Dung (0710)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX645001	Nguyễn Tuấn Anh	24/02/1997					24TXLC45SP2
2	24TX845001	Phạm Hoàng Anh	31/01/2001					24TXLC45SP2
3	24TX845003	Đoàn Ngọc Bảo	11/05/2003					24TXLC45SP2
4	24TX845004	Lê Hoài Bảo	12/08/1998					24TXLC45SP2
5	24TX845002	Nguyễn Ngọc Bảo	06/05/2003					24TXLC45SP2
6	24TX845005	Phạm Duy Bình	25/08/2003					24TXLC45SP2
7	24TX845006	Đỗ Hồng Đăng	30/05/2001					24TXLC45SP2
8	24TX845059	Nguyễn Văn Trường	17/05/2001					24TXLC45SP2
9	24TX845007	Trương Minh Giàu	09/07/2000					24TXLC45SP2
10	24TX845008	Nguyễn Văn Hiếu	21/04/2001					24TXLC45SP2
11	24TX845060	Võ Tấn Hoài	08/09/2003					24TXLC45SP2
12	24TX845011	Cao Quốc Huy	24/01/2003					24TXLC45SP2
13	24TX845010	Trần Quốc Huy	16/09/1997					24TXLC45SP2
14	24TX845013	Nguyễn An Khang	18/08/2002					24TXLC45SP2
15	24TX645002	Phạm Khang	01/03/2002					24TXLC45SP2
16	24TX845012	Đỗ Đức Khải	29/01/1999					24TXLC45SP2
17	24TX845015	Đoàn Quốc Khánh	21/05/2000					24TXLC45SP2
18	24TX645003	Nguyễn Đăng Khoa	24/11/2001					24TXLC45SP2
19	24TX845017	Nguyễn Trần Đăng Khoa	18/08/2003					24TXLC45SP2
20	24TX845061	Trần Đăng Khoa	25/12/1999					24TXLC45SP2
21	24TX845018	Nguyễn Anh Khôi	05/01/2003					24TXLC45SP2
22	24TX845019	Nguyễn Vũ Khương	11/10/1987					24TXLC45SP2
23	24TX845020	Trần Trung Kiên	07/10/2003					24TXLC45SP2
24	24TX845021	Nguyễn Thanh Liêm	20/10/1997					24TXLC45SP2
25	24TX845023	Trương Quang Linh	21/04/2002					24TXLC45SP2
26	24TX845024	Vũ Hoàng Nam	13/01/2003					24TXLC45SP2
27	24TX845027	Phan Minh Nhật	20/07/2003					24TXLC45SP2
28	24TX845028	Lương Tấn Pháp	24/11/2003					24TXLC45SP2
29	24TX845063	Nguyễn Thành Phát	27/08/2000					24TXLC45SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán cao cấp dành cho kỹ sư 2 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH133201_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Phan Phương Dung (0710)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A210

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
30	24TX845031	Trần Nhật Thanh Phong	27/11/2001					24TXLC45SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 30 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 2 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132501_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Văn Hòa (6529)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Torr	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	24TX542030	Nguyễn Quyền Anh	30/10/1996					24TXLT42SP3
2	25TX810002	Trần Khánh Duy	01/01/2004					25TXLC10SP2
3	25TX810001	Trần Quốc Dương	18/04/2004					25TXLC10SP2
4	24TX542031	Nguyễn Văn Đạt	06/03/1995					24TXLT42SP3
5	25TX810003	Trương Văn Giáp	05/03/2004					25TXLC10SP2
6	24TX542032	Nguyễn Văn Hải	10/02/1994					24TXLT42SP3
7	25TX810004	Trần Văn Hậu	09/07/1999					25TXLC10SP2
8	25TX810005	Nguyễn Bảo Hiền	14/08/2004					25TXLC10SP2
9	24TX542033	Nguyễn Thanh Hiếu	06/02/1988					24TXLT42SP3
10	25TX810006	Lê Trung Hiếu	02/02/1999					25TXLC10SP2
11	24TX542034	Đoàn Nguyễn Duy Hòa	12/08/1990					24TXLT42SP3
12	25TX810008	Hồ Sỹ Huy	14/11/1999					25TXLC10SP2
13	25TX810009	Nguyễn Minh Khang	21/01/2003					25TXLC10SP2
14	25TX843005	Trần Thanh Khang	30/03/2004					25TXLC43SP2
15	25TX810010	Đào Trần Tuấn Khanh	12/11/2001					25TXLC10SP2
16	24TX542035	Vũ Đức Khánh	14/09/1995					24TXLT42SP3
17	25TX843007	Nguyễn Lê Anh Khoa	17/01/1999					25TXLC43SP2
18	25TX843006	Nguyễn Minh Khoa	19/07/1989					25TXLC43SP2
19	25TX810012	Trần Minh Mẫn	19/10/2001					25TXLC10SP2
20	25TX810013	Trần Công Minh	26/10/2002					25TXLC10SP2
21	25TX810014	Phạm Trương Minh Ngọc	15/08/1997					25TXLC10SP2
22	25TX810015	Hồ Nhật Nguyên	12/04/2004					25TXLC10SP2
23	25TX810016	Lê Ngọc Nhân	02/01/1998					25TXLC10SP2
24	25TX810017	Lê Gia Nhật	12/11/2003					25TXLC10SP2
25	24TX842022	Tạ Đức Nhật	17/02/2002					24TXLC42SP2L
26	25TX810018	Lê Thanh Phát	02/02/2004					25TXLC10SP2
27	24TX542036	Võ Cao Quốc	20/10/1986					24TXLT42SP3
28	25TX810019	Nguyễn Xuân Quỳnh	13/08/1993					25TXLC10SP2
29	24TX542037	Phạm Đức Sơn	12/10/1981					24TXLT42SP3
30	25TX810020	Nguyễn Đức Sỹ	08/11/2001					25TXLC10SP2
31	24TX842031	Hồ Phước Tài	05/06/1999					24TXLC42SP2L

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 2 - 01 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132501_01TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Ngô Văn Hòa (6529)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A211

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
32	24TX842050	Lê Thiên Viễn Tài	10/08/1996					24TXLC42SP2L

Số S/V Trong Danh Sách: 32 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 2 - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132501_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Điệp (0435)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
1	25TX804001	Nguyễn Hoàng Ân	24/01/2003					25TXLC04SP2
2	25TX845018	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	13/10/2003					25TXLC45SP2
3	25TX804002	Trần Nhật Bảo	24/06/2000					25TXLC04SP2
4	25TX804042	Đặng Chung	19/02/2003					25TXLC04SP2
5	25TX845001	Phan Huy Cường	09/05/1985					25TXLC45SP2
6	25TX804004	Đặng Thanh Duy	17/08/1998					25TXLC04SP2
7	25TX804005	Trần Hoàng Duy	21/07/1999					25TXLC04SP2
8	25TX804006	Trần Quốc Duy	20/08/1986					25TXLC04SP2
9	25TX845019	Nguyễn Ngọc Đà	15/04/2003					25TXLC45SP2
10	25TX804040	Nguyễn Tú Đình	12/08/1994					25TXLC04SP2
11	25TX804007	Hầu Ngọc Hải	01/03/2003					25TXLC04SP2
12	25TX804008	Trần Thiện Hải	01/11/1986					25TXLC04SP2
13	25TX804010	Lê Thị Thu Hằng	22/02/2003					25TXLC04SP2
14	25TX804009	Nguyễn Thái Hân	01/01/2001					25TXLC04SP2
15	25TX845002	Nguyễn Trung Hậu	05/09/1999					25TXLC45SP2
16	25TX845003	Trần Minh Hiếu	12/06/2004					25TXLC45SP2
17	25TX804011	Nguyễn Duy Khang	17/02/2002					25TXLC04SP2
18	25TX845005	Huỳnh Nhật Khánh	01/12/2001					25TXLC45SP2
19	25TX845006	Trần Duy Khánh	12/10/2002					25TXLC45SP2
20	25TX845007	Lê Văn Lâm	22/08/2001					25TXLC45SP2
21	25TX804012	Phạm Hoàng Linh	28/03/2003					25TXLC04SP2
22	25TX804013	Đặng Quốc Long	25/09/2003					25TXLC04SP2
23	25TX845008	Nguyễn Văn Lộc	05/02/2004					25TXLC45SP2
24	25TX804014	Huỳnh Vũ Luân	02/09/2000					25TXLC04SP2
25	25TX804015	Danh Thị Hồng Mai	17/05/2002					25TXLC04SP2
26	25TX804016	Lê Vũ Minh	11/01/1999					25TXLC04SP2
27	25TX804017	Hoàng Thành Nam	17/11/2004					25TXLC04SP2
28	25TX804018	Võ Phạm Ngọc Ngân	23/08/2002					25TXLC04SP2
29	25TX804019	Lê Trọng Nghĩa	21/02/1996					25TXLC04SP2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI KỲ - THEO NHÓM

Học Kỳ 01 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm: **Toán 2 - 03 - Số TC: 3**

Cán bộ coi thi 1: _____

Lớp học phần: **MATH132501_03TX**

Cán bộ coi thi 2: _____

CBGD: **Nguyễn Điệp (0435)**

Giờ Thi: 16g15 Ngày thi: 11/01/2026 Phòng thi: A310

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày Sinh	Số Từ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Tên Lớp
30	25TX804020	Nguyễn Trọng Nhân	20/01/2001					25TXLC04SP2

Số S/V Trong Danh Sách: 30 .Số S/V Dự Thi: _____

Ngày tháng năm

Xác Nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi